

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

**DỰ ÁN MÔ HÌNH
TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM**

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN
MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CHỮ VIẾT TẮT, KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

GV	Giáo viên
HS	Học sinh
HĐ	Hoạt động
HDH	Hướng dẫn học
HDHTV2	Hướng dẫn học Tiếng Việt 2



Hoạt động cá nhân



Hoạt động cặp đôi



Hoạt động nhóm



Hoạt động chung cả lớp



Hoạt động với cộng đồng

PHẦN I
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Mục đích của Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2

Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2 được biên soạn với những mục đích sau :

- Hỗ trợ GV sử dụng có hiệu quả sách HDHTV2 và các tài liệu hướng dẫn GV tổ chức dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo mô hình trường học mới.
- Dùng làm tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho GV và cán bộ quản lí (CBQL) về lĩnh vực tổ chức dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 ở các trường thực hiện mô hình trường học mới.

2. Giới thiệu phương pháp dạy học theo mô hình trường học mới (EN)

Phương pháp dạy học theo EN là một cách tổ chức trường học, tổ chức dạy học theo một quan điểm giáo dục mới. Đây là một mô hình trường học hỗ trợ HS nâng cao năng lực tự học ; hỗ trợ GV hướng dẫn HS học tập, liên kết nhà trường với cộng đồng. Mô hình này đã được áp dụng ở Columbia và một số nước trong mấy chục năm qua. Năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quyết định thử nghiệm mô hình giáo dục tiên tiến này ở một số lượng lớn các trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc. Để có thể thực hiện dạy học theo mô hình này, nhà trường cần có 5 yếu tố :

- Hội đồng tự quản của HS ở các lớp học ;
- Góc học tập và Trung tâm cung cấp tài liệu học tại lớp ;
- Thư viện lớp học và tổ chức sử dụng thư viện ;
- Môi liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và cộng đồng ;
- Sách *Hướng dẫn học*.

Đặc điểm của phương pháp dạy học theo EN là :

– HS được coi là trung tâm của quá trình dạy học, GV có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy, hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập để các em phát triển.

– Hoạt động học tập của HS diễn ra chủ yếu bằng hình thức tự học dưới sự hướng dẫn của GV và dưới sự quản lí của *Hội đồng tự quản học sinh* trong mỗi lớp : cá nhân tự học, tự học theo cặp và nhóm. Hoạt động học tập không chỉ giới hạn trong sách mà còn mở rộng ra thực tế cuộc sống của chính HS ở cộng đồng.

– Cộng đồng gắn bó chặt chẽ với trường học và tham gia vào quá trình dạy học thông qua sự hỗ trợ của người lớn ở gia đình, ở địa phương đối với việc học của HS.

– Việc triển khai nội dung học tập, kế hoạch dạy học được thực hiện linh hoạt bằng sách *Hướng dẫn học* (với 3 chức năng : sách giáo khoa, sách giáo viên, vở thực hành), bằng thời khoá biểu linh hoạt.

Phương pháp dạy học theo EN là sử dụng cùng chương trình cấp Tiểu học của một quốc gia thể hiện trên sách giáo khoa (SGK) các môn học của quốc gia đó, nhưng thiết kế lại nội dung học ở SGK từng môn thành các tổ hợp bài học dành cho HS tự học có hướng dẫn. Trong quá trình học, mỗi bài đều có đánh giá kết quả học tập bằng cách phản hồi của GV với HS.

3. Giới thiệu sách *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2*

3.1. Quan điểm biên soạn

Sách *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2* được biên soạn theo quan điểm dạy học của EN áp dụng ở Việt Nam.

Hướng dẫn học Tiếng Việt 2 là sách thử nghiệm dùng cho 3 đối tượng :

- Với HS, nó là sách học.
- Với GV, nó là tài liệu hỗ trợ cách hướng dẫn, tổ chức cho HS học có hiệu quả.
- Với phụ huynh HS và người dân ở cộng đồng, nó là tài liệu giúp họ có khả năng hỗ trợ con em học tại gia đình, cộng đồng.

3.2. Căn cứ để biên soạn sách

3.2.1. Sách HDHTV2 được biên soạn theo Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2 có trong văn bản Chương trình cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Do được biên soạn ở thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản chỉ đạo *Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học các môn học cấp Tiểu học* đính kèm công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nên sách HDHTV2 đã thể hiện đúng các quan điểm chỉ đạo về dạy học môn Tiếng Việt của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Toàn bộ nội dung học ở tất cả các bài học thể hiện đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, thái độ được nêu trong chương trình môn học Tiếng Việt và những nội dung đã được điều chỉnh. Nội dung học nêu trong mỗi hướng dẫn học đều bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng như : đọc, viết, nghe, nói, những kiến thức về từ và câu trong tiếng Việt. Ngữ liệu để chuyển tải những kiến thức và kỹ năng trên bao gồm các văn bản truyện, thơ, văn bản khoa học, văn bản hành chính, văn bản báo chí truyền thông, lời nói chứa đựng phong cách giao tiếp văn hoá của người Việt Nam trong đời sống thường nhật.

Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của HS diễn ra tại các trường tiểu học học có theo HDHTV2 cũng được giám sát, kiểm định theo *Chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn Tiếng Việt lớp 2* được nêu trong văn bản *Chương trình cấp Tiểu học*.

3.2.2. Sách HDHTV2 kế thừa những nội dung phù hợp với quan điểm biên soạn sách mới trong bộ sách Tiếng Việt 2 hiện hành

Trong bối cảnh GV và HS toàn quốc đã có một thời gian khá dài (khoảng 10 năm) dạy học đạt được những thành quả nhất định theo bộ SGK *Tiếng Việt 2*, sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 2*, vở bài tập *Tiếng Việt 2*, nên các tác giả biên soạn sách HDHTV2 đã tham khảo, lựa chọn sử dụng những nội dung trong bộ sách nói trên còn phù hợp với quan điểm biên soạn HDHTV2 để đưa vào sách thử nghiệm này. Hầu hết các văn bản để HS học đọc trong SGK *Tiếng Việt 2* đã được dùng làm ngữ liệu để dạy đọc, dạy viết chính tả trong HDHTV2.

Sự phân bố các kiến thức, kĩ năng trong từng tuần ở SGK *Tiếng Việt 2* hiện hành cũng được kế thừa và đưa vào sách HDHTV2. Sự khác biệt giữa sách HDHTV2 với SGK *Tiếng Việt 2* chủ yếu tập trung ở chỗ :

– Sách HDHTV2 nêu ra một quy trình học từng nội dung đọc, viết, nghe, nói, kiến thức về từ và câu tiếng Việt.

– Sách HDHTV2 cụ thể hoá quy trình học từng nội dung nói trên bằng một chuỗi các hoạt động theo một trình tự tương đối ổn định và hợp lí, phù hợp với khả năng tiếp nhận (đọc và nghe), tạo lập (viết và nói) tiếng Việt của HS. Bằng những hoạt động này, HS không chỉ biết phải học cái gì mà quan trọng hơn, còn biết phải học bằng cách nào, biết kiểm tra hoặc đánh giá kết quả học của mình.

3.2.3. Sách HDHTV2 phát triển tối đa đề xuất thực hành của Vở bài tập Tiếng Việt 2

Các hoạt động thực hành trong HDHTV2 tiếp nối các quan điểm thực hành của Vở bài tập *Tiếng Việt 2* : có các bài tập để củng cố kiến thức và kĩ năng, có bài tập vận dụng kiến thức và kĩ năng vào bối cảnh mới.

Các hoạt động thực hành trong HDHTV2 đều là những hoạt động nhằm mục đích cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng mới học vào nhiều bối cảnh khác nhau để từ đó HS có cơ hội nhận diện lại kiến thức, kĩ năng và củng cố chúng cho chắc hơn ; đồng thời HS cũng biết dùng những kiến thức, kĩ năng đã học vào nhiều tình huống khác nhau, khiến cho các em hiểu rõ hơn về kiến thức, thành thạo hơn về kĩ năng.

Trong HDHTV2 còn có phần dành cho các hoạt động ứng dụng nhằm hướng dẫn HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào bối cảnh cuộc sống của chính HS, làm cho các em thấy rõ mối quan hệ giữa những điều các em học với cuộc sống thực, thấy rõ lợi ích thiết thực của việc học.

3.2.4. Sách HDHTV2 phát triển tối đa ý tưởng dạy học tập trung vào hoạt động của HS nêu trong SGK Tiếng Việt 2 hiện hành

Các hoạt động học trong HDHTV2 thể hiện quan điểm dạy học tích cực tiếp nối với quan điểm này trong SGK Tiếng Việt 2. Trong mỗi bài học của HDHTV2 có rất nhiều hoạt động. Phần lớn các hoạt động này là hoạt động học của HS. Dạy học theo HDHTV2, GV không cần soạn bài để trình bày những hoạt động của GV và hoạt động của HS. Mọi hoạt động của GV và của HS đã được nêu tường minh trong từng bài. Nếu như cách trình bày của SGK truyền thống còn chưa chỉ rõ cần tổ chức cho HS học bằng những hoạt động nào thì sách HDHTV2 đã làm được điều này. Vì vậy, sách này thực chất mang tính hướng dẫn HS tự học dưới sự chỉ dẫn tích cực của GV.

3.3. Nội dung và phương pháp dạy học của sách HDHTV2

3.3.1. Nội dung học giúp HS hình thành năng lực

Phần lớn nội dung học trong HDHTV2 được thiết kế theo nguyên tắc học cái mới trên cơ sở cái HS đã biết. Điều này tạo cơ hội cho HS huy động kinh nghiệm của bản thân và của nhóm để tiếp cận và hình thành kiến thức, kỹ năng mới. Trên cơ sở tiếp nhận cái mới, HS được vận dụng những kiến thức, kỹ năng mới vào giải quyết những nhiệm vụ các em thường gặp trong cuộc sống, trong học tập. Nội dung HDHTV2 được trình bày theo lô-gíc của quá trình hình thành năng lực tiếng Việt cho HS. Nội dung trên được tổ chức theo một quy trình sau :

**Trải nghiệm → học cái mới (kiến thức, kỹ năng, thái độ)
→ thực hành cái mới → vận dụng cái mới vào thực tế**

Quy trình này đã làm cho việc học trở thành một hoạt động tích cực bởi HS biết những kiến thức và kỹ năng mới học hấp dẫn khiến cho các em hứng thú và có nhu cầu học ; các em có thể học được và dùng được nó cho cuộc sống của mình ở cộng đồng, ở nhà trường.

3.3.2. Phương pháp học dựa trên các hoạt động học tích cực

Sách HDHTV2 được thiết kế trên ý tưởng : cách học tốt nhất là cách học thông qua thảo luận, tương tác với người khác (thầy / cô, bạn, người trong gia đình, cộng đồng). Thông qua học tương tác, HS phát triển khả năng tư duy lô-gíc, HS được khuyến khích và tạo cơ hội để trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến, giải pháp. Các hoạt động học tương tác trong sách rất đa dạng :

- Hỏi – đáp giữa GV – HS, giữa HS – HS ;
- Cùng bạn làm việc trên cơ sở các chỉ dẫn, gợi ý ;
- Cùng trao đổi về kết quả ;
- Cùng chơi các trò chơi học tập ;
- Cùng thảo luận.

Hoạt động hợp tác được thể hiện qua các hình thức làm việc tương tác trong từng cặp, tương tác trong nhóm, tương tác trong toàn lớp.

HDHTV2 rất chú trọng các hoạt động suy nghĩ có phê phán và suy nghĩ sáng tạo của HS. Trong sách có nhiều câu hỏi mở, có nhiều nhiệm vụ đòi hỏi HS phải tự đưa ra ý kiến riêng trong nhận xét, trong lựa chọn giải pháp cho từng vấn đề nhỏ.

HDHTV2 giúp HS mở rộng không gian học tập khiến cho các em không chỉ học ở trường mà còn học ở gia đình, ở cuộc sống trong cộng đồng.

HDHTV2 kết nối HS với nguồn tư liệu trong thư viện lớp học ; kết nối HS với nguồn đồ dùng học tập xếp ở các góc học tập ; kết nối HS với môi trường xung quanh. Những kết nối này giúp các em học bằng các thao tác làm việc với nhiều công cụ, đồ dùng trực quan, nguồn tư liệu phong phú khiến cho việc học đạt kết quả vững chắc hơn hẳn so với học theo cách chỉ dựa vào đọc và chép.

Quá trình học bài trong HDHTV2 là một chuỗi các hoạt động học. Điều này cho thấy HDHTV2 thể hiện rõ quan điểm : HS là trung tâm của quá trình dạy học. Hoạt động học là hoạt động tích cực.

3.3.3. Phương pháp dạy học linh hoạt

Sách HDHTV2 tích hợp nội dung học tập và quy trình sư phạm. Các hoạt động trong từng bài học cho thấy tính mạch lạc giữa nội dung học và phương pháp GV tổ chức cho HS học. Những hoạt động trong HDHTV2 có tính gợi ý cao đối với GV. Trên cơ sở các hoạt động này, GV có thể suy nghĩ để thay đổi, điều chỉnh hoạt động, các đồ dùng học tập sao cho phù hợp với bối cảnh lớp học mình phụ trách.

Trên cơ sở các hoạt động trong từng bài học, GV có thể lập kế hoạch bài học, chuẩn bị đồ dùng dạy học, đưa ra các chỉ dẫn cho HS về hoạt động của Hội đồng tự quản của HS, về sử dụng thư viện lớp học để học tại lớp ; đưa ra các chỉ dẫn để HS học tập tại gia đình, cộng đồng.

3.4. Cấu trúc sách *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2*

3.4.1. Sách HDHTV2 được cấu trúc theo đơn vị bài học

Sách HDHTV2 được cấu trúc theo đơn vị bài học mà không cấu trúc theo tiết học. HDHTV2 gồm có 35 bài, mỗi bài học được dành cho thời lượng học môn Tiếng Việt của một tuần (bao gồm 9 tiết học theo kế hoạch học nêu trong chương trình và các tiết học tăng cường môn Tiếng Việt ở các buổi học thứ hai trong tuần). Bài học trong HDHTV2 gồm 3 **Hướng dẫn học** (HDH) : HDH A, HDH B, HDH C (gọi tắt là Bài ... A, ... B, ... C).

Nội dung của mỗi HDH trong HDHTV2 không cấu trúc theo phân môn mà cấu trúc theo từng tổ hợp kiến thức, kỹ năng tiếng Việt.

Mỗi HDH môn Tiếng Việt lớp 2 (HDHTV) gồm có 2 phần : phần *Mục tiêu* và phần *Các hoạt động*.

– Phần *Mục tiêu* nêu yêu cầu về những kiến thức, kỹ năng mà HS cần đạt được sau khi học một bài cụ thể. Mục tiêu này ghi cụ thể từng kỹ năng cần đạt ở mức độ nào, từng kiến thức đạt ở mức độ nào. HS đạt được mục tiêu của hầu hết các HDH trong cả năm học sẽ đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn Tiếng Việt lớp 2.

– Phần *Các hoạt động* bao gồm những loại hoạt động khác nhau, chủ yếu do HS thực hiện để tự học dưới sự hướng dẫn của GV. Phần *Các hoạt động* gồm có 3 loại hoạt động chính : Hoạt động cơ bản, Hoạt động thực hành, Hoạt động ứng dụng.

+ **Hoạt động cơ bản** là những hoạt động có chức năng sau :

* Khởi dậy hứng thú, đam mê của HS về nội dung mà HS được học trong bài mới.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản trong kỹ năng đọc thường gồm những hoạt động cá nhân chia sẻ trong nhóm những điều mình biết về chủ điểm của bài đọc mới, hát một bài hát hoặc tham gia một trò chơi liên quan đến chủ điểm bài đọc, nghe GV đọc bài mới, đọc các từ mới và nghĩa của từ mới, đọc một số câu trong bài, đọc từng đoạn trong nhóm, trả lời câu hỏi về chủ đề hoặc về nội dung tổng quát để nhận biết của bài,...

* Giúp HS tái hiện những kiến thức và kỹ năng HS đã học trước đó hoặc có được từ kinh nghiệm sống của các em.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản trong kỹ năng nói ở bài kể chuyện bao gồm những hoạt động nhớ lại câu chuyện đã học ở bài Tập đọc (nhớ nhân vật, nhớ một vài sự việc chính), nhìn tranh và kể từng đoạn theo tranh,...

* Giúp HS kết nối những kiến thức, kĩ năng đã có với kiến thức, kĩ năng mà HS được học trong bài mới.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 2 trong mở rộng vốn từ về ông bà (Bài 10A)



2. Trao đổi và trả lời câu hỏi : Trong mỗi tranh sau, cháu giúp ông bà làm gì ?



* Giúp HS thu nhận kiến thức, kĩ năng mới qua các hoạt động cụ thể như : quan sát, thảo luận, phân tích, tổng hợp. HS có thể thực hiện những hoạt động này một cách độc lập (cá nhân làm) hoặc thực hiện hoạt động trong sự tương tác với bạn, với GV.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 1 trong mở rộng vốn từ về sông biển (Bài 25A)



1. Nói với bạn những điều mình biết về sông, biển.

a) Bạn thấy sông hoặc biển chưa ?

b) Kể tên một hoặc vài con sông hoặc một vùng biển em biết.



* Giúp HS củng cố kiến thức, kỹ năng mới một cách thú vị qua các trò chơi, qua đọc sáng tạo, qua chia sẻ kinh nghiệm và vốn sống của cá nhân.

Vi dụ : Hoạt động cơ bản 1 trong mở rộng vốn từ về cây cối (Bài 28C)



1. Mỗi em kể về những cây ăn quả mình biết.

a) Tên cây là gì ?

b) Quả màu gì ?

c) Quả có mùi vị thế nào ?



Chú ý : Không phải các hoạt động cơ bản ở mỗi bài luôn thể hiện đầy đủ 5 chức năng này, song các hoạt động cơ bản trong từng bài cần phải thể hiện một số trong 5 chức năng nói trên.

+ **Hoạt động thực hành** là những hoạt động có chức năng củng cố kiến thức, kỹ năng mới bằng cách quan sát để nhận diện kiến thức, kỹ năng mới trong bối cảnh khác (với ngữ liệu là những bài văn, bài viết khác) ; thực hiện các yêu cầu về đọc hoặc viết, nghe, nói đã học trong bài mới ở một văn bản hoặc một tình huống giao tiếp khác. Hoạt động thực hành rất đa dạng: trò chơi, thực hành nói, thực hành ghép từ, thi viết đoạn văn, đóng kịch,...

Ví dụ : Hoạt động thực hành trong bài học về đọc gồm những hoạt động : thi đọc giữa các cá nhân hoặc giữa các nhóm, trao đổi thảo luận để thống nhất câu trả lời cho những câu hỏi về hiểu chi tiết nội dung của bài hoặc những câu hỏi về hiểu ý nghĩa của bài đọc.

+ **Hoạt động ứng dụng** là những hoạt động có chức năng hướng dẫn HS áp dụng những kiến thức, kỹ năng mới vào cuộc sống thực của các em tại gia đình, cộng đồng. Những hoạt động này một mặt giúp HS thấy rõ lợi ích của những điều đã học đối với bản thân, gia đình, cộng đồng ; mặt khác khuyến khích HS học với những nguồn tư liệu phong phú từ người thân trong gia đình, từ người trong xóm làng, từ kho sách ở nhà, ở thôn xóm,... Hoạt động ứng dụng thường là phỏng vấn người trong gia đình, cộng đồng ; làm một việc dựa trên những kiến thức, kỹ năng mới học cho bản thân HS và cho gia đình ; khám phá môi trường sống của HS ở gia đình và cộng đồng.

Ví dụ : Hoạt động ứng dụng trong Bài 25B gồm :



1. Em hãy dùng câu hỏi *Vì sao* ? để hỏi người lớn một việc mà em muốn biết.
2. Viết tên 3 đồ dùng trong nhà em có tiếng bắt đầu bằng *ch*.

– Tổng số các hoạt động cụ thể trong mỗi HDH khoảng 10 – 15 hoạt động. Trong đó, khoảng 8 – 12 hoạt động là hoạt động cơ bản và hoạt động thực hành. Khoảng 1 – 2 hoạt động là hoạt động ứng dụng

3.4.2. Nội dung dạy học ở từng bài học

Trong mỗi bài học của HDHTV2 có 3 hướng dẫn học A, B, C được kí hiệu theo số bài. Ví dụ : Bài 1 có Hướng dẫn học 1A (Bài 1A), Hướng dẫn học 1B (Bài 1B) và Hướng dẫn học 1C (Bài 1C).

- Nội dung dạy học ở Bài A bao gồm :
 - + Đọc và hiểu một văn bản ;
 - + Luyện tập kỹ năng nói về chủ điểm mới ;
 - + Luyện tập về từ và câu.
- Nội dung dạy học ở Bài B bao gồm :
 - + Kể chuyện (kể câu chuyện đã đọc ở Bài A) ;
 - + Viết chữ hoa : chữ cái, từ ngữ có chữ cái viết hoa ;
 - + Nhìn – chép (Tập chép) hoặc nghe – viết một đoạn văn, hoặc đoạn thơ. Luyện tập viết từ đúng quy tắc chính tả ;
 - + Luyện tập về từ và câu ;
 - + Luyện nói.
- Nội dung dạy học ở Bài C bao gồm :
 - + Đọc và hiểu một văn bản (văn bản đọc dạy trong 1 tiết của SGK Tiếng Việt 2 hiện hành) ;
 - + Luyện tập về từ và câu ;
 - + Viết đoạn văn về chủ điểm mới ;
 - + Luyện tập viết từ đúng quy tắc chính tả.

*Thời lượng dành cho 3 Bài A, B, C khoảng 9 tiết và các tiết học tăng cường môn Tiếng Việt ở buổi thứ hai. Việc phân chia thời gian cho từng HDH là do GV tự quyết định căn cứ vào tình hình học tập của HS lớp mình phụ trách. Trong mỗi HDH có kí hiệu ***** nhằm gợi ý GV có thể dừng hoạt động của HS tại đó và cho HS thư giãn, chuẩn bị vào các hoạt động tiếp theo.*

3.5. Các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kỹ thuật dạy học

Sách HDHTV2 biên soạn theo định hướng chỉ ra các hoạt động học của HS dưới sự hướng dẫn của GV. Do có sự khác biệt so với SGK Tiếng Việt 2 đang dùng ở phần lớn các trường tiểu học hiện nay, bản thân HDHTV2 đã là một tài liệu chỉ dẫn về phương pháp học cho HS và phương pháp dạy cho GV theo cách tích hợp cả hai loại phương pháp này.

3.5.1. Về hình thức tổ chức dạy học

Sách HDHTV2 nêu các hình thức sau :

– *Học cá nhân* : Đây là hình thức HS tự học độc lập. Ở hình thức này, HS được GV chỉ dẫn độc lập suy nghĩ, độc lập đọc thầm, độc lập viết, độc lập chọn giải pháp (chọn câu trả lời, nêu ý kiến nhận xét, nêu ý tưởng cá nhân, nêu cách làm mình chọn,...).

– *Học tương tác trong cặp* : Đây là hình thức HS tự học theo từng cặp dưới sự hướng dẫn của GV. Ở hình thức này, HS được GV chỉ dẫn nhiệm vụ của từng HS, chỉ dẫn HS đổi nhiệm vụ cho bạn, chỉ dẫn HS đánh giá kết quả bạn làm được, chỉ dẫn HS báo cáo kết quả học tương tác của từng cặp.

– *Học tương tác trong nhóm* : Đây là hình thức HS tự học theo từng nhóm từ 3 đến 5 em dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động của từng HS trong nhóm do nhóm trưởng phân công. Mỗi em sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ đóng góp vào việc cả nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Học trong nhóm, HS không chỉ học nội dung bài mà còn học được kĩ năng hợp tác với bạn trong học tập, tạo cơ sở để hình thành năng lực làm việc hợp tác khi các em lớn lên.

– *Học tương tác trong lớp* : Đây là hình thức HS tự học trong sự tương tác đa chiều. HS tương tác với bạn, tương tác với GV. Học tương tác toàn lớp không phải là hình thức GV nói, HS nghe hoặc ghi chép. Ở hình thức này, hoạt động của GV là nêu câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề để HS thảo luận, chỉ dẫn HS cách trả lời hoặc định hướng thảo luận, khuyến khích HS nêu ý kiến, nhận xét ý kiến của bạn. Hoạt động của HS trong hình thức này chủ yếu là : lắng nghe, suy nghĩ, trả lời, nêu ý kiến cá nhân, đánh giá ý kiến hoặc việc làm của bạn,...

– *Học tương tác ở gia đình hoặc cộng đồng* : Đây là hình thức HS tự học có sự hỗ trợ của cha mẹ hoặc người lớn (gọi chung là người thân) tại gia đình và cộng đồng. Ở hình thức này, HS chủ yếu thực hiện nhiệm vụ vận dụng kiến thức hoặc kĩ năng học được trong bài vào giải quyết một nhiệm vụ trong cuộc sống của các em ở gia đình, cộng đồng. Nhiệm vụ mà các em làm có thể là hỏi người thân một vấn đề, thực hiện một nhiệm vụ viết, một nhiệm vụ đọc có sử dụng nội dung trong bài học, làm một việc để chứng tỏ mình đã hiểu bài.

3.5.2. Về phương pháp dạy học

a) Hoạt động của GV có sự thay đổi khi dạy học theo sách HDHTV2 :

Sách HDHTV2 bao gồm sự hướng dẫn về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. GV sẽ dễ dàng hơn khi tổ chức dạy học trên lớp, giảm tình trạng dạy học theo kiểu truyền thụ kiến thức là chính. Dạy học theo sách này, GV đóng vai trò của người “đạo diễn” các hoạt động học tập của HS. GV cũng có vai trò là cố vấn và người đánh giá các hoạt động đó. GV cần thường xuyên quan tâm, giúp đỡ đến từng cá nhân HS, hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ trong từng thao tác, hành động. Vai trò mới của GV : là người thúc đẩy hoạt động học hơn là giảng giải, thuyết trình.

Dạy học theo HDHTV2, GV không mất nhiều thời gian soạn giáo án. GV có thể dùng phần lớn thời gian vào việc chuẩn bị các đồ dùng dạy học, nghiên cứu HDH để xem xét

và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và bối cảnh của lớp học mình phụ trách. GV cần lên kế hoạch hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát và đánh giá HS thực hiện các yêu cầu nêu trong HDH.

Sách HDHTV2 định hướng cụ thể hình thức tổ chức hoạt động theo hình thức cá nhân, nhóm, toàn lớp đã tạo điều kiện thuận tiện cho GV khi tổ chức hiệu quả dạy học theo nhóm, theo cặp hoặc cá nhân.

Việc đánh giá kết quả học tập của HS khi dạy theo sách này được tiến hành thường xuyên, liên tục, kịp thời. GV có nhiệm vụ đánh giá quá trình học của HS một cách thường xuyên, liên tục ngay trong quá trình hướng dẫn HS học tập để kịp thời khuyến khích, động viên HS trong mỗi nhiệm vụ được giao và giúp các em sửa chữa những sai sót.

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu trên, dạy học theo HDHTV2, GV phải làm việc vất vả hơn do phải hỗ trợ kịp thời đối với từng nhóm, thậm chí từng cá nhân HS trong các nhóm. GV cần phải rất linh hoạt, uyển chuyển trong hoạt động hướng dẫn HS học ; cần chọn những hoạt động nào mình trực tiếp giúp đỡ và hỗ trợ HS, những hoạt động nào thì điều hành các nhóm trưởng hoặc những HS có năng lực cao hơn giúp đỡ những HS còn khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

b) Hoạt động học của HS có sự thay đổi khi học theo sách HDHTV2

Học theo sách HDHTV2, HS được học tập tích cực, chủ động, hứng thú do có cơ hội chia sẻ những trải nghiệm cá nhân, có cơ hội thực hành và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống hằng ngày. HS có nhiều cơ hội để độc lập suy nghĩ khi làm việc cá nhân và có nhiều cơ hội để phát huy năng lực hợp tác khi học theo nhóm. HS chủ yếu làm việc theo nhóm nhỏ và sau mỗi nội dung học tập, các em được tranh luận, được đánh giá lẫn nhau. Việc tự học của HS được thực hiện trong bối cảnh có hướng dẫn của GV. Các em được GV giao nhiệm vụ, được GV trực tiếp hỗ trợ khi cần. Các em cũng được nghe ý kiến của GV như là những quyết định của trọng tài trong các cuộc thảo luận, trao đổi ý kiến.

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu trên, học theo sách HDHTV2, HS cần có nhiều thay đổi về cách học. HS cần học một cách chủ động, tự đọc sách, tự thực hiện các hoạt động theo chỉ dẫn của sách. Khi có khó khăn, các em cần tự tìm kiếm sự hỗ trợ từ bạn trong cùng cặp, cùng nhóm, tìm kiếm sự hỗ trợ của GV. HDHTV2 chú trọng vào các hoạt động học tập tương tác. HS được rèn kỹ năng học tập hợp tác với bạn cùng cặp, nhóm, cùng lớp. HS không chỉ học theo cách làm nêu trong sách mà còn được khuyến khích phát biểu các ý kiến cá nhân, đề xuất cách thực hiện nhiệm vụ học tập cùng các bạn. Tuy nhiên, những thay đổi về cách học đối với HS lớp 2 không phải là thách thức lớn đối với HS vì

đây là năm thứ hai HS học ở Tiểu học, việc học tập chưa tích cực không hoàn toàn là thói quen không tốt của các em. Nó không phải là rào cản lớn lắm trong thực hiện học tập chủ động tích cực của các em.

c) Một số chỉ dẫn về phương pháp dạy học

* Chú trọng rèn một số kỹ năng học tập cho HS

Sách HDHTV2 đòi hỏi HS phải có kỹ năng tự học theo nhóm, cá nhân tự học. Mỗi HDH trong sách bao gồm một chuỗi các hoạt động được thiết kế nhằm giúp HS tự học bằng cách thực hiện các yêu cầu, các chỉ dẫn trong bài học. Do đó, điều GV cần quan tâm trước tiên là tập dượt cho HS các kỹ năng sau đây :

– Kỹ năng đọc – hiểu HDHTV2 (hiểu các câu lệnh, các chỉ dẫn, các yêu cầu, các loại / dạng hoạt động học tập,...).

– Kỹ năng làm việc cá nhân (tập trung suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tự trình bày ý kiến cá nhân, tự đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân...).

– Kỹ năng làm việc hợp tác theo cặp, theo nhóm (biết tổ chức hoạt động nhóm : nhận nhiệm vụ, lên kế hoạch, phân công, đảm nhận trách nhiệm, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành tốt công việc của nhóm,...).

– Kỹ năng sử dụng đồ dùng học tập ở góc học tập, sử dụng tài liệu tham khảo ở thư viện lớp học.

– Kỹ năng tự học ở môi trường xung quanh, gia đình và cộng đồng.

* Các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của HS ở từng loại hoạt động trong giờ học.

Hoạt động cơ bản

Trong sách HDHTV2, các hoạt động cơ bản nhằm giúp HS chiếm lĩnh kiến thức mới của bài học trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng đã biết, trên cơ sở trải nghiệm của cá nhân HS.

Khi tổ chức cho HS học theo các Hoạt động cơ bản, GV nên bắt đầu bằng một hoặc một số hoạt động khởi động. Đây là hoạt động nhằm định hướng chú ý của HS vào nội dung bài học bằng sự hứng thú, tò mò của HS đối với nội dung học tập mới. Hoạt động này rất đa dạng. Ở mỗi bài học, GV có thể chọn cách khởi động khác nhau, có thể là:

- + Một / một vài bức tranh minh họa ;
- + Một / một số câu hỏi nêu vấn đề ;
- + Một tình huống ;
- + Một câu chuyện ;

- + Một số tư liệu ;
- + Một trò chơi ;
- + Một câu đố vui hoặc cuộc thi,...

Mỗi cách khởi động nêu trên nếu thực hiện tốt sẽ tạo được hứng thú học tập của HS đối với nội dung của bài học, tạo được cơ hội để HS bộc lộ, chia sẻ kiến thức hoặc kinh nghiệm liên quan đến kiến thức sắp học trong bài.

Để giúp HS thực hiện tốt yêu cầu của hoạt động khởi động, GV cần có biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ phù hợp để HS cảm thấy không khí học tập thoải mái, thân thiện, nội dung học tập trong bài mới rất gần gũi và bổ ích đối với các em.

(Lưu ý : GV cần giúp HS sử dụng hợp lí quỹ thời gian cho hoạt động khởi động, tránh ảnh hưởng đến thời gian dành cho nhiệm vụ trọng tâm của *Hoạt động cơ bản* là xây dựng kiến thức.)

Đối với hoạt động hình thành kiến thức, kĩ năng mới của bài học (Ví dụ : đọc và hiểu một bài tập đọc, nhận biết cách dùng từ và đặt câu, nhận biết cách viết đoạn văn hoặc viết đơn, viết tin nhắn, viết tự thuật,... GV cần chuẩn bị các câu hỏi, các chỉ dẫn, các đồ dùng học tập, khích lệ HS suy nghĩ độc lập, trình bày kiến thức mới bằng ngôn ngữ của các em, bằng phát biểu ý kiến trong thảo luận theo cặp, theo nhóm, bằng tham gia các trò chơi, cuộc thi,...

Hoạt động thực hành

Những nội dung học ở phần *Hoạt động thực hành* trong sách HDHTV2 nhằm giúp HS củng cố kiến thức, luyện tập để thành thạo các kĩ năng đã chiếm lĩnh được. Các hoạt động học tập trong phần này thường là : luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu, thực hành dùng từ, đặt câu, nói về một chủ đề nhỏ trong bài học, viết từ theo đúng quy tắc chính tả, viết đoạn văn, viết thư, viết tin nhắn, viết tự thuật,... kể chuyện và nói về ý nghĩa câu chuyện,...

Khi hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong phần Hoạt động thực hành, GV cần có biện pháp giúp HS hiểu đúng nhiệm vụ, định hướng để HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết và kĩ năng còn sai lệch, thực hiện những hỗ trợ phù hợp từng đối tượng HS để các em có thể tự mình hoàn thành nhiệm vụ (đối với chỉ dẫn hoạt động cá nhân) hoặc hợp tác hiệu quả với các bạn trong cặp hoặc trong nhóm để hoàn thành các hoạt động học tập. Trong quá trình HS thực hiện các yêu cầu trong phần Hoạt động thực hành, GV cần giám sát quá trình làm việc của HS để tìm hiểu xem HS gặp khó khăn ở bước nào, giúp HS biết cách tháo gỡ khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Khi HS hoàn thành nhiệm vụ, GV cần tạo điều kiện để các em trình bày kết quả đã làm. GV cần nêu các tiêu chí để HS tự đánh giá kết quả của hoạt động cá nhân, kết quả

của hoạt động nhóm. Trong trường hợp cần thiết, GV có thể đóng vai trò trọng tài bằng cách xác nhận kết quả nào đúng, tốt, kết quả nào chưa đúng hoặc chưa đầy đủ.

Hoạt động ứng dụng

Nội dung học tập ở phần Hoạt động ứng dụng trong sách HDHTV2 gồm các hoạt động mà HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng mới học trong bài vào giải quyết một số nhiệm vụ trong đời sống của chính các em hoặc của gia đình, cộng đồng. Những hoạt động ứng dụng này giúp cho HS thấy rõ ích lợi của việc học những kiến thức, kỹ năng trong đời sống. Cũng qua các hoạt động ứng dụng, các em thấy thích học hơn và có điều kiện thuận lợi để áp dụng điều mình học vào cuộc sống. Các hoạt động ứng dụng khuyến khích HS tích lũy kiến thức thông qua các nguồn khác nhau (từ gia đình, làng xóm, địa phương), rèn cho các em kỹ năng giải quyết các vấn đề.

GV cần hướng dẫn HS cách thực hiện các hoạt động ứng dụng. Khi cần, GV có thể điều chỉnh yêu cầu của một hoặc một số hoạt động ứng dụng cho phù hợp với bối cảnh của gia đình và cộng đồng. GV cần tạo cơ hội để HS báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động ứng dụng trong bài học tiếp theo vào một thời điểm thích hợp (không nhất thiết phải vào thời gian bắt đầu bài học tiếp theo giống cách GV kiểm tra bài cũ của HS mà lâu nay GV vẫn thường làm). GV cần đánh giá kết quả học tập của HS ở những hoạt động ứng dụng.

3.6. Đánh giá kết quả học tập

3.6.1. Chuẩn đánh giá

Sách HDHTV2 được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học môn Tiếng Việt lớp 2 hiện hành, vì vậy nội dung đánh giá kết quả học tập của HS căn cứ vào Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Tiếng Việt lớp 2 ghi trong chương trình.

3.6.2. Cách thức đánh giá

Có 2 loại hình đánh giá kết quả học tập Tiếng Việt 2 : đánh giá quá trình (đánh giá thường xuyên) và đánh giá tổng kết (đánh giá giữa kì, cuối học kì, cuối năm học).

a) Về đánh giá tổng kết :

Những HS học theo sách HDHTV2 đều được đánh giá kết quả học tập bộ môn vào giữa kì, cuối học kì, cuối năm học theo cách đánh giá sẽ nêu trong văn bản chỉ đạo của Vụ Giáo dục Tiểu học (sắp ban hành).

b) Về đánh giá quá trình :

Những HS học theo sách HDHTV2 được đánh giá bằng một số công cụ và cách làm có những khác biệt so với HS học theo SGK Tiếng Việt 2 hiện hành. Sau khi thực hiện một hoặc một số hoạt động trong HDH, HS thường được đánh giá kết quả của hoạt động vừa làm.

Việc đánh giá hoạt động chủ yếu do HS thực hiện (HS tự đánh giá). Có những hoạt động HS tự đánh giá trong cặp, trong nhóm bằng cách đổi bài cho nhau để cùng rà soát xem kết quả nào đúng và đủ, kết quả nào chưa đúng hoặc còn thiếu.

Vi dụ 1 : Sau khi HS chép chính tả một đoạn văn, từng em trong mỗi cặp đổi bài cho bạn để cùng soát và sửa lỗi.

Vi dụ 2 : Sau khi tất cả HS trong nhóm cùng tiếp nối đọc một đoạn trong bài tập đọc, cả nhóm cùng chọn bạn đọc tốt nhất để khen.

Có những hoạt động HS tự đánh giá chéo giữa các nhóm. Có những hoạt động HS cùng GV đánh giá theo những tiêu chí do GV nêu ra.

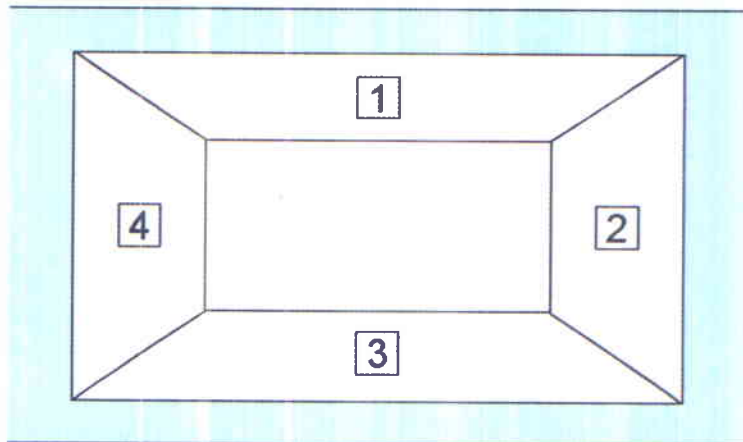
Vi dụ 1 : Hoạt động thực hành 1, Bài 31B



1. Thi tìm những từ ngữ ca ngợi Bác Hồ.

M : sáng suốt

Nhóm trưởng nhận tờ giấy khổ lớn đã kẻ như hình sau :



a) Cách thực hiện :

Thảo luận, tìm và viết các từ tìm được vào các ô 1, 2, 3, 4.

b) Cách trình bày kết quả :

Các nhóm treo kết quả lên bảng lớp ; cùng đọc và nhận xét kết quả bài làm của từng nhóm.

Ví dụ 2 : Hoạt động thực hành 5, Bài 6C



5. Trò chơi tiếp sức : Tìm nhanh các tiếng có vần **ai** hoặc **ay**.



- Chia lớp thành 3 – 4 nhóm.
- Các nhóm lần lượt cử người nói to từ tìm được. Thầy cô viết từ của từng nhóm lên bảng lớp. Nhóm nào tìm được nhiều từ nhất là thắng.

Song song với hoạt động tự đánh giá của HS, trong mỗi bài học, GV cũng thực hiện các hoạt động đánh giá bằng nhận xét. Lời nhận xét của GV dựa trên các tiêu chí đánh giá nêu trong Chuẩn KT, KN môn Tiếng Việt lớp 2 của chương trình môn Tiếng Việt tiểu học. Nhận xét của GV cần gồm những nội dung sau :

Những điều HS đã đạt được theo chuẩn ;

Những điều HS còn chưa đạt hoặc gặp khó khăn khi đạt chuẩn ;

Một số khuyến nghị với HS để các em tiếp tục rèn luyện thêm cho đạt chuẩn.

Đây chính là cách đánh giá kết quả học tập bằng ý kiến phản hồi của GV đến HS.

4. Cách sử dụng sách Hướng dẫn học Tiếng Việt 2

4.1. Sử dụng sách HDHTV2 phù hợp với bối cảnh lớp học

Sách HDHTV2 là những thiết kế của các chuyên gia về môn học và các GV giỏi. Nội dung học tập chủ yếu phản ánh chương trình và chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học. Khi biên soạn HDHTV2, các tác giả cũng đã chú ý đến đặc điểm tâm lý của HS lứa tuổi lớp 2, kinh nghiệm của HS, môi trường xã hội mà phần lớn HS đang sống. Tuy nhiên, các tác giả sách không thể bao quát hết các môi trường sống trên toàn quốc, lại càng không bao quát hết kinh nghiệm của từng nhóm HS, điều kiện dạy học của từng lớp. Do đó, việc một số hoạt động trong HDHTV2 chưa phù hợp với HS ở một số lớp hay HS ở một số vùng là điều có thể xảy ra. Vì vậy khi dạy theo HDHTV2, mỗi GV cần điều chỉnh HDHTV2 cho phù hợp với HS và điều kiện dạy học của lớp mình.

Việc điều chỉnh HDHTV2 cần phải làm khi :

– Một hoặc một số hoạt động trong HDHTV2 không phù hợp với đặc điểm về tâm lí, vốn sống của HS trong lớp do GV phụ trách. Ví dụ : Khả năng đọc hiểu, hướng dẫn ; đặc điểm về thể chất và kĩ năng vận động của HS ; khả năng phát âm, dùng từ theo tiếng địa phương của HS.

– Một hoặc một số hoạt động trong HDHTV2 không phù hợp với điều kiện trang bị của lớp học (ví dụ : đồ dùng dạy học trong HDHTV2 không có ở góc học tập hoặc ở thư viện của lớp).

– Một số hoạt động trong HDHTV2 không phù hợp với văn hoá, phong tục tập quán, khí hậu và địa hình, các ngành nghề, cơ sở sản xuất ở địa phương.

– Nhu cầu của phụ huynh HS và địa phương đặt ra cho HS khi học theo HDH (Ví dụ : HDH có nội dung học về cây cối, địa phương và phụ huynh muốn con em mình biết đọc sách về kĩ thuật trồng một số cây ở địa phương rồi cùng giúp người thân trồng cây ở ruộng, vườn. Từ nhu cầu đó, GV có thể thay hoạt động ứng dụng trong HDH bằng hoạt động yêu cầu HS đọc sách về kĩ thuật gieo trồng cây ngô hoặc cây khoai lang ; kĩ thuật bón phân cho cây nhãn,...).

4.2. Cách điều chỉnh sách Hướng dẫn học Tiếng Việt 2

Trước khi cho HS đọc HDHTV2, GV cần phải nghiên cứu HDHTV2. GV cần chỉ ra những hoạt động không phù hợp với đặc điểm của HS lớp mình phụ trách, hoạt động nào không phù hợp với tình hình chuẩn bị đồ dùng dạy học của thầy và trò cho góc học tập, cho thư viện lớp. GV cần cân nhắc xem phụ huynh HS và cộng đồng mong muốn gì ở HS khi HS học một bài cụ thể. Sau khi chỉ ra những hoạt động chưa phù hợp, GV cần đưa ra một danh sách các hoạt động trong HDHTV2 cần điều chỉnh.

GV cần trao đổi với các GV khác để đưa ra phương án điều chỉnh cho từng hoạt động có trong danh sách. Khi cần thiết, GV có thể tham khảo ý kiến của phụ huynh hoặc của người dân trong cộng đồng để những điều chỉnh của GV thoả mãn nhu cầu của phụ huynh HS và cộng đồng. Các hoạt động điều chỉnh cần được GV viết vào sổ ghi chép chuyên môn của GV.

Ví dụ : Ở Hoạt động thực hành 6, Bài 13A, nếu GV xét thấy HS lớp mình chưa biết diễn kịch câm thì có thể chuyển thành : cho các em xem 3 bức tranh, nói tên các hoạt động của bạn trong tranh và viết tên các hoạt động đó vào vở. GV cũng có thể cho HS nhớ lại mình đã làm những việc gì ở nhà để giúp người thân và viết vào vở tên các hoạt động đó, sau đó kể cho các bạn trong nhóm nghe về những việc em đã làm ở nhà.

5. Giới thiệu Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2

Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2 là một tài liệu hướng dẫn dạy học cho GV và CBQL.

5.1. Cấu trúc tài liệu

Tài liệu này gồm 2 phần :

– Phần 1 – Những vấn đề chung, bao gồm các nội dung sau :

- + Mục đích của *Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2* ;
- + Giới thiệu phương pháp dạy học theo EN ;
- + Giới thiệu HDHTV2 ;
- + Cách sử dụng HDHTV2 ;
- + Cách sử dụng *Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2*.

– Phần 2 – Hướng dẫn tổ chức dạy học từng mạch nội dung theo HDHTV2, bao gồm các nội dung sau :

- + Dạy học đọc ;
- + Dạy học viết ;
- + Dạy học nghe và nói ;
- + Dạy học kiến thức tiếng Việt.

5.2. Cách dùng Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2

5.2.1. Dùng tài liệu phục vụ cho việc tổ chức dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo EN

Theo mô hình EN, chỉ có duy nhất một cuốn sách HDHTV2 dành cho cả GV và HS để thực hiện các hoạt động trên lớp. Do đó sách này là một tài liệu tham khảo có tác dụng hỗ trợ GV về cách thức tổ chức các hoạt động học môn Tiếng Việt cho HS. Trước năm học, trước mỗi học kì, trước mỗi bài học, GV có thể đọc sách này để nắm chắc những điều sau :

– Nội dung học tập môn Tiếng Việt lớp 2 được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ;

– Chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tiếng Việt 2 được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ;

– Nội dung học của từng bài học trong HDHTV2 (nội dung của từng HDHTV A, HDHTV B, HDHTV C) ;

– Cách thức tổ chức các hoạt động học có trong từng bài học (hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng) ;

– Cách điều chỉnh một HDHTV2 và một số gợi ý về chuẩn bị đồ dùng dạy học cho từng bài cụ thể ;

– Một số tài liệu tham khảo cần tìm đọc để GV có thể tổ chức bài học một cách tự tin và vững chắc hơn.

5.2.2. Dùng tài liệu phục vụ cho sinh hoạt chuyên môn và bồi dưỡng, tập huấn GV ở trường học

Dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo EN rất coi trọng các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, tập huấn cho GV tại trường. Phần lớn các GV dạy học theo mô hình EN được đào tạo theo chương trình sư phạm truyền thống. Theo cách đào tạo này, các GV có khá nhiều kiến thức về tiếng Việt, văn học, giáo dục và tâm lí học, có khá nhiều kĩ năng dạy học trong đó có những kĩ năng dạy học tích cực. Tuy nhiên theo mô hình EN, việc dạy học của GV đã chuyển hẳn thành những việc sau :

- Tổ chức hướng dẫn HS tự học ;
- Đưa ra ý kiến phản hồi với HS ;
- Gắn việc học của HS ở trường với cuộc sống của HS ở gia đình và cộng đồng ;
- Kết nối nhà trường với cộng đồng để xây dựng môi trường học tập mở.

Sự chuyển đổi này cho thấy GV còn cần chuẩn bị thêm nhiều kĩ năng dạy học khác, ví dụ : kĩ năng điều hành các nhóm trong học môn Tiếng Việt, kĩ năng đánh giá bằng ý kiến phản hồi, kĩ năng chuẩn bị đồ dùng dạy học, kĩ năng lập kế hoạch làm việc với cộng đồng để cộng đồng tham gia vào quá trình dạy học Tiếng Việt ... Trên cơ sở những kĩ năng cần chuẩn bị thêm, mỗi trường cần lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn hoặc bồi dưỡng GV tại trường theo các chủ đề nêu trên và cả những chủ đề khác mà GV thấy cần trong suốt năm học. Ở mỗi chủ đề đó, ban giám hiệu, GV của trường có thể chọn những nội dung của *Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2* làm nội dung sinh hoạt chuyên môn hoặc tập huấn. Cách thức tổ chức sinh hoạt hoặc tập huấn có thể theo gợi ý sau :

- Chọn kĩ năng dạy học cần tăng cường làm chủ đề sinh hoạt hoặc tập huấn ;
- Phân tích cách thức thực hiện kĩ năng này trong tài liệu ;
- Thử thực hiện các hướng dẫn nêu trong tài liệu (có thể có những điều chỉnh cần thiết) ;
- Rút kinh nghiệm sau thử nghiệm và cùng nhau thống nhất cách thức thực hiện kĩ năng này. Cùng thống nhất một số câu hỏi đề xuất cấp quản lí chuyên môn ở cơ quan quản lí giáo dục cấp trên giải đáp.

5.2.3. Dùng tài liệu phục vụ cho bồi dưỡng, tập huấn CBQL giáo dục ở địa phương

Quản lý việc dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo mô hình EN là một việc làm có nhiều yếu tố mới. Có 2 yếu tố cần tập trung trong hoạt động quản lý chuyên môn này là : *sự thống nhất và sự đa dạng, linh hoạt*. CBQL chuyên môn rất cần được tập huấn thêm để thực hiện tốt việc đánh giá kết quả học tập, đánh giá GV, gợi ý các giải pháp cho GV và trường học để nâng cao chất lượng môn học. *Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2* là một tài liệu hỗ trợ tích cực cho hoạt động bồi dưỡng, tập huấn CBQL về dạy học môn Tiếng Việt 2. Mỗi Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo cần lập kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL về dạy Tiếng Việt lớp 2 theo EN trong từng năm học. Các nội dung tập huấn cần được lựa chọn từ thực tế quản lý chuyên môn qua dự giờ, khảo sát chất lượng HS, đánh giá GV của CBQL. Ở mỗi nội dung bồi dưỡng, tập huấn này có thể triển khai dựa trên *Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2* theo gợi ý sau :

- Chọn nội dung cần tăng cường làm chủ đề bồi dưỡng, tập huấn ;
- Phân tích nội dung ở Phần I trong tài liệu để thấy được tính thống nhất trong các bài học là : mục tiêu của bài học hướng tới Chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học ;
- Phân tích nội dung ở Phần II của tài liệu để thấy được tính thống nhất và tính đa dạng trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS ở những hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng ;
- Phân tích một số hoạt động GV đã tổ chức trên lớp để nhận biết tính thống nhất về mục tiêu, tính đa dạng về hình thức hoạt động. Trên cơ sở đó, nhận biết được những kết quả và tồn tại của GV khi tổ chức hoạt động tự học cho HS ;
- Phân tích một số hoạt động tự đánh giá, hoạt động đưa ra ý kiến phản hồi của GV đã diễn ra trên lớp. Trên cơ sở đó, nhận biết được kết quả học tập của HS và kỹ năng đánh giá của GV, kỹ năng tự đánh giá của HS ;
- Căn cứ vào phương pháp dạy học theo EN, vào mục tiêu của bài học nêu trong HDHTV2, vào hướng dẫn dạy học từng mạch nội dung nêu trong tài liệu để cùng đưa ra tiêu chí đánh giá một bài học theo HDHTV2 theo mục tiêu của bài học và theo quan điểm của mô hình EN.

PHẦN II
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC
TỪNG MẠCH NỘI DUNG

A – DẠY HỌC ĐỌC

1. Chương trình và Chuẩn kiến thức, kĩ năng đọc

Trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2, kĩ năng đọc bao gồm các nội dung chính là : đọc thông, đọc hiểu, ứng dụng đọc.

– Đọc thông bao gồm : đọc trơn từ, câu, đoạn văn, bài văn, bài thơ ngắn có nội dung đơn giản ; đọc lời hội thoại (chú trọng đọc các từ có vần khó, từ dễ đọc sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương), đọc thầm.

– Đọc hiểu bao gồm : hiểu nghĩa của từ, câu; hiểu nội dung, ý chính của đoạn văn ; hiểu nội dung của bài văn, bài thơ ngắn và một số văn bản thông thường.

– Ứng dụng đọc bao gồm : đọc thuộc một số đoạn hoặc bài thơ ngắn ; đọc hiểu một số văn bản thông thường như mục lục sách, thời khoá biểu, thông báo đơn giản.

Ba nội dung học đọc nói trên có mối quan hệ bao hàm, nội dung sau bao hàm nội dung trước, nội dung trước làm tiền đề để học nội dung sau. HS phải biết đọc trơn tức biết chuyển kí hiệu chữ viết thành âm thanh để đọc thành tiếng. Từ chỗ biết đọc thành tiếng có sự tham gia của thị giác và cơ quan phát âm, HS biết đọc thầm chỉ bằng mắt, âm thanh không được phát ra mà chỉ còn là hình ảnh âm trong não của người đọc. Đọc thầm có tốc độ nhanh hơn đọc thành tiếng. HS biết đọc thầm tức là đã biết đọc thông. Từ đọc thông, HS mới có điều kiện đọc hiểu nhanh. Vì vậy, để hiểu văn bản, HS cần đọc thầm hơn là đọc thành tiếng. Sự vắng âm thanh ở đọc thầm giúp HS tập trung hơn vào việc hiểu ý nghĩa của bài đọc.

Dưới đây là Chuẩn về đọc được nêu trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 2 :

– **Chuẩn đọc thông :**

+ Đọc đúng, liền mạch các từ, cụm từ trong câu ; đọc trơn đoạn, bài đơn giản (khoảng 120 – 150 chữ), tốc độ khoảng 50 – 60 chữ / phút ; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

+ Bước đầu biết đọc thầm.

– **Chuẩn đọc hiểu :** hiểu nội dung của đoạn văn, đoạn thơ, bài văn, bài thơ và một số văn bản thông thường đã học. Cụ thể :

+ Nhắc lại các chi tiết trong bài đọc.

+ Trả lời câu hỏi về nội dung đoạn, bài.

+ Đặt đầu đề cho đoạn, bài (theo gợi ý).

– **Chuẩn ứng dụng đọc :** thuộc 6 đoạn thơ, đoạn văn, bài thơ (khoảng 40 – 50 chữ). Biết đọc mục lục sách giáo khoa, truyện thiếu nhi, thời khoá biểu, thông báo, nội quy.

2. Phương pháp tổ chức hoạt động đọc thông (đọc thành tiếng và đọc thầm)

HDHTV2 đã được biên soạn theo đúng chương trình phân đọc thông (gồm đọc thành tiếng và đọc thầm). Riêng về Chuẩn của kỹ năng này cần được hiểu là Chuẩn đạt được vào cuối năm học. Dạy học đọc thành tiếng và đọc thầm theo Chuẩn cần được hiểu là một quá trình dạy học trong cả năm học để tiến tới đạt Chuẩn vào cuối năm. Theo cách hiểu đó thì khi học HDHTV2 ở học kì I hoặc ở giữa học kì II, HS có thể chưa đạt được Chuẩn quy định cho cuối năm. Việc yêu cầu HS đọc thành tiếng, đọc thầm và việc đánh giá các kỹ năng này của HS trong từng thời điểm của năm học cần phải được vận dụng Chuẩn sao cho phù hợp. Ví dụ : Ở học kì I, HS có thể đọc đạt tốc độ khoảng 50 hoặc trên 50 chữ nhưng vẫn chưa đạt tốc độ 60 chữ/phút. HS có thể đọc thầm nhưng vẫn còn nhảm nhí hoặc mập mạp môi.

2.1. Phương pháp tổ chức các hoạt động học đọc thành tiếng

2.1.1. Hoạt động đọc thành tiếng bài khoá

Hoạt động đọc thành tiếng trong HDHTV2 được diễn ra tập trung, có hệ thống ở những nội dung dành cho luyện đọc các bài khoá. Mỗi tuần có 2 bài khoá để luyện đọc ở các Hướng dẫn học tiếng Việt A và các Hướng dẫn học tiếng Việt C. Ví dụ : Hướng dẫn học tiếng Việt 1A có bài khoá *Có công mài sắt, có ngày nên kim* ; Hướng dẫn học tiếng Việt 1C có bài khoá *Tự thuật*.

Phần lớn hoạt động đọc thành tiếng các bài khoá tập trung ở *Hoạt động cơ bản*. Trong *HD cơ bản* có những hoạt động sau để luyện đọc thành tiếng :

a) *Đọc từ ngữ và lời giải nghĩa* : Mục đích của hoạt động này là luyện đọc đúng các từ ngữ mới trong bài và biết nghĩa của những từ này tạo cơ sở cho việc hiểu nội dung bài đọc. Hoạt động đọc từ được tổ chức linh hoạt. Có bài từng cá nhân HS đọc từ mới.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 4, Bài 7A :



4. Đọc từ và lời giải nghĩa từ :

- *Xúc động* : có cảm xúc mạnh.
- *Hình phạt* : hình thức phạt người có lỗi.

Có bài HS đọc từ mới theo cặp, một em đọc từ, một em đọc lời giải nghĩa từ, sau đó các em đổi nhiệm vụ cho nhau. *Ví dụ* : Hoạt động cơ bản 7, Bài 1A :



7. Thay nhau đọc từ và lời giải nghĩa từ :

- *Ngáp ngấn ngáp dài* : ngáp nhiều vì buồn ngủ, mệt hoặc chán.
- *Nấn nót* : (viết hoặc làm) cẩn thận, tỉ mỉ.
- *Nguệch ngoạc* : (viết hoặc vẽ) không cẩn thận.
- *Mải miết* : chăm chú làm việc, không nghỉ.
- *Ôn tồn* : nói nhẹ nhàng.
- *Thành tài* : trở thành người giỏi.

Ở một số bài khác, HS đọc từ mới trong sự tương tác với các bạn trong lớp có sự chỉ dẫn của GV : từng HS nghe GV đọc một từ và lời giải nghĩa của từ đó. Tiếp theo, mỗi HS đọc một từ và lời giải nghĩa từ. *Ví dụ* : Hoạt động cơ bản 3, Bài 3C :



3. Đọc từ và lời giải nghĩa từ :

- *Sâu thẳm* : rất sâu.
- *Hạn hán* : (nước) khô cạn vì trời nắng kéo dài.
- *Lang thang* : đi hết chỗ này đến chỗ khác, không dừng ở nơi nào.

b) *Đọc các từ có nguy cơ đọc sai* : Mục đích của việc đọc các từ này là luyện cho HS đọc đúng những từ các em dễ đọc sai do ảnh hưởng của phát âm tiếng địa phương, do lẫn lộn trong phát âm một vài âm nào đó hoặc do HS còn ngọng. Phần lớn các bài đều có tổ chức hoạt động này ở dạng hoạt động tương tác toàn lớp học. HS nghe GV đọc mẫu rồi đọc theo. Lúc đầu, có thể một vài em đọc theo mẫu, nếu còn có lỗi, GV sẽ sửa và đọc mẫu lại. Sau đó, HS có thể tự đọc các từ trong nhóm. Ở từng vùng, từ có nguy cơ đọc sai thường khác nhau. HDHTV2 chỉ chọn ra một số từ mà HS ở các tỉnh phía bắc và một số từ ở HS các tỉnh phía nam dễ đọc sai.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 4, Bài 3C :



4. Đọc từ ngữ sau :

- thườ nào, nuôi, lang thang, khắp nẻo.
- hạn hán, suối cạn, quên đường về, thương bạn.

Khi cho HS luyện đọc những từ (từ ngữ) có nguy cơ đọc sai, GV cần chọn một số từ HS lớp mình thường đọc sai trong số những từ tác giả gợi ý trong sách để cho các em đọc. Trong trường hợp GV biết một số từ khác trong bài đọc HS lớp mình cũng thường đọc sai mà chưa được nêu trong sách, GV có thể cho HS đọc đúng những từ GV phát hiện.

c) *Đọc câu dài, câu cần tách ý* : Mục đích của việc đọc câu dài là luyện cho HS biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu hai chấm trong mỗi câu ; biết ngắt hơi sau những cụm từ trong câu dài mà thiếu dấu tách ý ở giữa câu. Trong HDHTV2 không phải tất cả các bài đọc đều có câu dài hoặc câu cần tách ý. Bài nào có câu dài, câu cần tách ý mới có hoạt động này. Hoạt động này thường được tổ chức ở hoạt động HS tương tác toàn lớp, nghe GV đọc mẫu và nhìn GV chỉ trên bảng phụ các dấu hướng dẫn ngắt hơi rồi HS đọc theo.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 5, Bài 5C :



5. Nghe thầy cô đọc mẫu và đọc theo :

- *Thế là trong lớp / chỉ còn mình em / viết bút chì.//*
- *Nhưng hôm nay / cô cũng định cho em viết bút mực / vì em viết khá rồi.//*

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 5b, Bài 6C :



b) Đọc câu theo mẫu :

- *Em bước vào lớp, / vừa ngỡ / vừa thấy quen thân. //*
- *Dưới mái trường mới, / sao tiếng trống rung động kéo dài ! //*
- *Cả đến chiếc thước kẻ, / chiếc bút chì / sao cũng đáng yêu đến thế ! //*

d) *Đọc đoạn* : Mục đích của việc đọc đoạn là luyện cho HS đọc trơn cả đoạn văn, biết ngắt hơi hợp lí ở từng câu, biết nghỉ hơi ở cuối mỗi câu. Hoạt động đọc đoạn thường được tổ chức theo cách học tương tác nhóm. Mỗi HS trong nhóm được đọc một đoạn, các HS trong nhóm nối tiếp nhau đọc hết các đoạn trong bài. Mỗi em có thể được đọc 2 – 3 lần và đọc 2 – 3 đoạn khác nhau của bài đọc. Sau khi từng HS đọc, các bạn trong nhóm có thể đánh giá việc đọc đoạn của bạn bằng lời nhận xét về độ to của giọng đọc, về độ chính xác trong đọc từ, đọc câu, về tốc độ đọc,...

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 5, Bài 4A :



5. Đọc theo nhóm.

Mỗi em đọc một đoạn, nối tiếp nhau đến hết bài.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 6, Bài 7A :



6. Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm.

Mỗi nhóm ba em. Mỗi em đọc một đoạn. Ba em đọc nối tiếp nhau đến hết bài.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 6, Bài 6C :



6. Đọc đoạn :

- Mỗi em đọc một đoạn, nối tiếp nhau đến hết bài.
- Nhóm bình chọn bạn đọc hay nhất.

e) *Đọc bài ngắn* : Mục đích của việc đọc bài ngắn là luyện cho HS đọc trọn cả bài, biết ngắt hơi hợp lí ở mỗi câu, biết nghỉ hơi ở cuối mỗi câu, nhận ra tính chỉnh thể của bài. Hoạt động đọc bài ngắn thường được thực hiện trong nhóm : mỗi HS đọc một đoạn hoặc đọc một số câu, sau đó các em nối tiếp nhau đọc đến hết bài.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 4, Bài 1C :



4. Đọc nối tiếp cả bài (2 – 3 lượt).

Chú ý nghỉ hơi đúng :

Họ và tên : // *Bùi Thanh Hà*

Nam, / nữ : // *nữ*

Ngày sinh : // *23 – 4 – 1996 (hai mươi ba / tháng tư / năm một nghìn
chín trăm / chín mươi sáu)*

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 4, Bài 2C :



4. Đọc truyện điện : Mỗi em đọc một câu, nối tiếp nhau cho đến hết bài.

Hoạt động đọc thành tiếng bài khoá trong *Hoạt động thực hành* thường được tổ chức dưới dạng các cuộc thi như thi đọc đoạn giữa các nhóm hoặc thi đọc tiếp sức cả bài.

Ví dụ : Hoạt động thực hành 4, Bài 5A :



4. Thi đọc trước lớp :

- Mỗi nhóm cử một bạn thi đọc trước lớp. Bốn bạn bốc thăm đoạn và đọc nối tiếp nhau đến hết bài.
- Bình chọn bạn đọc tốt nhất.

Trong *Hoạt động ứng dụng*, hoạt động đọc thành tiếng bài khoá được tổ chức ở dạng hoạt động đọc thuộc lòng bài khoá. HS đọc bài trong sự tương tác với người thân ở gia đình. Các em đọc thuộc bài khoá đã học là bài thơ cho người thân nghe và nhận được sự đánh giá, khích lệ từ họ.

Ví dụ : Hoạt động ứng dụng 1, Bài 3C :



1. Đọc thuộc bài thơ *Gọi bạn* cho người thân nghe.

Ví dụ : Hoạt động ứng dụng 1, Bài 9C :



1. Đọc cho người thân nghe bài tập đọc em thuộc và rất thích ở lớp 2.

2.1.2. Hoạt động đọc thành tiếng trong những nội dung học khác ở HDHTV2

Bên cạnh việc luyện đọc thành tiếng trong các hoạt động đọc bài khoá, việc luyện đọc thành tiếng còn được luyện tập ở những hoạt động luyện nói, luyện viết chính tả, luyện viết đoạn văn hoặc viết văn bản ngắn thông thường, luyện dùng từ và đặt câu. Ở những hoạt động nêu trên, đọc thành tiếng được dùng như một công cụ để học các kiến thức, kỹ năng tiếng Việt khác. Với nhiều lần dùng công cụ đọc thành tiếng như vậy, hoạt động đọc thành tiếng được củng cố, phát triển một cách bền vững. Luyện đọc thành tiếng trong các hoạt động nghe, nói, viết, dùng từ và đặt câu thường được tổ chức dưới hình thức tương tác nhóm, cặp đôi hoặc tương tác toàn lớp. Một HS đọc văn bản làm ngữ liệu nói hoặc viết trước các bạn trong nhóm hoặc trong lớp, sau đó các HS khác trong lớp, trong nhóm cùng nhau thực hiện viết hoặc nói về văn bản mới đọc.

Ví dụ : Hoạt động thực hành 3, Bài 3C :



3. Đọc bản danh sách dưới đây và thực hiện các yêu cầu ghi bên dưới.

Số thứ tự	Họ và tên	Nam, nữ	Ngày sinh	Nơi ở
1	Nguyễn Văn Anh	Nữ	5 – 3 – 2004	5 phố Quang Trung
2	Lê Phú Bình	Nữ	8 – 1 – 2004	43 đường Trường Chinh
3	Hoàng Định Công	Nam	25 – 6 – 2004	9 ngõ Bảo Khánh
4	Trần Bạch Dương	Nữ	12 – 2 – 2004	11 phố Tràng Thi
5	Vũ Huy Đông	Nam	4 – 5 – 2004	55 phố Hàng Trống

- Đọc tên từng cột trong bảng. (Ví dụ : Số thứ tự)
- Đọc bản danh sách theo hàng ngang.
- Đọc tên học sinh trong danh sách.

Ví dụ : Hoạt động thực hành 3, Bài 11B :



3. Tìm các từ ngữ chỉ những việc mà bạn nhỏ trong bài thơ dưới đây muốn làm giúp ông và nhờ ông làm giúp :

Thỏ thẻ

Hôm nào ông có khách
Để cháu đun nước cho
Nhưng cái siêu nó to
Cháu nhờ ông xách nhé !
Cháu ra sân rút rạ
Ông phải ôm vào cơ
Ngọn lửa nó bùng to
Cháu nhờ ông dập bớt
Khói nó chui ra bếp
Ông thổi hết khói đi
Ông cười xoa : “Thế thì
Lấy ai ngồi tiếp khách ?”

(Hoàng Tá)



2.2. Dùng những trò chơi, cuộc thi để học đọc thành tiếng

Để thực hiện được hoạt động đọc thành tiếng một cách hấp dẫn, tránh sự nhàm chán ở HS, GV cần tổ chức các trò chơi xen vào các hoạt động tự học. Trò chơi luyện đọc thành tiếng có thể là các trò chơi sau :

a) *Đọc truyền điện* : Đầu tiên, một HS đọc đúng một từ, sau đó em này chỉ định một bạn đọc từ tiếp theo. Cứ như vậy, có bao nhiêu từ thì có bấy nhiêu em đọc. Các em có thể chơi nhiều vòng để mỗi em có cơ hội đọc nhiều từ. Cách chơi tương tự khi GV tổ chức cho HS đọc câu : Em đầu tiên đọc đúng một câu và chỉ định bạn đọc câu tiếp theo. Cứ như vậy cho đến khi HS đọc tất cả các câu trong bài đọc.

b) *Bắt thăm đọc bài* : Trò chơi này thường được tổ chức ở các bài ôn tập. HS lần lượt bốc thăm. Từng em đọc thành tiếng bài khoá ghi trong tờ thăm.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 1, Bài 9A :



1. Bắt thăm để ôn bài đã học.

– Mỗi nhóm lấy ở góc học tập 8 băng giấy (hoặc 8 bông hoa giấy). Trên mỗi băng giấy hoặc mỗi bông hoa ghi tên một bài tập đọc đã học (từ tuần 5 đến tuần 8) và một câu hỏi về nội dung bài đó.

Chiếc bút mực

Mục lục sách

Mẫu giấy vụn

Ngôi trường mới

Người thầy cũ

Thời khoá biểu

Người mẹ hiền

Bàn tay dịu dàng

– Mỗi bạn trong nhóm sẽ hái một bông hoa hoặc bắt thăm.

c) *Thi đọc* : Các cuộc thi đọc thường được tổ chức thành hoạt động tương tác toàn lớp. Hình thức thi có thể là bắt thăm để từng nhóm đọc một đoạn của bài khoá nêu trong từng tờ thăm. Cũng có thể là thi đọc tiếp sức : mỗi nhóm đọc một đoạn của bài khoá, các nhóm nối tiếp đọc đến hết bài. Sau khi HS thi, bao giờ cũng có hoạt động tự đánh giá các bên tham gia thi. HS đưa ra nhận xét của mình về bài đọc thi của từng nhóm theo các tiêu chí đánh giá do GV gợi ý : độ to, độ lưu loát, ngắt hơi đúng, đọc chính xác từ, câu,... Sau mỗi lần thi, HS có thể bình chọn nhóm có bài thi đọc tốt nhất để cả lớp khen.

Ví dụ : Hoạt động thực hành 3, Bài 6A :



3. Thi đọc bài trước lớp :

- Các nhóm thi đọc tiếp sức : mỗi em đọc một đoạn, nối tiếp nhau đến hết bài.
- Lớp bình chọn nhóm đọc hay nhất.

2.3. Đồ dùng dạy đọc thành tiếng

Dạy học theo sách HDHTV2, nhiệm vụ chủ yếu của GV là tổ chức các hoạt động học cho HS theo chỉ dẫn trong sách. Các hoạt động này luôn cần có các công cụ và phương tiện dạy học. Hoạt động của HS chiếm đa số các hoạt động trong sách, do đó các đồ dùng dạy học cần được chuẩn bị, chủ yếu là dành cho HS.

Để luyện đọc từ, đọc câu, GV cần chuẩn bị bảng phụ. Trên bảng phụ có ghi những từ, những câu cần luyện đọc đúng. Khi cho HS luyện đọc từ và câu trong nhóm, GV cần chuẩn bị bảng nhóm và viết các yêu cầu trên bảng nhóm để từng nhóm tự thực hiện. Trong các cuộc thi, kiểm tra hoặc ôn tập có bất thăm, GV cần giao cho HS cùng thầy cô viết các tờ thăm. Khi cần có phần thưởng khích lệ những cá nhân hoặc nhóm có thành tích cao về đọc thành tiếng, GV giao cho HS các nhóm chuẩn bị phần thưởng là những sản phẩm do HS tự làm hoặc tự chuẩn bị. Việc chuẩn bị đồ dùng dạy học đọc nên có sự tham gia tích cực của HS vì khi HS làm đồ dùng cũng là lúc các em học.

2.4. Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng

Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng được tổ chức thường xuyên trong các bài học thông qua những hoạt động đọc bài khoá và những hoạt động đọc trong luyện nói, luyện viết, luyện dùng từ và đặt câu. Trong đánh giá thường xuyên, GV cần tổ chức cho HS tự đánh giá hoạt động đọc thành tiếng của nhau theo cách :

- GV đưa ra các tiêu chí đánh giá dưới dạng câu hỏi.
- Dựa theo câu hỏi của GV, HS đưa ra những lời nhận xét bài đọc của bạn.
- Kết quả đánh giá có thể được ghi lại bằng điểm trong sổ ghi điểm của GV hoặc bằng lời nhận xét của GV trong sổ theo dõi học tập của lớp do GV giữ. *Ví dụ* : Sau khi một HS đọc, GV đưa ra các câu hỏi gợi ý để những HS khác đánh giá bài đọc của bạn

(Bạn đọc có to và rõ không ? Bạn đọc có sót tiếng hay từ nào không ? Có từ nào bạn đọc sai không ? Bạn đọc nhanh hay chậm, hay vừa đủ nghe ?).

Trong đánh giá định kì (giữa kì, cuối kì, cuối năm học), GV thực hiện đánh giá kết quả hoạt động đọc thành tiếng theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học.

2.5. Phương pháp tổ chức dạy học đọc thầm

2.5.1. Các hoạt động dạy học đọc thầm

2.5.1.1. Hoạt động đọc thầm bài khoá

Hoạt động đọc thầm bài khoá trong sách HDHTV2 phần lớn được diễn ra cùng với hoạt động đọc hiểu. Đọc thầm được dùng làm cơ sở để cung cấp thông tin cho hoạt động đọc hiểu. Ở Chương trình Tiếng Việt lớp 2, nội dung học đọc tập trung nhiều hơn vào đọc trơn thành tiếng, do đó hoạt động đọc thầm với vai trò không phải chủ yếu nên thường được xếp ở phần hoạt động thực hành. Tuy nhiên, lớp 2 là lớp bắt đầu có nội dung đọc thầm nên hoạt động đọc thầm được phát triển thường xuyên, có hệ thống ở tất cả các bài khoá. Phần lớn yêu cầu đọc thầm được đặt ra là đọc thầm đoạn. Kết quả của hoạt động đọc thầm được nâng dần lên qua các bài khoá. Một số bài yêu cầu đọc thầm đoạn để nhắc lại một chi tiết trong đoạn. Ví dụ : Hoạt động thực hành 1, Bài 2A :



1. Thay nhau hỏi – đáp :

- Hỏi : *Theo bạn, Na có xứng đáng được thưởng không ? Vì sao ?*

Đáp : ...

(Đọc đoạn 1.)

- Hỏi : *Khi Na được thưởng, có những ai vui mừng ? Những người đó (Na, các bạn của Na, mẹ của Na) bộc lộ niềm vui thế nào ?*

Đáp : ...

(Đọc đoạn 3.)



Ví dụ : Hoạt động thực hành 1, Bài 6A (HS đọc thầm để nhắc lại 1 chi tiết trong đoạn.) :



1. Thảo luận và chọn câu trả lời đúng :

Câu hỏi 2 : *Cô giáo yêu cầu cả lớp làm gì ?* (Đọc đoạn 2.)

- a) Nhìn mẫu giấy đang nằm giữa cửa lớp.
- b) Nhặt mẫu giấy đang nằm giữa cửa lớp.
- c) Lắng nghe xem mẫu giấy nói gì.

Một số bài yêu cầu đọc thầm đoạn để tìm ý chính của đoạn. Với yêu cầu này, HS phải đọc nhiều đoạn hơn, do đó tốc độ đọc thầm cần nhanh hơn.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 7, Bài 10A :

7. Nối cột A với cột B để xác định ý chính của mỗi đoạn :

A	B
(a) Ý chính của đoạn 1	Trong “ngày ông bà”, ông rất vui vì được bé Hà tặng quà là chùm điểm mười. (1)
(b) Ý chính của đoạn 2	Bé Hà bàn với bố chọn ngày lập đông làm “ngày ông bà”. (2)
(c) Ý chính của đoạn 3	Bé Hà cố gắng chuẩn bị quà để tặng ông bà vào “ngày ông bà”. (3)

2.5.1.2. Hoạt động đọc thầm những nội dung học tập khác trong sách HDHTV2

HDHTV2 được biên soạn theo định hướng tổ chức cho HS tự học theo sự hướng dẫn của GV. Theo định hướng này, HS phải tự đọc các nhiệm vụ nêu trong sách và làm theo chỉ dẫn. Do vậy, hoạt động đọc thầm của HS được diễn ra liên tục trong tất cả các bài học, ở hầu hết các hoạt động. HS phải tự đọc thầm nhiệm vụ ở từng hoạt động (nhiệm vụ xem, nghe, nói, đọc, viết, chọn từ, đặt câu,...).

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 3, Bài 6B (HS đọc thầm để làm được nhiệm vụ kể chuyện.) :



3. Trò chơi : Đóng vai kể lại câu chuyện.

Phân vai trong nhóm : một em đóng vai cô giáo, một em đóng vai bạn gái, 2 – 3 em đóng vai học sinh trong lớp.

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 4, Bài 6C (HS đọc thầm để hiểu nghĩa của các từ mới trong bài khoá.) :



4. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A.

A

B

(a) <i>Lấp ló</i>
(b) <i>Bỡ ngỡ</i>
(c) <i>Vân</i>
(d) <i>Rung động</i>
(e) <i>Thân thương</i>

chưa quen trong buổi đầu (1)
thân yêu, gần gũi (2)
lúc ẩn lúc hiện (3)
những đường cong trên mặt gỗ, mặt đá giống như hình vẽ (4)
ý nói (tiếng trống) rung lên, làm cho học sinh cảm động (5)

Tốc độ và kết quả của hoạt động học phụ thuộc nhiều vào hoạt động đọc thầm. Để đẩy nhanh tốc độ đọc thầm của HS, GV nên có chỉ dẫn cho các em khi đọc thầm từng nhiệm vụ : đọc thầm câu hỏi, đọc thầm các câu trả lời trong những câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, đọc thầm từ ở cột A rồi đọc lời giải nghĩa từ ở cột B, đọc thầm đoạn để tìm câu trả lời đúng... Qua đó, HS biết chọn đúng đoạn đọc thầm, biết tập trung vào từng địa chỉ để đọc thầm và nhiệm vụ đọc thầm ở từng địa chỉ đó.

Ví dụ : Trong Hoạt động thực hành 5, Bài 7B, GV cần hướng dẫn HS đọc thầm các chữ in đậm, đọc thầm các từ còn trống âm đầu hoặc trống vần :



5. Chọn chữ thích hợp với mỗi chỗ trống :

a) **tr** hay **ch** ?

giò ...**ả**, ...**ả** lại, con ...**ăn**, cái ...**ăn**

b) **iên** hay **iêng** ?

t.í. nói, t.í. bộ, lười b.í., b.í. mắt

Viết các từ trên vào vở.

Muốn phát triển nhanh và bền vững hoạt động đọc thầm thì không chỉ giới hạn yêu cầu đọc thầm trong lớp học, trong các bài học môn Tiếng Việt. Các bài học ở những môn học khác, các ấn phẩm có ở trong trường, ngoài cuộc sống đều là những phương tiện tốt để luyện đọc thầm cho HS. Khi dạy các môn học khác, GV cần hướng dẫn HS đọc thầm các nhiệm vụ, các chỉ dẫn nêu trong tài liệu như là hướng dẫn HS đọc thầm trong các bài học của môn Tiếng Việt. GV cần khích lệ HS đọc các bản nội quy, các bản thông báo của trường, đọc các sách báo ở thư viện, đọc các bảng hiệu hoặc những quảng cáo các em gặp trên đường hoặc trên màn hình ti vi, đọc các chỉ dẫn sử dụng ghi trong nhãn hàng hoá,...

2.5.1.3. *Đánh giá hoạt động đọc thầm*

Việc đánh giá hoạt động đọc thầm không giống như đánh giá hoạt động đọc thành tiếng, vì vậy không đánh giá riêng kết quả đọc thầm. Kết quả đọc thầm thể hiện trong kết quả của hoạt động đọc hiểu bài khoá, thể hiện trong kết quả của các hoạt động nói, viết, luyện dùng từ và đặt câu,... Do đó, khi đánh giá các kết quả nghe, nói, viết, dùng từ và đặt câu đã có yếu tố của đánh giá đọc thầm. Một HS có kết quả đọc hiểu cao có một phần đóng góp quan trọng của kết quả đọc thầm nhanh và chính xác. Ngược lại, một HS có kết quả đọc hiểu thấp, một phần là do HS đó đọc thầm còn chậm, chưa chính xác. Tương tự như vậy, nếu một HS đạt kết quả cao trong hoạt động viết đoạn văn, viết các từ đúng quy tắc chính tả cũng tức là HS này đọc thầm tốt.

2.5.1.4. *Đồ dùng dạy học đọc thầm*

Đồ dùng dạy học đọc thầm không chỉ có ở sách HDHTV2 mà còn có các loại ấn phẩm sau :

- Sách báo có trong thư viện của lớp học, có trong góc học tập môn Tiếng Việt của lớp.
- Sách báo HS có ở gia đình.
- Các ấn phẩm là nhãn hàng hoá, tờ rơi quảng cáo, các dòng chữ chuyển tải thông tin trên ti vi, trên các trang tin điện tử (những chương trình truyền hình, những trang tin điện tử,...).

2.6. Hướng dẫn điều chỉnh sách HDHTV2 trong dạy học đọc thông

Sách HDHTV2 bao gồm nhiều HDH. Mỗi HDH có nhiều hoạt động. Tuy nhiên, các hoạt động nêu trong sách không phải là những hoạt động hoàn toàn cố định, không được thay đổi. Vì là sách hướng dẫn tự học nên mỗi hoạt động cần phù hợp với từng đối tượng HS ở những điều kiện học tập khác nhau. Hoạt động nêu trong tài liệu có những định hướng tốt, rõ ràng, giúp GV biết mục đích của hoạt động, cách thức tiến hành hoạt động, những đồ dùng học tập cần thiết. Tuy nhiên, do điều kiện dạy học trong bối cảnh lớp học khác nhau, đối tượng HS có những đặc điểm riêng, điều kiện văn hoá xã hội ở địa phương trường đóng có những đặc điểm riêng, vì vậy GV cần phải điều chỉnh HDH cho phù hợp với bối cảnh lớp học mình phụ trách.

Ví dụ : Trong Hoạt động cơ bản 4, Bài 13A, lô gô của hoạt động chỉ ra đây là hoạt động thực hiện trong từng cặp HS :



4. Cùng nhau đọc những từ ngữ sau :

- *lộng lẫy, óm nặng, đại đoá*
- *cơn đau, vườn, kệt mở, dạy dỗ*

Tuy nhiên, nếu GV xét thấy HS trong lớp phần lớn đã đọc đúng những từ ngữ này, chỉ có một số ít HS chưa đọc đúng, GV có thể chuyển hình thức hoạt động này sang hoạt động cá nhân : GV đọc mẫu, một số HS đọc theo GV (từng em đọc theo mẫu).

Ví dụ : Hoạt động cơ bản 5 bài 3A yêu cầu HS làm việc nhóm :



5. Đọc bài :

Mỗi em đọc một đoạn, nói tiếp nhau đến hết bài.

Nếu GV nhận thấy HS đọc nhóm tốt rồi, có thể tổ chức cuộc thi đọc để các em có nhiều cơ hội thể hiện đọc cá nhân. Do đó, GV có thể bổ sung một hoạt động tiếp theo hoạt động này : Thi đọc từng đoạn giữa các nhóm. Mỗi nhóm cử một bạn dự thi và bắt thăm để đọc đoạn. Sau đó, HS cả lớp nhận xét và bầu chọn bạn đọc tốt nhất.

2.7. Giới thiệu tài liệu tham khảo hỗ trợ GV dạy đọc thông

- Sách *Tiếng Việt 2*, tập một và tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Sách giáo viên Tiếng Việt 2*, tập một và tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học* – Nhiều tác giả, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008.
- *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học* – Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên). Dự án Việt – Bỉ, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- *Dạy học tích cực môn Tiếng Việt lớp 1, 2* – Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thị Hiền Lương, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ Tiểu học* – Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Minh Thuyết, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.

2.8. Hướng dẫn cách dạy đọc thông ở một số bài cụ thể

Bài 2A : Em là học sinh đáng yêu

A – Hoạt động cơ bản

1. Tổ chức cho HS chơi trò chơi *Thưởng cho ai ?* để tiếp cận chủ đề của bài đọc *Phần thưởng*. Qua tiếp cận nội dung của bài đọc này mà HS giảm đọc vấp, nhanh hiểu nội dung bài hơn.

- Cho HS chơi trong nhóm.
- Các nhóm đọc thầm hướng dẫn chơi nêu trong hoạt động 1.
- GV yêu cầu mỗi nhóm chọn một tình huống được nêu trong sách ("Một bạn gái đang bê một chồng sách vở nặng vào lớp." hoặc "Một mẫu giấy vụn nằm ngay ở cửa lớp.")
- GV yêu cầu mỗi nhóm trưởng nhắc lại nhiệm vụ của nhóm trưởng nêu trong sách (cử 2 bạn làm một việc để giải quyết tình huống đã chọn).
- Cho HS từng nhóm quan sát việc làm của 2 bạn được cử trong nhóm và chọn ra một bạn đáng khen. Nếu có HS giải thích được vì sao bạn đáng được khen thì GV khuyến khích HS nói.

2. Tổ chức cho HS nghe GV đọc : GV đọc to, rõ, chính xác về âm, tốc độ vừa phải ; yêu cầu HS vừa nghe GV đọc vừa cầm bút chỉ vào từng chữ trong bài đọc và đọc thầm theo (có thể đọc nhẩm, mấp máy môi).

3. Tổ chức cho HS đọc và hiểu nghĩa các từ mới.

– HS làm việc theo cặp. Các em thay nhau đọc từ ở cột A. Sau đó một em đọc một từ ở cột A, một em đọc nghĩa của từ đó ở cột B. Cuối cùng, từng em đọc tất cả các từ và lời giải nghĩa.

A

(a) Sáng kiến
(b) Bí mật
(c) Lặng lẽ

B

không nói gì (1)
ý kiến mới và hay (2)
giữ kín, không nói cho người khác biết (3)

4. Tổ chức HS đọc đoạn.

- HS làm việc theo nhóm.
- Nhiệm vụ của mỗi HS trong nhóm : đọc một đoạn theo chỉ định của nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng chỉ định các bạn đọc đoạn, nối tiếp nhau cho đến hết bài rồi lại quay vòng đọc từ đoạn đầu sao cho mỗi bạn được đọc hai lần hai đoạn khác nhau.

B – Hoạt động thực hành

1. Mỗi HS đọc thầm từng đoạn trước khi thực hiện hỏi – đáp.
2. Mỗi HS đọc thầm lại đoạn 1 trước khi kể ra những việc làm tốt của bạn Na.

Bài 2C : Em chăm học, chăm làm

A – Hoạt động cơ bản

1. Tổ chức cho HS làm việc nhóm để khởi động và tiếp cận với chủ điểm của bài đọc mới *Làm việc thật là vui*.

- HS trong nhóm cùng xem tranh.
- Mỗi HS nói về hoạt động của từng vật trong tranh : Con mèo bắt chuột ; Đồng hồ chỉ giờ ; Con chó canh giữ nhà.

2. Tổ chức cho HS nghe GV đọc : GV đọc to rõ, chính xác về âm, tốc độ vừa phải ; yêu cầu HS vừa nghe GV đọc vừa cầm bút chỉ vào từng chữ trong bài đọc và đọc thầm theo (có thể đọc nhẩm, mấp máy môi).

3. Tổ chức cho HS đọc và hiểu nghĩa các từ mới :

- HS làm việc theo cặp. Các em thay nhau đọc từ ở cột A. Sau đó một em đọc một từ ở cột A, một em đọc nghĩa của từ đó ở cột B. Cuối cùng, từng em đọc tất cả các từ và lời giải nghĩa.

A

(a) <i>Sắc xuân</i>
(b) <i>Rực rỡ</i>
(c) <i>Tưng bừng</i>

B

vui, lời cuốn nhiều người (1)
cảnh vật, màu sắc của mùa xuân (2)
tươi sáng, nổi bật lên (3)

4. Tổ chức trò chơi *Đọc truyền điện* để HS luyện đọc câu.

- HS có thể làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.
- Mỗi HS đọc thầm hướng dẫn chơi trong sách.
- GV giải thích cách chơi : Mỗi em được chỉ định sẽ đọc một câu tiếp sau câu bạn trước đã đọc. Sau khi đọc, em này có quyền chỉ định bạn đọc tiếp theo. Cứ thế lần lượt đọc hết câu trong bài.

- HS có thể chơi nhiều lần để mỗi em có nhiều cơ hội đọc câu.

5. Tổ chức trò chơi đóng vai để hiểu nội dung bài.

- Làm việc trong nhóm gồm 6 em.
- Mỗi HS đọc thầm hướng dẫn chơi trong sách.
- Nhóm trưởng phân công mỗi bạn đóng một vai (đồng hồ, gà, chim tu hú, chim sâu, cành hoa đào, bạn bé).
- HS đọc thầm câu văn trong bài nói về việc làm của vật hoặc người mà mình đóng vai.
- HS nói lời giới thiệu về mình theo vai (có thể tham khảo cách nói trong ví dụ nêu ở sách).

3. Tổ chức dạy học đọc – hiểu

3.1. Sự phân bố các bài đọc và văn bản đọc

Trong mỗi cụm bài học (ví dụ Bài 1A, Bài 1B, Bài 1C), HS được học 2 bài tập đọc.

Các bài mở đầu (nằm ở Bài A) bao giờ cũng là một truyện kể được học trong thời gian khoảng 2 tiết. Ví dụ, Bài 1A là truyện ngụ ngôn *Có công mài sắt, có ngày nên kim*.

Bài thứ hai (nằm ở Bài C) được học trong thời gian khoảng 1 tiết. Ví dụ, Bài 1C là bài *Tự thuật* (văn bản thông thường). Bài thứ hai này cũng có thể là một bài thơ, một bài văn miêu tả, một truyện vui, truyện ngụ ngôn hay văn bản khoa học, báo chí, hành chính (tự thuật, thời khoá biểu, thời gian biểu, mục lục sách, danh sách HS,...). Những mẫu chuyện vui vừa để giải trí, vừa có tác dụng rèn luyện tư duy và phong cách sống vui vẻ,

lạc quan cho HS. Những văn bản khoa học, báo chí, hành chính cung cấp cho HS một số kiến thức và kỹ năng cần thiết trong đời sống, bước đầu xác lập mối liên hệ giữa học với hành, giữa nhà trường và xã hội.

Ở lớp 2, các văn bản nghệ thuật dùng để đọc – hiểu thường là những trích đoạn văn, thơ ngắn, đơn giản, có nội dung phù hợp với tâm lý của HS 7 – 8 tuổi, do đó yêu cầu rèn kỹ năng đọc và đọc – hiểu văn bản nghệ thuật, văn bản thông thường (phi nghệ thuật) cho HS chỉ dừng ở mức độ rất đơn giản.

Thông thường, quá trình đọc – hiểu các văn bản nghệ thuật diễn ra theo 4 bước từ thấp đến cao như sau : (1) Đọc hiểu ngôn từ (cấp độ tri giác ban đầu trong tiếp cận tác phẩm). (2) Tái tạo hình tượng nghệ thuật của tác phẩm (nhắc lại những hình ảnh, cảnh tượng, nhân vật, hoàn cảnh,... được miêu tả trong tác phẩm). (3) Hiểu nội dung, ý nghĩa của tác phẩm, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả ẩn chứa sau các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật. (4) Phát hiện các chi tiết đặc sắc thể hiện thi pháp của tác phẩm, tài nghệ và phong cách của tác giả.

Đối chiếu với quá trình đọc – hiểu nói trên, ở lớp 2 nói riêng, ở cấp Tiểu học nói chung, do khả năng nhận thức của HS còn hạn chế nên việc dạy HS đọc – hiểu văn bản chỉ đạt đến cấp độ 3. Việc hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản nghệ thuật cũng chỉ dừng ở một số gợi mở ban đầu, giúp các em tích lũy vốn từ và yêu thích những từ ngữ hay, hình ảnh đẹp. Từ đó, HS có ý thức sử dụng những từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong kể chuyện, viết văn, trong giao tiếp trên lớp học và xa hơn là sử dụng chúng để có những lời hay ý đẹp trong giao tiếp ngoài phạm vi nhà trường.

3.2. Phương pháp tổ chức hoạt động học đọc – hiểu văn bản nghệ thuật (truyện, thơ)

Phần lớn các hoạt động đọc – hiểu được diễn ra ở hoạt động cơ bản và hoạt động thực hành. *Ví dụ* : Bài Tập đọc trong Bài 1A được thể hiện như sau :

a) “Hoạt động cơ bản” để khởi động dẫn đến tiếp cận chủ đề của văn bản đọc : HS quan sát ảnh một bạn HS, đọc lời tự giới thiệu của bạn, sau đó tự giới thiệu mình trước nhóm, viết lại lời tự giới thiệu đó rồi gắn lên bảng ở góc học tập. Đây là những bài tập khuyến khích HS chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm các em đã biết, nhằm giúp các em ý thức về cái “tôi” của một HS.

b) Các hoạt động đọc – hiểu :

– Nghe GV giới thiệu và đọc truyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim*.

– Từng cặp HS đọc những từ ngữ khó trong bài, tìm hiểu nghĩa của từ ngữ qua lời giải nghĩa từ (hoặc làm các bài tập giúp hiểu nghĩa từ ngữ).

– Dưới sự hướng dẫn của thầy cô, HS luyện đọc các từ ngữ khó, từ ngữ dễ phát âm sai, câu đặc biệt, câu dài cần nghỉ hơi đúng chỗ. (Tùy nội dung bài đọc và khả năng đọc của mỗi lớp HS mà có hoạt động này hay không.)

c) Phần “Hoạt động thực hành” thực hiện tiếp các hoạt động : HS làm việc nhóm đôi để tìm hiểu nội dung, ý nghĩa bài đọc qua bài tập trắc nghiệm khách quan.

3.2.1. Tổ chức hoạt động tìm hiểu nghĩa từ

a) Hiểu nghĩa từ theo cách trực quan

Đây là cách hiểu nghĩa từ bằng quan sát vật thật, vật thay thế, hành động, thường được áp dụng cho tìm hiểu nghĩa các từ có nghĩa cụ thể như danh từ chỉ người, sự vật, con vật, cây cối hay động từ chỉ hoạt động,... Ví dụ : *thuyền rồng*, *đà điểu*, *cá mập*, *thủy thủ*, *bình minh*, *hoàng hôn*, *nhón (chân)*,... Những từ ngữ này có thể được giải nghĩa bằng lời miêu tả, ví dụ : *thuyền rồng* là “thuyền của vua, có chạm hình con rồng”; *thủy thủ* là “người làm việc trên tàu biển”; *bình minh* là “lúc mặt trời mới mọc”; *nhón (chân)* là “nhấc cao hẳn gót chân lên, chỉ để các đầu ngón chân tiếp xúc với mặt nền”,... Nhưng giải nghĩa bằng lời không cụ thể, sinh động, dễ hiểu và gây ấn tượng bằng vật thật, hình ảnh (tranh, ảnh, phim,...) hay hành động. Ví dụ, lời mô tả về chim sếu (loài chim lớn, cổ và mỏ dài, chân cao, kêu rất to, sống ở phương bắc, mùa đông thường bay về phương nam tránh rét) dù kĩ càng, hấp dẫn đến mấy cũng không gọi cảm bằng những hình ảnh này :



Tương tự, lời giải nghĩa từ *hoàng hôn* (lúc mặt trời lặn) dù hấp dẫn đến mấy thì cũng khó lột tả nổi vẻ huy hoàng, lộng lẫy của thiên nhiên ở thời điểm đặc biệt này so với những tấm ảnh chụp cảnh thực :



Lời giải nghĩa *nhón (chân)* cũng dễ hình dung hơn nếu GV kết hợp với động tác của mình để HS nhìn tận mắt.

Giải nghĩa từ bằng vật thật, vật thay thế và hành động có ưu điểm là dễ hiểu và sinh động, giúp HS có kinh nghiệm sống, gọi cho các em những cảm xúc thẩm mỹ nhất định nhưng việc lạm dụng biện pháp này sẽ hạn chế óc tưởng tượng của HS.

b) *Hiểu nghĩa từ theo cách giải nghĩa từ bằng lời miêu tả*

Đây là cách giải nghĩa phổ biến nhất và trong những trường hợp sau, nó là cách giải nghĩa có hiệu quả nhất : Từ cần giải nghĩa là những từ có nội dung trừu tượng hoặc một số từ láy,... ví dụ : *hoà bình, thế giới, tự do, nhân đạo, hoành hành, sừng sốt,...* ; Từ cần giải nghĩa là những từ khó tìm được vật thật, vật thay thế, ví dụ : *thái hậu, thái sư, tiến sĩ, đóng rằm, hòn rằm,...* ; Từ cần giải nghĩa là những từ khó thể hiện bằng hành động, ví dụ : *lặng người, ngẫm nghĩ,...* Một từ có thể có một nghĩa hoặc nhiều nghĩa. Với những từ nhiều nghĩa, ở Tiểu học, chỉ cần nêu một nghĩa gắn với văn cảnh nhất định trong bài. Ví dụ, từ *ghé* trong bài thơ *Cô giáo lớp em*¹ được giải thích như sau : “*Ghé (ghé mắt)* : nhìn, ngó” vì nó gắn với hình ảnh *Nắng ghé vào cửa lớp / Xem chúng em học bài*.

Với kiểu bài tập giải nghĩa từ bằng lời miêu tả, nếu GV chỉ yêu cầu mỗi HS tự đọc thầm từ và lời giải nghĩa trong sách (ví dụ : *Nắn nót* : (viết hoặc làm) cẩn thận, tỉ mỉ ; *Nguệch ngoạc* : (viết hoặc vẽ) không cẩn thận.) thì khó kiểm soát được HS có đọc hay không ? Các em đọc hời hợt hay đọc có “suy nghĩ” để thực sự hiểu được những lời giải nghĩa đó ? Vì vậy, sau khi mỗi HS đọc thầm lời giải nghĩa từ, từng cặp HS cần đọc lại cho nhau nghe để âm thanh vang lên (HS vừa nhìn bằng mắt, vừa nghe bằng tai). Sau đó, GV có thể mời một vài HS đọc lại trước lớp những lời giải nghĩa từ để âm thanh vang lên, vừa gây ấn tượng vừa giúp các em ghi nhớ.

(1) SGK *Tiếng Việt 2*, tập một, tr. 60.

Ví dụ :



7. Thay nhau đọc từ và lời giải nghĩa từ :

- *Ngáp ngẩn ngáp dài* : ngáp nhiều vì buồn ngủ, mệt hoặc chán.
- *Nắn nót* : (viết hoặc làm) cẩn thận, tỉ mỉ.
- *Nguệch ngoạc* : (viết hoặc vẽ) không cẩn thận.
- *Mải miết* : chăm chú làm việc, không nghỉ.
- *Ôn tồn* : nói nhẹ nhàng.
- *Thành tài* : trở thành người giỏi.

Với kiểu bài tập giải nghĩa từ vừa bằng lời miêu tả vừa có tranh, ảnh minh họa, GV cần nhắc nhở hoặc giới thiệu, hướng dẫn HS quan sát tranh, ảnh để các em hiểu từ ngữ hơn.

c) *Hiểu nghĩa từ theo cách giải nghĩa từ bằng cách chọn nghĩa thích hợp với từ đã cho (trắc nghiệm đối chiếu)*

Theo cách này cần cho HS làm việc nhóm đôi, trao đổi với bạn bên cạnh để hoàn thành bài tập. GV có thể kiểm soát dễ dàng kết quả làm bài của HS khi xem các em viết đáp án vào vở hoặc nói trên phiếu lời giải nghĩa ở cột B với mỗi từ ở cột A. Ví dụ :

A	B
(a) Ngăn cản	dùng vai đẩy (1)
(b) Hích vai	không cho đi, không cho làm (2)
(c) Thông minh	nhanh trí, sáng suốt (3)
(d) Hung ác	sừng có nhiều nhánh của hươu, nai (4)
(e) Gạc	dữ tợn và độc ác (5)

Tuy nhiên, để đảm bảo tất cả HS làm bài đúng và khắc sâu kiến thức, GV có thể chốt lại kết quả bằng một trong những cách sau :

– Mời 1 – 2 HS (làm bài đúng) lên bảng lớp làm lại bài (trên giấy khổ to), đọc kết quả – đọc từng từ ngữ và lời giải nghĩa.

– Mời một HS (làm bài sai) lên bảng làm bài, đọc kết quả để các bạn sửa chữa. HS đọc lại kết quả đúng.

– Mời một vài HS tiếp nối nhau đọc lại kết quả làm bài đúng.

Như vậy, với kiểu bài tập này, việc khẳng định kết quả không chỉ dừng lại ở chỗ chỉ ra những đường nối hoặc đọc đáp án với những con số khô khan, không mấy ý nghĩa (a – 2, b – 1, c – 3, d – 5, e – 4) mà HS phải đọc lên, nói lên thành tiếng kết quả đó – từng từ ngữ và lời giải nghĩa chúng.

d) *Hiểu nghĩa từ theo cách tìm từ điền vào chỗ trống*

Tim từ thích hợp điền vào chỗ trống (trắc nghiệm điền khuyết) có thể được tổ chức thành hoạt động chơi như trò chơi *Thi tìm từ nhanh*. Ví dụ ở Hoạt động cơ bản 3 Bài 8A, GV cần yêu cầu các nhóm đọc kỹ yêu cầu của bài tập, thực hiện tuân tự từng việc :

– Nhóm trưởng lấy 5 thẻ từ.

– HS mỗi nhóm ghép từng từ vào lời giải nghĩa sao cho thích hợp.

– Các nhóm tiếp nối nhau đọc kết quả (Ví dụ : *Tò mò* là muốn biết mọi chuyện ; *Thập thò* là ló ra rồi lại thụt vào,...). Nhóm nào ghép đúng, ghép nhanh, báo cáo kết quả rõ ràng, gây ấn tượng sẽ thắng cuộc.

Lắm lem	Thập thò	Tò mò	Gánh xiếc	Lách
.....
..... là nhóm xiếc nhỏ thường đi biểu diễn nhiều nơi.
.....
..... là muốn biết mọi chuyện.
.....
..... là lựa khéo để qua chỗ chật hẹp.
.....
..... là bị dính bản nhiều chỗ.
.....
..... là ló ra rồi lại thụt vào.

Ngoài những dạng hoạt động trên, GV còn có thể tổ chức những hoạt động sau để HS hiểu nghĩa từ trong bài :

– Giải nghĩa từ bằng cách đặt câu với từ cần giải nghĩa. Ví dụ, đặt câu với từ *hoành hành* : *Cơn bão dữ dội hoành hành khắp một vùng ven biển.*

– Giải nghĩa từ bằng cách tìm từ đồng nghĩa với từ cần giải nghĩa. Ví dụ, chỉ ra những từ đồng nghĩa với *hộp hĩnh* (*ngạo mạn, kiêu căng,...*).

– Tìm những từ trái nghĩa với từ cần giải nghĩa. Ví dụ, chỉ ra những từ trái nghĩa với *ngạo nghễ* (*khiêm nhường, khiêm tốn,...*).

3.2.2. Tổ chức hoạt động hiểu nội dung, ý nghĩa bài đọc

Hệ thống câu hỏi, bài tập của sách, hoạt động của thầy cô giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn HS từng bước hiểu, cảm văn bản, dẫn đến kết quả là HS khám phá được nội dung, ý nghĩa tác phẩm. Những câu hỏi hay có thể lập tức làm sáng tỏ văn bản và gợi cảm hứng cho trẻ. Sách thường nêu những câu hỏi giúp HS tái hiện nội dung bài đọc (câu hỏi tái hiện) trước, sau đó mới đặt ra những câu hỏi giúp các em nắm được những vấn đề thuộc tầng sâu hơn như tính cách nhân vật, ý nghĩa của văn bản, thái độ của tác giả (câu hỏi suy luận). Dựa vào hệ thống câu hỏi và bài tập trong sách, GV tổ chức cho các nhóm HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận, báo cáo kết quả,... sao cho mỗi em đều làm việc để tự nắm được bài.

Dựa trên các hình thức hợp tác, sách HDHTV2 tổ chức dạy đọc theo các PPDH sau : Làm việc theo lớp, Làm việc theo nhóm (biện pháp Nhóm đôi, Nhóm vòng tròn), Làm việc cá nhân, và các PPDH đặc thù của môn Tiếng Việt là thực hành giao tiếp. GV có thể linh hoạt, sáng tạo khi bổ sung các kĩ thuật học hỏi được từ các dự án, như : học nhóm theo phương án Khăn trải bàn, Phòng tranh, Bể cá, các kĩ thuật dạy học như : Ba lần ba, KWL,...). Dưới đây là một số hướng dẫn các PPDH gắn với từng hoạt động đọc – hiểu.

a) Hiểu câu hỏi đọc – hiểu dạng câu hỏi đóng

Câu hỏi dạng đóng thường được sử dụng để kiểm tra việc thu nhận thông tin, kiểm tra khả năng hiểu thông tin, hiểu ý nghĩa của văn bản. Dưới đây là ví dụ câu hỏi tìm hiểu nội dung bài *Sáng kiến của bé Hà* (Hoạt động thực hành 1, Bài 10A) :

1. a) Đọc đoạn 1, trả lời câu hỏi :

– Bé Hà có sáng kiến gì ?

– Hai bố con Hà chọn ngày nào làm “ngày ông bà” ? Vì sao ?

b) Đọc đoạn 2, trả lời câu hỏi : Bé Hà còn băn khoăn chuyện gì ?

c) Đọc đoạn 3, trả lời câu hỏi : Bé Hà tặng ông bà món quà gì ?

Có nhiều kiểu câu hỏi đọc – hiểu dạng câu hỏi đóng :

Kiểu 1 : Trắc nghiệm lựa chọn 1 phương án trả lời đúng. *Ví dụ* : Hoạt động cơ bản 6, Bài 4A :

Trao đổi để chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi sau :

– Câu hỏi 1 : *Các bạn gái khen Hà thế nào ?* (Đọc đoạn 2.)

- a) Tóc bạn đẹp lắm !
- b) Bím tóc đẹp quá !
- c) Hà có hai bím tóc xinh xinh.

Mỗi câu hỏi chỉ có 1 đáp án trả lời đúng (câu hỏi trên : phương án b).

Kiểu 2 : Trắc nghiệm lựa chọn 1 phương án trả lời **đúng nhất**. *Ví dụ* : Hoạt động cơ bản 5, Bài 17A :

Dòng nào dưới đây nêu đầy đủ nội dung bài đọc :

- a) Mèo và Chó rất tình nghĩa.
- b) Mèo và Chó rất thông minh.
- c) Cả hai ý nêu trên.

Trong 2 dòng trên, dòng a và b đều đúng nhưng chưa nêu đầy đủ nội dung bài đọc, dòng c là đúng nhất vì đảm bảo cả hai yêu cầu : đúng và đủ.

Kiểu 3 : Trắc nghiệm đối chiếu. *Ví dụ* : Hoạt động thực hành 1, Bài 1A :

Dựa theo nội dung bài đọc, chọn câu trả lời ở bên B phù hợp với câu hỏi ở bên A :

A	B
(1) Lúc đầu, cậu bé học hành thế nào ?	(a) Phải nhẫn nại, kiên trì.
(2) Cậu bé đi chơi, thấy bà cụ đang làm gì ?	(b) Đang mài sắt vào tảng đá.
(3) Bà cụ giảng giải cho cậu bé thế nào ?	(c) Đọc sách thì ngáp, viết thì nguệch ngoạc.
(4) Câu chuyện khuyên em điều gì ?	(d) Ai kiên trì, mài sắt sẽ thành kim, chăm học sẽ thành tài.

Mỗi câu hỏi chỉ có 1 đáp án trả lời đúng : câu 1 – phương án c ; câu 2 – b ; câu 3 – d ; câu 4 – a.

Với câu hỏi dạng đóng, ví dụ các câu hỏi tìm hiểu bài *Sáng kiến của bé Hà* (Bài 10A), cần tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc theo cặp. Khi làm bài theo cặp, mỗi em cần đọc thầm các câu hỏi và tự trả lời. Sau đó thực hành đóng vai : em đọc – em trả lời, rồi đổi vai. GV chú ý nhắc HS nói thành câu. Làm bài trong nhóm lớn hơn, HS cũng đọc thầm các câu hỏi và tự trả lời dựa theo bài đọc, sau đó trao đổi, chia sẻ ý kiến với các bạn. Nhờ trao đổi ý kiến, mỗi em sẽ hoàn thiện câu trả lời của mình làm cho nó có chiều sâu hơn. Cuối cùng, GV mời một vài cặp HS thay mặt các nhóm thực hành hỏi – đáp trước lớp để khắc sâu hơn hiểu biết về bài đọc.

Với bài tập nêu rõ yêu cầu hỏi – đáp theo nội dung bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện bài tập tuân tự theo từng bước như sau :

– HS (cầm sách) thực hành hỏi – đáp : HS1 đọc lần lượt từng câu hỏi, HS2 tìm câu trả lời trong bài đọc để đáp lại. Sau đó đổi vai : Em hỏi thành em trả lời và ngược lại.

– HS hỏi – đáp (thoát li sách) : HS1 có thể nhìn sách nêu lần lượt từng câu hỏi, HS2 trả lời theo trí nhớ. Sau đó đổi vai.

– Cuối cùng, một vài cặp HS thực hành hỏi – đáp trước lớp. Hai em đầu hỏi – đáp dựa vào sách, những em sau thoát li sách. Ví dụ : Hỏi – đáp theo cặp trong Hoạt động cơ bản 6, Bài 3A (bài *Bạn của Nai Nhỏ*) :

– Hỏi : Nai Nhỏ xin phép cha đi chơi xa với ai ?

– Đáp : Nai Nhỏ xin phép cha đi chơi xa với bạn.

– Hỏi : Nghe Nai Nhỏ xin phép, cha Nai Nhỏ nói gì ?

– Đáp : Cha Nai Nhỏ nói : Cha không ngăn cản con. Nhưng con hãy kể cho cha nghe về bạn của con...

Bằng cách đó, với mỗi câu hỏi, HS được luyện tập hỏi – đáp vài lần. Nếu làm như vậy với các câu hỏi tìm hiểu bài đọc là truyện kể mở đầu mỗi tuần học thì HS sẽ nhớ câu chuyện hơn, nhờ đó, ở tiết Kể chuyện tiếp theo, các em sẽ dễ dàng hơn khi kể lại câu chuyện vừa học.

Với những câu hỏi yêu cầu HS khái quát ý nghĩa của văn bản nghệ thuật, nói lời khuyên của câu chuyện, ví dụ : Làm việc gì cũng phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công (Bài tập đọc trong Bài 1A) ; thì càng cần phải có nhiều HS nói lên thành lời để các em ghi nhớ, khắc sâu lời khuyên đó.

b) *Hiểu câu hỏi, bài tập dạng mở*

Câu hỏi, bài tập dạng mở (có nhiều đáp án) thường được sử dụng để kích thích suy nghĩ độc lập, sáng tạo của HS, tạo cơ hội cho các em chia sẻ ý kiến cá nhân.

Ví dụ, câu hỏi tìm hiểu câu chuyện *Sự tích cây vú sữa* :

Theo em, nếu được gặp lại mẹ, cậu bé sẽ nói gì ? (Hoạt động thực hành 2, Bài 12A)

Hoặc :

Em mong muốn câu chuyện kết thúc như thế nào ? Hãy kể lại đoạn cuối câu chuyện theo ý đó. (SGK *Tiếng Việt 2*, tập một, tr. 97)

Những câu hỏi này giúp mỗi HS nói lên suy nghĩ, phán đoán, cảm nhận, mong muốn, tưởng tượng của riêng mình. Ý kiến của các em vì vậy sẽ không giống nhau.

Bên cạnh kiểu bài tập trên, còn có dạng bài tập trò chơi, kết hợp câu hỏi đóng và tương đối mở. Ví dụ : Trò chơi đóng vai (Hoạt động cơ bản 5, Bài 2C)

– 6 người đóng 6 vai : cái đồng hồ, gà trống, chim tu hú, chim sâu, cành hoa đào, bé.

– Mỗi vai sẽ nói mình là ai, mình đã làm gì, mình có cảm thấy vui khi làm việc đó không.

Ví dụ : *Tôi là chiếc đồng hồ. Tôi luôn kêu “tích tắc” để báo phút, báo giờ. Tôi rất vui vì đã giúp các bạn nhỏ học và chơi đúng giờ.*

Trong trò chơi trên, HS sẽ nhập vai nói theo lời của các nhân vật trong bài đọc nhưng các em cũng khá tự do khi nói về niềm vui trong công việc lao động của nhân vật mà mình nhập vai.

* Với câu hỏi, bài tập yêu cầu HS nói nội dung bài đọc theo lời nhân vật – trò chơi đóng vai (bài *Làm việc thật là vui*), dạng bài tập kết hợp câu hỏi dạng đóng và câu hỏi tương đối mở. Theo lô gô, HS sẽ làm bài theo nhóm lớn. Các bước thực hiện như sau :

a) Chuẩn bị :

– HS các nhóm đọc thầm yêu cầu của bài tập.

– Phân vai : 6 bạn đóng 6 vai (đồng hồ, gà trống, tu hú, chim sâu, cành hoa đào, bé).

– Mỗi em đọc thầm lại bài văn, xác định lời mình sẽ nói.

– GV nhắc HS : Khi đóng vai, mỗi vai cần giới thiệu mình là ai, sau đó nói mình đã làm gì, mình cảm thấy vui như thế nào khi làm việc đó. Các nhân vật cần biết tiếp nối lời nhau tự nhiên, linh hoạt, nhịp nhàng.

b) Thực hành :

– Từng nhóm HS thực hành đóng vai.

– Một vài nhóm thi đóng vai trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn nhóm làm bài tốt nhất : các bạn nói đúng vai, tiếp nối nhịp nhàng các lượt lời, diễn tự nhiên, hồn nhiên.

3.2. Phương pháp tổ chức hoạt động đọc – hiểu văn bản thông thường :

Đọc – hiểu những văn bản thông thường, thiên về thông báo nhằm tác động vào lí trí người đọc như tự thuật, báo cáo, thông báo, bản tin, văn bản khoa học,... khác với đọc văn bản nghệ thuật. Việc rèn kĩ năng đọc – hiểu các văn bản thông thường trải qua ít công đoạn hơn, nội dung “hiểu” đơn giản, khách quan hơn. Có những văn bản, việc đọc – hiểu chỉ cần dừng ở cấp độ 1. Ví dụ, đọc bài *Tự thuật* (văn bản thông thường – Hoạt động cơ bản 2, Bài 1C), HS chỉ cần nắm được nghĩa và biết cách dùng các từ mới được giải nghĩa ở sau bài đọc (*tự thuật, quê quán*), các từ chỉ đơn vị hành chính (*xã, phường, quận, huyện,...*) ; nắm được những thông tin chính về bạn HS trong bài ; từ đó, có khái niệm bước đầu về một bản tự thuật (lí lịch).

Bên cạnh những văn bản yêu cầu HS chỉ làm chủ phương diện ngôn từ (đọc – hiểu cấp độ 1) còn có những văn bản yêu cầu HS phải rút ra ý nghĩa văn bản (cấp độ 3). Những ý nghĩa này tuy đòi hỏi ở HS năng lực khái quát nhất định nhưng cũng không quá phức tạp vì ý nghĩa của tác phẩm phi hư cấu có tính khách quan, không cần sự tham gia của liên tưởng, tưởng tượng.

Như vậy, phương pháp dạy đọc – hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản không hư cấu cũng tương tự như với văn bản nghệ thuật. Tuy nhiên, do nội dung “hiểu” đơn giản, khách quan hơn nên các bài dạy cũng đơn giản hơn. GV chú ý : Với các văn bản hành chính hoặc văn bản giao dịch thông thường như bản *Tự thuật*, không cần và cũng không nên đọc diễn cảm.

3.3. Đồ dùng dạy học đọc – hiểu

Đồ dùng dạy học (ĐDDH) phục vụ cho hoạt động đọc – hiểu thường là tranh, ảnh, các thẻ từ, phiếu học,... GV cần khai thác triệt để các ĐDDH đó, nhất là tranh, ảnh vì tranh, ảnh minh họa giúp HS hiểu nghĩa từ ngữ, hiểu bài đọc, cung cấp cho HS những kinh nghiệm sống, gợi cho các em những cảm xúc thẩm mỹ nhất định. Nhiều GV thường quên khai thác tranh, ảnh. GV có thể sưu tầm bổ sung tranh, ảnh để phục vụ cho bài học, nhưng cũng không nên lạm dụng vì có thể dẫn đến chỗ hạn chế óc tưởng tượng của HS – một yêu cầu quan trọng trong tiếp nhận nghệ thuật ngôn từ.

Ngoài ra, khi đưa vào những kĩ thuật dạy học mới, GV cần làm ĐDDH tương ứng. Ví dụ, khi sử dụng kĩ thuật Khăn trải bàn, cần chuẩn bị giấy khổ to và bút dạ cho mỗi HS để

em nào cũng được viết ý kiến riêng của mình lên một góc khăn, sau đó nhóm thống nhất ý kiến, viết vào giữa khăn. Với kỹ thuật Phòng tranh cần chuẩn bị cho mỗi HS 1 tờ giấy riêng để mỗi em viết suy nghĩ, ý tưởng, sau đó dính lên bàn hay lên tường như một “phòng tranh” của nhóm. Với biện pháp Phản hồi tích cực, GV cũng phải chuẩn bị phiếu để HS viết *Điều đã biết, Điều muốn biết, Điều đã học được* (KWL) ; hoặc *3 điều tốt, 3 điều chưa tốt, 3 điều cần cải tiến* (Ba lần ba),...

3.4. Hướng dẫn đánh giá kết quả đọc – hiểu (HS tự kiểm soát hoạt động đọc – hiểu)

Điểm khác biệt giữa sách *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2* theo mô hình trường học mới với SGK *Tiếng Việt 2* truyền thống là sách HDHTV2 lồng ghép quy trình học và nội dung học. Nhờ đó, các nhóm HS có thể cùng nhau tự học, tự đọc, tự tìm hiểu nghĩa từ ngữ, nội dung, ý nghĩa bài đọc dưới sự hỗ trợ, giúp đỡ của GV. Hình thức tổ chức dạy học toàn lớp do vậy không còn chiếm ưu thế. Vì vậy, GV phải chú ý tổ chức tốt các nhóm tự quản ngay từ đầu năm học, suốt cả quá trình học, sao cho các nhóm dưới sự quản lý của nhóm trưởng đều làm việc, đều đọc, tìm hiểu nội dung bài đọc, giúp đỡ, hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy nhiên, không thể phó thác cho HS lớp 2 tự phát hiện và sửa lỗi cho nhau về phát âm, cách đọc, giọng đọc, khi mà các em vừa kết thúc lớp 1 (mới vượt qua giai đoạn học vắn) ; cũng như không thể đòi hỏi các em tự tìm đúng đáp án cho các câu hỏi, bài tập đọc – hiểu, tự đánh giá mình, biết sửa lỗi cho bạn về cách hiểu từ, câu, nội dung bài thơ, câu chuyện,... Vì vậy, để đảm bảo chất lượng đọc – hiểu của HS, sao cho HS nào cũng làm việc, cũng đọc đúng, hiểu đúng ; những HS đọc sai, hiểu sai đều nhận được sự giúp đỡ, uốn nắn của thầy cô, bạn bè, GV phải kiểm soát được kết quả đọc và đọc – hiểu của từng nhóm HS, từng HS. GV cần tạo môi trường học tập lôi cuốn tất cả HS đều đọc, đều tìm hiểu bài đọc, tránh tình trạng HS làm việc hời hợt, đối phó (bề ngoài có vẻ tích cực nhưng chưa thực sự “hành động”), dễ dẫn đến một kết quả thấp hơn nhiều so với phương pháp dạy đọc hiện hành đang tỏ ra rất có hiệu quả. Đọc vì vậy dễ là một khâu yếu trong mô hình dạy học này. HS đọc không tốt, không nhớ diễn biến của câu chuyện, không hiểu nội dung câu chuyện vừa học trong giờ tập đọc sẽ không làm được các bài tập kể chuyện trong giờ học tiếp theo, ảnh hưởng xấu đến chất lượng học tập môn Tiếng Việt và tất cả các môn học khác.

Để giờ dạy đọc kiểm soát được kết quả của HS và đạt hiệu quả, GV cần chú ý :

a) Đảm bảo sự chắc chắn trong tiến trình tổ chức dạy học từng bài tập, nhiệm vụ để nâng cao được kỹ năng đọc và đọc – hiểu của HS qua từng bài học. Cụ thể : Hướng dẫn

HS thực hiện từng hoạt động một cách rõ ràng, chắc chắn. Kiểm tra xem HS có làm việc không, có hiểu việc phải làm không (nếu nhiệm vụ đặt ra là khó hoặc mới với HS thì cần cho HS làm mẫu, làm thử một phần nhiệm vụ) ; trả lời thắc mắc của HS ; tổ chức cho các nhóm, cá nhân báo cáo và đánh giá kết quả làm việc.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của từng nhóm, cá nhân để nắm được khả năng đọc, cách phát âm,... của cá nhân, nhóm, lớp, từ đó, hỗ trợ, giúp đỡ các em hoàn thành nhiệm vụ. Vì GV khó có thể đi hết các nhóm, đến với từng HS nên càng cần phát huy vai trò tự quản của nhóm, vai trò “trợ lý” cho thầy cô của nhóm trưởng, của HS giỏi ; sử dụng các công cụ giám sát, các loại tín hiệu yêu cầu trợ giúp hoặc sẵn sàng trợ giúp,... để GV trực tiếp hỗ trợ những HS yếu kém hoặc mời những HS đã hoàn thành bài tập chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm, giúp đỡ bạn.

3.5. Giới thiệu các phương án điều chỉnh *Hướng dẫn học*

Hướng dẫn học Tiếng Việt 2 mở ra nhiều khoảng trống cho sự sáng tạo của GV trong tổ chức hoạt động dạy học. Tùy đặc điểm đối tượng HS và điều kiện lớp học, GV cần linh hoạt, sáng tạo trong nội dung dạy học, trong PPDH, trong sử dụng và sưu tầm đồ dùng, thiết bị dạy học để đảm bảo hiệu quả dạy học. Ví dụ :

– Với hoạt động đọc – hiểu, GV có thể bổ sung những câu hỏi, bài tập giúp giờ học diễn ra uyển chuyển, lô-gíc. GV có thể bổ sung nội dung hoặc thay đổi hoạt động so với sách. Ví dụ : Thêm nội dung hướng dẫn cách đọc văn bản nếu sách viết về nội dung này còn sơ sài ; hoặc bổ sung câu hỏi tìm hiểu nội dung đoạn văn, khổ thơ để HS có thể trả lời được câu hỏi khái quát ý nghĩa bài đọc ở cuối bài. Dù lô gô của bài tập là Làm việc nhóm thì GV vẫn có thể cho kết hợp Làm việc chung cả lớp khi cần giúp HS cả lớp hiểu đúng yêu cầu của một câu hỏi, bài tập phức tạp ; khi cần sửa những lỗi mà nhiều HS trong lớp mắc phải ; khi cần làm âm vang ngôn ngữ hình tượng của bài đọc ; khi cần gây ấn tượng, khẳng định, khắc sâu kết quả, đáp án,...

– GV cần chú ý kết hợp đúng lúc, đúng chỗ giữa phương pháp Làm việc nhóm với Làm việc cá nhân và Làm việc chung cả lớp phù hợp với trình độ của đối tượng HS. Mỗi câu hỏi, bài tập trong sách đều có lô gô biểu thị phương pháp tổ chức hoạt động, GV cần chú ý đến các kí hiệu đó. Tuy nhiên, lớp học theo mô hình trường học mới Việt Nam hầu hết là lớp đơn (không phải lớp ghép) nên GV có thể linh hoạt tận dụng ưu thế của phương pháp học cả lớp để tiết kiệm thời gian và sức lao động của thầy cô,... nhưng cần tránh lạm dụng, làm mất đặc trưng của mô hình “tự học có hướng dẫn”. Tương tự, GV cũng không cần cứng nhắc tuân thủ các lô gô. Ví dụ, lô gô là Làm việc nhóm đôi nhưng GV vẫn có thể yêu cầu HS Làm việc nhóm 4 để phù hợp với việc áp dụng kĩ thuật dạy học mới (Khăn trải bàn, XYZ,...) có thể mang lại hiệu quả cao hơn.

3.6. Giới thiệu tài liệu tham khảo hỗ trợ GV dạy đọc – hiểu

a) GV có thể tham khảo, học hỏi các phương pháp, kĩ thuật dạy học mới qua một số tài liệu sau :

- *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học* – Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên). Dự án Việt – Bỉ, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới* – Meier Bernd, Nguyễn Văn Cường. Dự án Phát triển giáo dục THPT, 2005.
- *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ Tiểu học* – Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Minh Thuyết, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học* – Nguyễn Thị Hạnh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- *Đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học* – Nhiều tác giả, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008.

b) Tham khảo cách dạy, đáp án của các bài soạn trong *SGV Tiếng Việt 2*, tập một, tập hai – Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.

3.7. Hướng dẫn tổ chức dạy bài cụ thể

Bài 1A : CÓ CÔNG MÀI SẮT, CÓ NGÀY NÊN KIM (2 tiết)

A – Hoạt động cơ bản

Tiết 1 :

1. Làm việc với thầy cô :

– Nghe thầy cô giới thiệu mục tiêu của bài học mở đầu : Sách *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2* với những nội dung phong phú hơn lớp 1 sẽ giúp các em học được nhiều điều mới mẻ, mở rộng hiểu biết về bản thân, về con người và thế giới xung quanh. Bài học mở đầu *Em là học sinh chăm chỉ* nói về các em – những HS đang học hành chăm chỉ ở nhà trường.

– HS đọc mục tiêu của Bài 1A. GV giới thiệu mục tiêu riêng của tiết 1, 2 gắn với bài tập đọc.

2. Khởi động : Từng cặp HS quan sát ảnh bạn Lê Ngọc Bích (tươi cười, đáng yêu, tự nhiên), đọc cho nhau nghe lời tự giới thiệu làm mẫu của Lê Ngọc Bích.

3. Hai HS thay nhau tự giới thiệu “Tôi là ai ?” theo gợi ý. GV nhắc các em hãy học cách tự giới thiệu của Ngọc Bích – tự nhiên, tự tin.

4. Mỗi HS lần lượt tự giới thiệu về mình trước nhóm. GV đến từng nhóm, lắng nghe, góp ý cho HS. Sau đó, các em sẽ thi giới thiệu về mình trước lớp xem ai biết tự giới thiệu tự nhiên, tự tin, rõ ràng, gây ấn tượng, khiến các bạn thích thú, lắng nghe. GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt bài tập.

5. Làm bài cá nhân : Nhóm trưởng nhận giấy, phát cho các bạn. Mỗi HS viết lời tự giới thiệu rồi gắn vào góc học tập. Khi HS viết, GV nhắc các em có thể viết nhiều hơn những gì sách gợi ý. Ví dụ : Tôi là ..., Sinh ngày ..., Tôi thích ..., Tôi không thích..., Ba mẹ muốn tôi trở thành ..., Tôi muốn trở thành... Với lớp có HS khá, giỏi, GV có thể yêu cầu HS trang trí, tô màu bài tự giới thiệu của mình cho đẹp, gắn vào góc học tập, tạo một góc “cá nhân” để mỗi HS ý thức hơn về “cái tôi”, đồng thời biết rõ hơn về mỗi thành viên trong lớp.

Tiết 2 :

6. Làm việc với thầy cô :

– GV giới thiệu truyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim* : HS quan sát tranh minh họa trong sách, trả lời câu hỏi : *Tranh vẽ những ai ? Họ đang làm gì ?* (Tranh vẽ bà cụ và một cậu bé. Bà cụ đang mài một vật gì đó, vừa làm, bà vừa nói chuyện với cậu bé. Cậu bé chăm chú lắng nghe). Muốn biết bà cụ làm việc gì, bà và cậu bé nói với nhau những gì, muốn nhận được một lời khuyên hay, các em hãy đọc truyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim*.

– GV đọc bài. Phát âm rõ, chính xác, đọc phân biệt lời người kể với lời các nhân vật. (Lời người kể : thong thả, chậm rãi. Lời cậu bé : tò mò, ngạc nhiên. Lời bà cụ : ôn tồn, hiền hậu.)

7. Làm việc nhóm đôi : HS đọc thầm 6 từ ngữ và lời giải nghĩa từ. Sau đó, một em đọc từ – một em đọc lời giải nghĩa rồi đổi vai. GV mời 3 – 4 cặp HS đọc lời giải nghĩa từ trước lớp.

8. GV hướng dẫn HS luyện đọc đúng các từ ngữ khó (*nắn nót, nguệch ngoạc, mài miết, quay vào*), các câu hỏi, câu dài cần nghỉ hơi đúng (như sách đã hướng dẫn).

9. Mỗi HS trong nhóm tiếp nối nhau đọc từng câu, từng đoạn (2 – 3 lượt), đọc toàn truyện. HS lớp 2 khó có thể tự phát hiện và sửa lỗi cho nhau về phát âm, cách đọc, giọng đọc,... vì vậy GV cần đến với từng nhóm để nắm được khả năng đọc của HS và kịp thời giúp đỡ. GV cũng cần phát huy vai trò của nhóm tự quản, vai trò “trợ lí” của nhóm trưởng, của HS giỏi.

B – Hoạt động thực hành

1. Làm việc nhóm đôi :

– HS đọc thầm từng câu hỏi ở bên A, dựa theo nội dung bài đọc và tranh minh họa, chọn câu trả lời ở bên B sao cho phù hợp với mỗi câu hỏi.

– Từng cặp HS trao đổi. GV lắng nghe hoặc quan sát kết quả “nổi” trên phiếu để biết khả năng hiểu bài đọc của HS.

– Một vài cặp HS hỏi – đáp trước lớp theo từng câu hỏi để khẳng định đáp án.

– HS1 : 1) Lúc đầu, cậu bé học hành thế nào ? – HS2 : c) Đọc sách thì ngáp, viết thì nguệch ngoạc.

– HS1 : 2) Cậu bé đi chơi, thấy bà cụ đang làm gì ? – HS2 : b) Đang mài sắt vào tảng đá.

– HS1 : 3) Bà cụ giảng giải cho cậu bé thế nào ? – HS2 : d) Ai kiên trì, mài sắt sẽ thành kim, chăm học sẽ thành tài.

– HS1 : 4) Câu chuyện khuyên em điều gì ? – HS2 : a) Phải nhẫn nại, kiên trì.

2. HS thi đọc từng đoạn, toàn truyện trước lớp. Với lớp HS giỏi, khi HS đọc xong, GV có thể yêu cầu mỗi em tự nhận xét mình có phải là học trò chăm chỉ không ? Các em có thể nói nhiều hơn một câu. Ví dụ : *Tôi là một học sinh chăm chỉ. Tôi đọc lưu loát và viết đúng chính tả. / Tôi chưa chăm chỉ. Tôi viết chữ chưa đẹp. ...*

* Phần *Hoạt động ứng dụng*, làm việc với cha mẹ : GV mời 1 – 2 HS đọc trước lớp yêu cầu các em cần thực hiện ở nhà : Hỏi người thân những thông tin để chuẩn bị cho bài tự thuật ở tiết sau : Nơi sinh của em ; Quê quán ; Tên địa phương em ở : xã (hoặc phường), huyện (hoặc quận, thị xã) ; Số điện thoại của gia đình (hoặc của bố, mẹ em). Ghi các thông tin vào vở.

Bài 1C : TỰ THUẬT (1 tiết)

* Kiểm tra bài cũ : GV kiểm tra HS đọc truyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim*, trả lời câu hỏi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

* Tìm hiểu mục tiêu của bài 1C : GV giới thiệu chủ điểm *Tự thuật của em*. HS đọc thầm mục tiêu của bài 1C. 1 – 2 HS đọc mục tiêu trước lớp. GV xác định mục tiêu của tiết học : Đọc – hiểu bài *Tự thuật*.

A – Hoạt động cơ bản

1. Khởi động : Mỗi em lấy lại bài tự giới thiệu *Tôi là ai ?* đã gắn ở góc học tập. Sau đó, tự giới thiệu về mình trước lớp. Nghe các bạn và thầy cô nhận xét về cách tự giới thiệu của mỗi em.

2. Làm việc với thầy cô

– GV giới thiệu bài đọc : Hôm nay các em sẽ luyện đọc bản tự thuật của bạn Thanh Hà. So với bản tự thuật của các em thì đây là một bản tự thuật đầy đủ hơn.

– GV đọc mẫu bài *Tự thuật* – giọng đọc rõ ràng, rành mạch, gây ấn tượng về cách đọc khác với đọc một bài thơ, bài văn.

3. HS đọc thầm từ và lời giải nghĩa từ : *tự thuật, quê quán*.

4. HS các nhóm đọc tiếp nối từng dòng, rồi cả bài (2 – 3 lượt). GV nhắc HS chú ý nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, khi kết thúc dòng. GV đến từng nhóm, giúp HS sửa lỗi về phát âm, cách đọc, cách nghỉ hơi. Sau đó, 2 – 3 HS giỏi đọc mẫu trước lớp để các bạn học hỏi.

5. HS làm việc nhóm, thảo luận, trả lời hai ý của câu hỏi 5 : a) Em biết những gì về bạn Thanh Hà ? b) Nhờ đâu em biết rõ về Thanh Hà như vậy ? (Em biết họ, tên Thanh Hà ; Thanh Hà là nữ ; ngày sinh, nơi sinh của bạn, quê quán, nơi ở hiện nay ; trường, lớp Thanh Hà đang học. / Em biết rõ về Thanh Hà như vậy là nhờ bản tự thuật của Thanh Hà.)

Một vài HS nói lại trước lớp những thông tin về bạn Thanh Hà và tác dụng của bản tự thuật.

6. – HS đọc yêu cầu của bài tập 6 và các gợi ý ; xem lại những thông tin các em đã hỏi ông bà, cha mẹ. GV khuyến khích các em giới thiệu về mình tự nhiên, hồn nhiên, không lệ thuộc vào những gợi ý ; chăm chú lắng nghe bạn nói để có thể hoàn thành tốt bài tập 7 (Nói về người bạn ngồi cạnh em trong nhóm).

– HS lần lượt tự giới thiệu về mình trước nhóm : Tên em là gì ? Quê em ở đâu ? Em học lớp nào, trường nào ? Em thích những môn học nào ? Em thích làm những việc gì ? Nghe nhận xét của các bạn để rút kinh nghiệm.

– Đại diện các nhóm thi tự giới thiệu về mình trước lớp. Cả lớp và GV khen ngợi, bình chọn những bạn biết tự giới thiệu với thông tin rõ ràng, thái độ tự nhiên, tự tin, gây ấn tượng thú vị, khiến các bạn thích thú lắng nghe.

7. Mỗi HS trong nhóm nói lại những thông tin mình nghe được về bạn ngồi cạnh. Nghe góp ý : những thông tin em nói về bạn có đúng không.

HS thi nói lại trước lớp những thông tin mình nghe được về bạn. Cả lớp và GV bình chọn những bạn biết lắng nghe, nghe chính xác, nói lại những thông tin đã nghe một cách rõ ràng, thái độ tự nhiên, tự tin.

* Phần *Hoạt động ứng dụng*, GV nhắc HS về nhà viết lại bản tự thuật các em đã nói ở lớp. Nhờ người thân kiểm tra giúp bản tự thuật đã viết.

B – DẠY HỌC KĨ NĂNG VIẾT

I – Dạy viết Chính tả

1. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Về yêu cầu kiến thức chính tả lớp 2 không có bài học riêng, chỉ trình bày các kiến thức HS cần làm quen và nhận biết thông qua các bài thực hành. Về yêu cầu kĩ năng viết chính tả, cần viết được chữ thường cỡ nhỏ, chữ hoa cỡ vừa và nhỏ, viết chính tả đoạn văn xuôi, đoạn thơ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết (chú trọng viết chữ có vần khó, các từ ngữ dễ viết sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương), cụ thể như sau :

Viết chữ thường tương đối thành thạo ;

Viết đúng các chữ mở đầu bằng c/k, g/gh, ng/ngh ; viết được một số chữ ghi tiếng có vần khó (uynh, uơ, uyu, oay, oăm,...), thanh (hỏi, ngã, nặng) do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương ;

Biết viết hoa chữ cái mở đầu câu, viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam. Biết nối chữ cái viết hoa với chữ cái viết thường. (Chỉ yêu cầu biết cách viết đúng, không cần phát biểu quy tắc) ;

Nhìn – viết (tập chép), nghe – viết bài chính tả có độ dài khoảng 50 chữ, tốc độ 50 chữ/15 phút, trình bày sạch sẽ, đúng quy định, mắc không quá 5 lỗi.

2. Nội dung và mối quan hệ giữa các nội dung phần Chính tả

2.1. Nội dung dạy học

Về cơ bản, dạy viết Chính tả trong sách *Hướng dẫn học* theo mô hình VNEN vẫn giữ nguyên nội dung dạy học chính tả như Chương trình Giáo dục phổ thông, cấp Tiểu học hiện hành. Đó là chính tả đoạn, bài và chính tả âm/vần.

a) *Chính tả đoạn, bài*

– Về nội dung : Bài viết chính tả được trích từ bài tập đọc trước đó hoặc là nội dung tóm tắt của bài tập đọc hoặc nội dung biên soạn mới (độ dài khoảng 30 – 50 chữ).

– Về hình thức : Có 2 hình thức chính tả đoạn, bài được sử dụng là chính tả nhìn – chép (tập chép), chính tả nghe – viết xen kẽ trong hầu hết các tuần học.

b) Chính tả âm/ vần

– Về nội dung :

HS luyện viết các chữ ghi tiếng có âm, vần, thanh dễ viết sai chính tả do cả 3 nguyên nhân: do bản thân các âm, vần, thanh khó (khó phát âm, cấu tạo phức tạp), do HS không nắm vững quy tắc ghi âm chữ quốc ngữ hoặc do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

+ Phụ âm : c/k/q, l/n, s/x, ch/tr, d/gi/r ;

+ Vần : (vần khó) an/ang, ăn/ăng, ân/âng, en/eng, iên/iêng, uôn/uông, ươn/ương, at/ac, iê/yê, ia/ya, ăt/ăc, ât/âc, et/ec, iêt/iêc, uôt/uôc, ươt/ươc, uc/ut, uc/ut, ên/ênh, in/inh, êt/êch, it/ich, i/iê, o/ô ;

+ Thanh : thanh hỏi/thanh ngã.

– Về hình thức : Hình thức bài tập chính tả âm/vần rất phong phú và đa dạng. Nội dung bài tập mang tính tình huống và thể hiện rõ quan điểm giao tiếp trong dạy học. Có thể kể một số hình thức bài tập chính tả âm/vần xuất hiện ở lớp 2 như :

+ Phân biệt cách viết các từ dễ lẫn trong câu, trong đoạn văn ;

+ Chọn âm, vần, thanh thích hợp điền vào chỗ trống ;

+ Viết từ ngữ theo tranh hoặc theo âm, vần cho trước ;

+ Giải đố để phân biệt từ ngữ có âm, vần, thanh dễ lẫn ;

+ Nói tiếng, từ ngữ đã cho để tạo thành từ ngữ hoặc câu đúng ;

+ Tìm từ ngữ chứa âm, vần cho trước (dễ lẫn) qua gợi ý nghĩa của từ, qua gợi ý từ đồng âm, từ trái nghĩa,...

Ngoài các bài tập chính tả đoạn, bài, chính tả âm/vần, các lưu ý về chính tả ở cuối bài còn giúp HS củng cố kiến thức, kỹ năng về chính tả như : quy tắc viết hoa, cách viết khi xuống dòng, cách viết các dòng thơ, cách trình bày bài thơ.

2.2. Quan hệ giữa các nội dung trong phần Chính tả

Hai nội dung chính tả đoạn, bài và chính tả âm/vần có quan hệ gắn bó mật thiết, bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Các bài tập chính tả âm/vần nhằm rèn kỹ năng viết đúng các âm, vần, thanh dễ lẫn, dễ sai để đạt đích cuối cùng là giúp HS viết đúng chính tả đoạn, bài. Ngược lại, chính tả đoạn, bài có ưu thế là đặt các hiện tượng chính tả âm/vần dễ lẫn trong văn cảnh cụ thể để HS nhận biết nghĩa từ ngữ. Từ đó, các em biết lựa chọn hình thức chính tả thể hiện cho phù hợp.

Bài chính tả âm/vần thường gồm 2 bài tập nhỏ dành cho các vùng phương ngữ nhất định. GV căn cứ vào đặc điểm địa phương và thực tế phát âm của HS lớp mình để lựa chọn bài tập hoặc tự biên soạn bài tập mới cho thích hợp.

3. Phương pháp dạy học cụ thể, tổ chức trò chơi học tập

3.1. Phương pháp dạy học cụ thể

a) *Hoạt động của GV, HS trong tiết Chính tả theo phương pháp dạy học mới*

Có thể nói dạy viết Chính tả thể hiện rõ nhất phương pháp dạy học lấy HS làm trung tâm, trong đó thầy, cô đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS. Trong mỗi bài học, mỗi nội dung học, HS đều được hoạt động cá nhân, hoạt động tương tác với bạn bên cạnh hoặc với các bạn trong nhóm. Qua đó, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Hoạt động của HS có thể là :

- + Làm việc cá nhân ;
- + Làm việc theo cặp ;
- + Làm việc theo nhóm ;
- + Làm việc theo lớp.

Trong phần lớn các trường hợp, nhất là trong trường hợp câu hỏi, bài tập chính tả đã chỉ dẫn rất cụ thể, HS được tổ chức làm việc độc lập. Trong trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối khó, đòi hỏi có sự tương tác, HS nên làm việc theo nhóm đôi. Trường hợp bài tập trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định thì làm việc theo nhóm là giải pháp tốt nhất. Hơn nữa, nếu làm việc chung cả lớp sẽ có nhiều em ít có cơ hội được làm việc. Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu trong trường hợp GV đọc bài chính tả cho HS viết hoặc GV thực hiện các khâu khởi động nhằm gây hứng thú cho HS vào bài hoặc trình bày những nhận xét tổng kết, củng cố bài.

Hoạt động của GV, chủ yếu là :

- Điều hành hoạt động chung của lớp.
- Giao việc cho các nhóm :
 - + Cho HS trình bày yêu cầu của câu hỏi ;
 - + Cho HS làm mẫu một phần ;
 - + Cho HS báo cáo kết quả làm việc ;
 - + Cho HS nhận xét, đánh giá nhóm bạn ;
 - + Tóm tắt nhiệm vụ, dặn dò HS.

b) *Biện pháp dạy học chủ yếu*

– Hướng dẫn HS chuẩn bị viết chính tả

Gồm các hoạt động : Hướng dẫn HS đọc và nắm nội dung bài chính tả, nhận xét những hiện tượng chính tả trong bài, cách trình bày văn bản, luyện viết những chữ ghi tiếng khó hoặc dễ lẫn.

– Hướng dẫn HS viết chính tả

Chính tả tập chép (nhìn bảng, nhìn sách) : Với hình thức chính tả tập chép ở giai đoạn đầu của lớp 2, GV yêu cầu HS nhìn bảng lớp hoặc nhìn sách để tập chép ; lưu ý HS nhìn sách đọc nhẩm cả câu ngắn hoặc cả cụm từ rồi viết liền mạch để làm quen với cách viết chính tả nghe – viết (tránh cách nhìn viết từng chữ hoặc từng từ ngữ).

Chính tả nghe – viết (GV đọc cho HS viết) : GV đọc lần thứ nhất để HS nắm bao quát toàn bài (GV cần phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải, tạo điều kiện cho HS ghi nhớ các hiện tượng chính tả cần chú ý). GV đọc từng câu ngắn hoặc từng cụm từ để HS viết. Mỗi câu ngắn hoặc cụm từ được GV đọc từ 2 đến 3 lần cho HS kịp viết theo tốc độ quy định ở lớp 2. Sau cùng, GV đọc toàn bài lần cuối cho HS soát lại.

– Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả

Bài tập bắt buộc (chung cho các vùng phương ngữ) : Nội dung các bài tập này là luyện viết các âm, vần, thanh khó. Những âm, vần khó thường ít dùng, tần số xuất hiện thấp. GV có thể lưu ý HS ghi nhớ một số trường hợp khó để tránh viết sai.

Bài tập lựa chọn cho từng vùng phương ngữ : Nội dung các bài tập này là luyện viết phân biệt các âm, vần dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ : ch/tr, s/x, d/r/gi (đối với các địa phương miền Bắc) ; an/ang, ac/at, thanh hỏi/thanh ngã (đối với các tỉnh Nam Bộ) ; ui/ uôi, ui/ươi, im/iêm, thanh hỏi/thanh ngã (đối với các tỉnh Trung Bộ). Mỗi bài tập lựa chọn bao gồm 2 bài tập nhỏ dành cho từng vùng phương ngữ khác nhau. GV căn cứ vào thực tế phát âm và mắc lỗi chính tả của HS lớp mình mà chọn bài tập nhỏ thích hợp.

– Khi hướng dẫn HS làm bài tập chính tả, GV :

- + Yêu cầu HS nắm vững yêu cầu của bài bằng cách đọc lệnh rõ ràng. Có thể hỏi để GV giải thích thêm nếu HS chưa hiểu yêu cầu của bài ;
- + Với những dạng bài mới, bài khó, GV có thể chữa một phần bài mẫu cho cả lớp cùng quan sát ;
- + Cho HS làm bài vào bảng nhóm, phiếu bài tập hoặc vở bài tập theo nhóm hoặc cá nhân. GV quan sát giúp đỡ những nhóm yếu, HS yếu ;
- + Chữa toàn bộ bài tập (BT).

3.2. Tổ chức các trò chơi học tập, chuẩn bị đồ dùng học tập

Nội dung chính tả lớp 2 gồm chính tả đoạn, bài và chính tả âm/vần. Về chính tả đoạn, bài, HS làm việc cá nhân dưới sự hướng dẫn của thầy cô. Tức là mỗi HS có thể nhìn sách, nhìn bảng để chép hoặc nghe thầy cô đọc để viết chính tả. Nội dung này thường không được tổ chức dưới dạng các trò chơi.

Về chính tả âm/vần, có 6 hình thức chính tả âm/vần được thể hiện trong sách HDHTV2 :

- + Phân biệt cách viết các từ dễ lẫn trong câu, trong đoạn văn ;
- + Chọn âm, vần, thanh, tiếng thích hợp điền vào chỗ trống ;
- + Viết từ ngữ theo tranh hoặc theo âm, vần cho trước ;
- + Giải đố để phân biệt từ ngữ có âm, vần, thanh dễ lẫn ;
- + Nói tiếng, từ ngữ đã cho để tạo thành từ ngữ hoặc câu đúng ;
- + Tìm từ ngữ chứa âm, vần cho trước (dễ lẫn) qua gợi ý nghĩa của từ, qua gợi ý từ đồng âm, từ trái nghĩa,...

Về nguyên tắc, có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi cho tất cả các dạng bài tập này. Tuy nhiên, 3 dạng bài tập có thể tổ chức trò chơi cho vui nhộn và sinh động hơn đó là :

- + Chọn âm, vần, thanh, tiếng thích hợp điền vào ô trống ;
- + Giải đố để phân biệt từ ngữ có âm, vần, thanh dễ lẫn ;
- + Tìm từ ngữ chứa âm, vần cho trước (dễ lẫn) qua gợi ý về nghĩa của từ, qua gợi ý từ đồng âm, từ trái nghĩa,...

Trong sách HDHTV2, các hình thức bài tập âm/vần đều được hướng dẫn qua hoạt động nhóm, cặp đôi hoặc cá nhân. Các hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm được hướng dẫn hoặc dưới hình thức trò chơi hoặc dưới hình thức thảo luận nhóm.

Ví dụ : Bài 31C, Hoạt động thực hành 1, tr. 54, tập 2B.



1. Tìm các từ. (Chọn a hoặc b theo hướng dẫn của thầy cô.)

a) Bắt đầu bằng **r**, **d** hoặc **gi**, có nghĩa như sau :

- Chát lỏng, dùng để thảp đèn, chạy máy,...
- Cát, giữ kín, không cho ai thấy hoặc biết.
- (Quả, lá) rơi xuống đất.

b) Có **thanh hỏi** hoặc **thanh ngã**, có nghĩa như sau :

- Cây nhỏ, thân mềm, làm thức ăn cho trâu, bò, ngựa.
- Đập nhẹ vào vật cứng cho kêu.
- Vật dùng để quét nhà.

Bài 32B, Hoạt động thực hành 2, tr. 63, tập 2B



2. Chơi *Thi tìm từ nhanh*.

(Chọn a hoặc b theo hướng dẫn của thầy cô.)

a) Từ chứa tiếng bắt đầu bằng **l** hoặc **n**, có nghĩa như sau :

- Vật dùng để nấu cơm.
- Đi qua chỗ có nước.
- Sai sót, khuyết điểm.

b) Từ chứa tiếng bắt đầu bằng **v** hoặc **d**, có nghĩa như sau :

- Trái nghĩa với *buồn*.
- Mềm nhưng bền, khó làm đứt.
- Bộ phận cơ thể nối tay với thân mình.

GV nên xem những chỉ dẫn trong sách chỉ là gợi ý để tổ chức hoạt động cho HS hình thức thảo luận nhóm cùng làm bài tập hoặc dưới hình thức trò chơi. Nếu chọn hình thức tổ chức hoạt động dưới dạng trò chơi, GV cần có sự chuẩn bị chu đáo hơn về hướng dẫn cách chơi, vật liệu để chơi cho phù hợp. Chẳng hạn chơi cặp đôi, chơi trong nhóm hay chơi cả lớp thì hướng dẫn cách chơi khác nhau như thế nào? Vật liệu cần chuẩn bị ra sao?

Các vật liệu tối thiểu cần dùng cho trò chơi chính tả thường là : thẻ chữ, thẻ hình, bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, giấy màu, hồ dán. Như vậy, cùng một dạng bài tập chính tả, GV có thể tổ chức dưới hình thức thực hành làm bài tập, có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi hoặc đồ vui. GV cần nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp và quyết định hình thức tổ chức hoạt động cho phù hợp. Chọn hình thức hoạt động nào là căn cứ vào mức độ khó dễ của bài tập, sự sẵn sàng đáp ứng từ phía HS và điều kiện chuẩn bị vật liệu chơi cụ thể của lớp học cũng như tần suất của các hoạt động trò chơi đã có trong bài.

4. Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập qua từng hoạt động

Kỹ năng viết đúng chính tả của HS chủ yếu được rèn luyện qua hai hoạt động học, đó là viết chính tả đoạn, bài và làm bài tập chính tả âm/vần. Ở mỗi hoạt động này, GV cần chủ động hướng dẫn HS tự kiểm soát kết quả học tập cũng như tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau qua kết quả bài làm của mình. Việc tự đánh giá kết quả bài làm của mình, đánh giá kết quả bài làm của bạn là một cách tốt nhất để rèn luyện kỹ năng viết đúng chính tả.

Đối với bài chính tả đoạn, bài, sau khi nghe GV đọc – viết, HS tự đọc lại bài của mình để sửa lỗi, tiếp theo đó là đổi bài cho bạn để soát và sửa lỗi cho nhau. Vấn đề còn lại đối với GV là làm sao kiểm soát được hoạt động của HS để kịp thời có những uốn nắn, điều chỉnh.

Như vậy, ở mỗi tiết Chính tả, GV chọn một số cặp HS để xem lại kết quả soát và sửa lỗi cho nhau có đúng, đủ hay chưa. Đối tượng được chọn kiểm tra nên thường xuyên thay đổi và tập trung nhiều hơn vào những em viết chậm hoặc hay mắc lỗi cần được chú ý.

Qua kiểm soát việc chấm, chữa bài cho nhau của HS, GV có điều kiện rút ra nhận xét, kịp thời tuyên dương những HS có nhiều tiến bộ, phát hiện những lỗi HS thường mắc để các em chú ý sửa chữa. Ngoài việc để HS tự chấm, chữa bài cho nhau, đôi lúc GV cần giúp cả lớp tự kiểm tra và chữa lỗi bằng cách GV đọc từng câu cho cả lớp soát lỗi, kết hợp chỉ dẫn các chữ dễ viết sai chính tả để HS tự đối chiếu và sửa lỗi.

Đối với bài chính tả âm/vần, HS chủ yếu làm việc dưới hình thức thảo luận nhóm, làm việc cặp đôi hoặc làm việc cá nhân.

Với những bài làm theo hình thức thảo luận nhóm, cặp đôi, GV lưu ý HS không chỉ nêu kết quả thảo luận miệng mà cần viết kết quả ra phiếu bài tập hoặc bảng nhóm. Sau đó, đối chiếu kết quả của nhóm mình với các nhóm khác để so sánh, phát hiện và tự sửa lỗi.

Với những bài chính tả làm theo hình thức cá nhân, có hai loại bài : Loại bài viết lại các từ ngữ đã tìm được, đã điền đúng,... vào vở nhằm giúp HS một lần nữa khắc sâu hình thức chính tả đúng của từ ngữ. Với loại bài tập này, GV ít cần kiểm soát. Còn đối với loại bài tự tìm và viết vào vở từ ngữ có âm, vần cho trước, GV cần có biện pháp để kiểm soát kết quả bài làm của các em. Ví dụ yêu cầu các em đổi vở với bạn bên cạnh để soát và sửa lỗi, đọc kết quả bài làm của mình trong nhóm để các bạn trong nhóm nhận xét và sửa chữa, hoặc xem nhanh một số bài và chữa lỗi tiêu biểu chung cho cả lớp.

5. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2 trong dạy viết Chính tả

5.1. Những căn cứ để điều chỉnh

Mỗi hoạt động viết chính tả trong sách HDHTV2 đều có một mục tiêu nhằm kiểm soát kết quả học của HS ở từng bài. Các mục tiêu của toàn bộ hoạt động học chính tả phản ánh đầy đủ chuẩn kiến thức, kỹ năng đã nêu trong chương trình môn học (về mạch kỹ năng viết đúng chính tả). Nội dung dạy học chính tả trong sách chủ yếu kế thừa các ngữ liệu dạy viết chính tả trong SGK *Tiếng Việt 2* hiện hành, ngữ liệu ấy chính là một sự lựa chọn để nhằm đạt mục tiêu. Sự khác biệt giữa HDHTV2 với SGK *Tiếng Việt 2* chủ yếu không phải ở ngữ liệu mà chính là HDHTV2 đã nêu ra được quy trình học và cụ thể hoá quy trình học ấy bằng một chuỗi các hoạt động theo một trình tự tương đối ổn định và hợp lý. Bằng những hoạt động này, HS không chỉ biết phải học cái gì mà quan trọng hơn, HS đã biết phải học bằng cách nào, biết tự kiểm tra, đánh giá kết quả học của mình. Bởi thế, để điều chỉnh HDHTV2 cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện địa phương, GV cần căn cứ vào :

- Mục tiêu bài học ;
- Vốn kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm liên quan đến bài học mà HS đã có ;
- Những đồ dùng, phương tiện, thư viện cần cho các hoạt động học ;
- Dự đoán những thuận lợi, khó khăn khác của HS trong quá trình triển khai.

5.2. Những lĩnh vực có thể điều chỉnh

Với mục tiêu đã xác định, chúng ta đều hiểu rằng việc lựa chọn nội dung học cũng như hình thức tổ chức hoạt động học chỉ là một trong những phương án để đạt mục tiêu cho dù đó là phương án tương đối hợp lý và đã được các chuyên gia môn học và GV giỏi thiết kế. Tuy nhiên, phương án ấy không phải lúc nào cũng phù hợp và tối ưu cho tất cả các lớp học, tất cả các nhóm HS. Việc điều chỉnh nội dung cũng như hình thức tổ chức hoạt động học của GV trước từng đối tượng HS, từng điều kiện cụ thể của lớp học là rất cần thiết.

a) Về nội dung

Đối với chính tả đoạn, bài, nội dung đoạn viết là bài đọc trước đó vì vậy không nên thay bằng đoạn bài khác, có thể sẽ lạ và khó hơn cho HS. Nhưng về dung lượng, có thể cân nhắc rút bớt từ ngữ hoặc câu nếu như HS viết còn chậm và sai nhiều, nhất là ở thời gian đầu năm học.

Đối với chính tả âm/vần, trong HDHTV2, ngoài bài tập chính tả bắt buộc dùng chung cho nhiều vùng phương ngữ luôn có bài a và b phù hợp với hai vùng phương ngữ Bắc – Nam để GV lựa chọn. Tuy nhiên, những lỗi ở khu vực miền Trung, đặc biệt lỗi chính tả do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ (tiếng dân tộc), chưa được chú ý đầy đủ, vì vậy GV cần đầu tư, nghiên cứu kỹ để lựa chọn, hoặc thay đổi, bổ sung thêm bài tập chính tả âm/vần cho phù hợp với thực trạng mắc lỗi chính tả phổ biến của HS lớp mình.

Ví dụ : Bài 7B, Hoạt động thực hành 5 (tr. 95) yêu cầu :



5. Chọn chữ thích hợp với mỗi chỗ trống :

a) **tr** hay **ch** ?

giò ...**ả**, ...**ả** lại, con ...**ăn**, cái ...**ăn**

b) **iên** hay **iêng** ?

t. ... nói, t. ... bộ, lười b. ... , b. ... mất

Viết các từ trên vào vở.

GV có thể chọn bài tập a nếu HS lớp mình thuộc vùng phương ngữ Bắc Bộ, chọn bài tập b nếu HS lớp mình thuộc vùng phương ngữ Nam Bộ. Tuy nhiên, nếu HS lớp mình phụ trách thuộc vùng phương ngữ Trung Bộ còn có những lỗi chính tả khác phổ biến hơn, chẳng hạn HS thường không phân biệt phụ âm *t/tr*. *Con trâu* đọc thành *con tâu*. (Con *tâu* *tắng* buộc bờ *te tụi*), GV có thể soạn bài tập chính tả khác thay cho bài a hoặc b. Chẳng hạn :

Chọn chữ thích hợp điền vào chỗ trống :

c) **tr** hay **t** ?

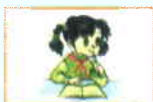
con ... **âu**, ... **âu** đức vua, ánh ...**ăng**, xe ...**ăng**

b) *Về hình thức tổ chức hoạt động*

Các hoạt động chính tả trong sách được thể hiện ở tất cả các hình thức hoạt động, từ cá nhân, cặp đôi, nhóm đến cả lớp. Về cơ bản nếu thấy phù hợp với trình độ HS và điều kiện dạy học của HS lớp mình thì GV không cần điều chỉnh. Song nếu thấy có hoạt động

chưa phù hợp với trình độ, vốn sống, kinh nghiệm của HS trong lớp, có hoạt động chưa phù hợp với điều kiện đồ dùng, trang thiết bị, phương tiện dạy học của lớp học, có hoạt động chưa phù hợp với thói quen, trình độ, đặc điểm văn hoá địa phương thì GV có thể điều chỉnh để hoạt động học của HS diễn ra thiết thực, sinh động, tự nhiên và hiệu quả hơn.

Ví dụ : Bài 7B, Hoạt động thực hành 5 (trang 95) yêu cầu *hoạt động cá nhân* :



5. Chọn chữ thích hợp với mỗi chỗ trống :

a) *tr* hay *ch* ?

giò ...*ả*, ...*ả* lại, con ...*ăn*, cái ...*ăn*

b) *iên* hay *iêng* ?

t... nói, t... bộ, lười b..., b... mất

Viết các từ trên vào vở.

Nếu GV xét thấy hoạt động 2, 3, 4 liên tục đã là hoạt động cá nhân và GV đã chuẩn bị sẵn các thẻ từ và các chữ cái rời để ghép thẻ từ thì GV hoàn toàn có thể tổ chức cho HS làm việc ở hoạt động 5 dưới hình thức thảo luận nhóm, hoặc trò chơi giữa các nhóm cho sinh động hơn.

6. Một số ví dụ hướng dẫn cách tổ chức hoạt động dạy và học chính tả

A – Hoạt động cơ bản

Ví dụ 1 : Hoạt động cơ bản 8, Bài 1C, trang 13 (*hoạt động nhóm*)

Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng sau ...

1. *Chuẩn bị* : 1 tờ giấy to kẻ sẵn bảng như sách HDHTV2 (bảng tr. 13), chia thành 2 nhóm làm việc, 1 nhóm đọc tên chữ cái, 1 nhóm viết tên chữ cái vào bảng.

2. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

– Nhóm 1 : Đọc nội dung ở cột “Tên chữ cái”.

– Nhóm 2 : Nghe nhóm 1 đọc và viết chữ vào cột “Chữ cái” trong bảng.

Sau khi hoàn thành xong bảng, nhóm 2 đưa lại bảng kết quả đã điền cho nhóm 1 kiểm tra. Hai nhóm cùng trao đổi và sửa cho nhau (nếu làm chưa đúng).

3. Sản phẩm của hoạt động :

a) Đáp án cho sản phẩm :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11	h	hát
12	i	i
13	k	ca
14	l	e-lờ
15	m	em-mờ
16	n	en-nờ
17	o	o
18	ô	ô
19	ơ	ơ

b) Cách đánh giá kết quả hoạt động

HS trong mỗi nhóm kiểm tra lại bảng kết quả đã điền vào bảng đã cho. Sau đó, GV kiểm tra lại kết quả cuối cùng mà HS đã viết trong bảng.

Ví dụ 2 : Hoạt động cơ bản 5, Bài 2B, trang 21 (hoạt động nhóm)

Tìm thẻ chữ ghép vào từng ô trống trong bảng nhóm.

1. Chuẩn bị : Các thẻ chữ cái (mỗi thẻ chứa 1 chữ : p, r, t, u, v, x, y), 1 bảng kẻ sẵn bảng nhóm trong sách (tr. 21) được trình bày trên tờ giấy A0.

2. Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động :

GV phát cho các nhóm HS các thẻ chữ và bảng đã kẻ sẵn trên tờ giấy A0. Lần lượt các nhóm HS thực hành gắn các thẻ chữ cái lên các ô trong bảng đã kẻ. Sau khi HS hoàn thành xong các bảng, GV treo bảng của các nhóm lên, cả lớp cùng đọc kiểm tra.

3. Sản phẩm của hoạt động :

a) Đáp án :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	p	pê
21	q	quy
22	r	e-rờ
23	s	ét-sì
24	t	tê
25	u	u
26	ư	ư
27	v	vê
28	x	ích-xì
29	y	i dài

b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

GV cùng HS kiểm tra từng bảng đã ghép thẻ chữ cái của các nhóm, nhận xét bài làm của các nhóm, đưa ra đáp án đúng và sửa lại trên từng bảng của mỗi nhóm (nếu HS làm sai).

B – Hoạt động thực hành

Ví dụ 1 : Hoạt động thực hành 3, Bài 1C, trang 14 (hoạt động cá nhân)

Em chọn chữ nào để điền vào chỗ trống ? Viết các từ ngữ em điền đúng vào vở.

a) *l* hay *n* ?

Cầu ao ...oang vết mỡ

Em bông cần ngòi câu

Phao trắng tênh tênh ...ôi

Trên trời xanh lầu ...àu.

b) *an* hay *ang* ?

Chiều sau khu vườn nhỏ

Vòm lá rung tiếng đ....

Ca sĩ là chim sẻ

Khán giả là hoa v....

Tất cả cùng hợp xướng

Những lời ca reo v...

1. *Chuẩn bị* : Vở ô li

2. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : HS làm việc cá nhân, làm bài tập vào vở.

3. *Sản phẩm của hoạt động* :

a) Đáp án :

– phần a : *loang, nổi, lầu*

– phần b : *đàn, vàng, vang*

b) Cách đánh giá kết quả hoạt động

– HS trao đổi vở, kiểm tra bài làm của nhau.

– GV có thể thu vở bài làm của một số HS để kiểm tra.

– Gọi 1 – 2 HS lên bảng viết kết quả bài làm của mình, yêu cầu cả lớp nhận xét.

Ví dụ 2 : Hoạt động thực hành 1, Bài 2C, trang 27 (hoạt động cặp đôi)

Chọn ra những từ ngữ viết đúng.

(Chọn dòng a hoặc b theo hướng dẫn của thầy cô.)

a) xoa đầu, xâu kim, bắt xâu, soa tay, sâu bọ, sân chơi, ngoài sân

b) gấn bó, cố gắng, gấn sức, thợ lặn, yên lặng, lặn im

1. *Chuẩn bị* : Chia HS thành từng cặp đôi (mỗi cặp đôi thực hành phần a hoặc b).

2. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : Từng cặp đôi tham gia thi đố nhau : một em đọc các từ đã cho, một em đưa ra đáp án và đọc các từ viết đúng.

3. Sản phẩm của hoạt động :

a) Đáp án :

- phần a : *xoa đầu, khâu kim, sâu bọ, sân chơi*
- phần b : *gắn bó, cố gắng, thợ lặn, yên lặng*

b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

- GV đến kiểm tra từng cặp HS thi đấu, ai trả lời sai (hoặc không trả lời được) thì thua cuộc.
- GV đưa ra đáp án đúng cho cả 2 phần a, b.

Ví dụ 3 : Hoạt động thực hành 2, Bài 2C, trang 27 (*hoạt động chung cả lớp*)

Trò chơi : Chơi tiếp sức viết đúng từ (chọn trò chơi a hoặc b).

- Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng **s** hoặc **x**.
- Viết từ ngữ chứa tiếng có vần **ăn** hoặc **ăng**.

1. *Chuẩn bị* : Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội thực hiện một phần trò chơi a hoặc b.

2. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : GV làm chủ trò, cho 2 đội xếp thành hàng dọc, trước mỗi đội là 1 tấm bảng nhóm (ghi tên phần trò chơi a hoặc b). GV yêu cầu từng em trong mỗi đội lên viết vào tấm bảng nhóm 1 từ theo nội dung đã yêu cầu. HS tham gia trò chơi khoảng 3 phút. Hết 3 phút, GV sẽ kiểm tra bảng nhóm của mỗi đội.

3. Sản phẩm của hoạt động :

a) Đáp án :

– Các từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng **s** hoặc **x** : *quả sấu, con sâu, quả xoài, đường xa, sách vở,...*

– Từ ngữ chứa tiếng có vần **ăn** hoặc **ăng** : *cái khăn, bằng khen, hàng ngày, gắn bó,...*

b) *Cách đánh giá kết quả hoạt động* : Sau khi các đội hoàn thành trò chơi, GV kiểm tra kết quả trên bảng nhóm của mỗi đội. Đội nào có số từ ngữ đúng nhiều hơn thì đội đó thắng cuộc. Sau khi tổng kết, GV yêu cầu HS cả lớp chọn 5 từ ngữ viết đúng rồi viết vào vở ô li.

Ví dụ 4 : Hoạt động thực hành 6, Bài 3B, trang 37 (*hoạt động nhóm*)

Tìm những tiếng bắt đầu bằng **ng** hoặc **ngh** :

- Viết các tiếng bắt đầu bằng **ng** vào những tấm bìa màu hồng.
- Viết các tiếng bắt đầu bằng **ngh** vào những tấm bìa màu xanh.

1. *Chuẩn bị* : Các tấm bìa màu xanh, màu hồng.

2. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

– HS làm việc theo nhóm.

– GV phát cho mỗi nhóm 1 tấm bìa màu xanh, 1 tấm bìa màu hồng, HS trong các nhóm cùng trao đổi, thảo luận và viết các từ ngữ theo yêu cầu vào 2 tấm bìa.

3. *Sản phẩm của hoạt động* :

a) *Đáp án* :

– Các tiếng bắt đầu bằng *ng* : *ngọc, người, ngày, ngủ, ngang, ngon,...*

– Các tiếng bắt đầu bằng *ng*h : *ngủ, nghe, nghiêng, nghe, nghĩ,...*

b) *Cách đánh giá kết quả hoạt động* :

– GV có thể đến từng nhóm kiểm tra kết quả làm bài của HS đã làm trên những tấm bìa đã phát.

– Hoặc GV có thể yêu cầu đại diện mỗi nhóm đọc kết quả trước cả lớp. GV nhận xét bài làm của từng nhóm, đưa ra các từ ngữ viết đúng theo yêu cầu để HS tham khảo, sửa bài cho HS (nếu HS tìm các tiếng chưa đúng).

Ví dụ 5 : Hoạt động thực hành 7, Bài 3B, trang 38 (hoạt động cá nhân)

Điền vào chỗ trống *ng* hay *ng*h ?

– ...à y tháng

– ...iêng ngả

– ...ĩ ngơi

– suy ...ĩ

– ...ười bạn

– ...e ngóng

– ...ề nghiệp

– ...ọt lịm

1. *Chuẩn bị* : Phiếu bài tập có ghi sẵn nội dung bài để phát cho HS.

2. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

– GV phát phiếu bài tập cho HS làm bài.

– HS thực hiện yêu cầu ghi rõ trong mỗi phiếu bài tập.

3. Sản phẩm của hoạt động :

a) Đáp án :

- | | |
|---------------|---------------|
| – ngày tháng | – nghiêng ngã |
| – nghỉ ngơi | – suy nghĩ |
| – người bạn | – nghe ngóng |
| – nghề nghiệp | – ngọt lịm |

b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

– Sau khi HS làm bài xong, GV thu lại phiếu bài tập. Có thể chấm điểm bài làm của HS trên phiếu bài tập.

– Nhận xét, đưa ra đáp án đúng.

Ví dụ 6 : Hoạt động thực hành 2, Bài 16C, trang 98 (hoạt động cặp đôi)

Giải câu đố :

Quả gì chẳng mọc trên cây
Vươn mình đứng giữa trời mây khác thường
Có chân, có đỉnh, có sườn
Nước reo vục thẳm, mây vương non ngàn.

(Là gì ?)

1. Chuẩn bị : Chia HS thành từng cặp đôi.

2. Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động :

Từng cặp đôi tham gia thi đố nhau : 1 em đọc câu đố, 1 em trả lời câu đố.

3. Sản phẩm của hoạt động :

a) Đáp án : quả núi

b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

– GV đến kiểm tra từng cặp HS thi đố, ai trả lời sai (hoặc không trả lời được) thì thua cuộc.

– GV đưa ra đáp án đúng của câu đố.

7. Đáp án các bài tập của hoạt động Chính tả

– Hoạt động thực hành 1, Bài 3C (trang 42)

- a) cây tre, mái che, măng tre, che chở
- b) màu mỡ, cửa mở, rộng mở, rần mỡ

– Hoạt động thực hành 2, Bài 3C (trang 42)

- a) trung thành, chung sức, trung tâm, chung tay
- b) đổ rác, thi đỗ, trời đổ mưa, xe đỗ lại

– Hoạt động thực hành 4, Bài 4B (trang 50)

- yên ổn, cô tiên, chim yến
- thiếu niên, yên lặng, kiên trì

– Hoạt động thực hành 5, Bài 4B (trang 50)

- Các tiếng có *iê* : cô tiên, thiếu niên, kiên trì
- Các tiếng có *yê* : yên lặng, chim yến, yên ổn

– Hoạt động thực hành 2, Bài 4C (trang 54)

- a) da dẻ, cụ già, ra vào, cặp da
- b) vâng lời, bạn thân, nhà tầng, bàn chân

– Hoạt động thực hành 4, Bài 5B (trang 64)

tia nắng, đêm khuya, cây mía

– Hoạt động thực hành 5, Bài 5B (trang 65)

- a) nón, lợn, lười, non
- b) xèng, đèn, khen, thẹn

– Hoạt động thực hành 4, Bài 5C (trang 69)

- a) Các tiếng bắt đầu bằng *l* hoặc *n* : nơ, lá, lê, nụ, lựu, lưới.
- b) Các tiếng có vần *en* hoặc *eng* : kèn, giấy khen, đèn, xèng.
- c) Các tiếng có vần *im* hoặc *iêm*: kim, kiếm, kìm, chim, diêm, tìm.

– Hoạt động thực hành 5, Bài 5C (trang 71)

- a) long lanh, đáy nước, non phơi
- b) chen chúc, leng keng, lỡ hẹn, len qua
- c) chim đến, tìm mồi, chíp chiu, sớm chiều, bao nhiêu.

- **Hoạt động thực hành 1, Bài 6B (trang 79)**
mái nhà, chải tóc, cày nương, gơ tay, chạy thi, thợ may
- **Hoạt động thực hành 2, Bài 6B (trang 80)**
 - a) xa xôi, xa cách, sa xuống, xa lạ, phố xá, đường sá
 - b) ngã ba đường, ba ngã đường, vẽ tranh, vắng vẻ
- **Hoạt động thực hành 6, Bài 6C (trang 85)**
 - a) cái xô, ngôi sao, chim sâu
 - b) cái võng, vẽ tranh, cái xẻng
- **Hoạt động thực hành 4, Bài 7B (trang 94)**
 - *ui* : đồi núi, túi xách
 - *uy* : lũy tre, huy hiệu
- **Hoạt động thực hành 5, Bài 7B (trang 95)**
 - a) giò chả, trả lại, con trăn, cái chăn
 - b) tiếng nói, tiến bộ, lười biếng, biến mất
- **Hoạt động thực hành 3, Bài 7C (trang 99)**
thủy, núi, lũy
- **Hoạt động thực hành 5, Bài 7C (trang 99)**
 - a) cầu tre, nghiêng che, trắng tò, rụng trắng
 - b) liên hoan, ý kiến, biên bản,...
nổi tiếng, chao liệng, siêng năng,...
- **Hoạt động thực hành 4, Bài 8B (trang 108)**
 - *ao* : gáo, cao, hào, lao,...
 - *au* : cau, tàu, màu, lau, thau,...
- **Hoạt động thực hành 5, Bài 8B (trang 109)**
 - a) con dao, tiếng rao, giao việc
hồ dán, gián đoạn, bánh rán
 - b) – Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học
– Uống nước ao sâu/ Lên cày ruộng cạn

– Hoạt động thực hành 1, Bài 8C (trang 113)

a) Đặt câu có các tiếng :

– *gia* : Gia đình tôi sống rất vui vẻ và hạnh phúc.

– *giao* : Cô giáo giao bài tập về nhà.

b) Điền tiếng có vần *uôn* hoặc *uông* :

đồng ruộng, luôn xanh, đỗ xuông, chảy cuồn cuồn

– Hoạt động thực hành 6, Bài 10B (trang 11)

a) lo sợ, ăn no, tiền lẻ, nứt nẻ

b) nghỉ học, lo nghĩ, nghỉ ngơi, ngắm nghĩ

– Hoạt động thực hành 1, Bài 10C (trang 13)

a) – *no* : âm no, no đủ, ăn no,...

– *nước* : nước sôi, nước chảy, đất nước, non nước, nước nhà,...

– *nuôi* : chăn nuôi, nuôi nấng, nuôi con, con nuôi,...

– *lan* : lan can, lan man, hoa lan,...

– *lâu* : lâu đài, lâu dài,...

b) Ghép từ chứa tiếng có dấu *hỏi* hoặc *dấu ngã* :

– *thủy* : thủy thủ, tàu thủy, thủy mặc,...

– *nghĩ* : suy nghĩ, nghĩ ngơi, lo nghĩ,...

– Hoạt động thực hành 6, Bài 11B (trang 24)

– gà, gò, gổ, gỡ, gù, gừ

– ghé, ghi, ghé

– Hoạt động thực hành 2, Bài 11C (trang 27)

a) – 3 tiếng có nghĩa bắt đầu bằng *s* : sạch, sách, sáu,...

– 3 tiếng có nghĩa bắt đầu bằng *x* : xanh, xinh, xây,...

b) – 3 tiếng có nghĩa chứa vần *uơn* : vườn, lươn, mượn,...

– 3 tiếng có nghĩa chứa vần *uông* : hương, lượng, mương,...

– Hoạt động thực hành 4, Bài 13B (trang 50)

a) *rối* : Cậu bé rối tinh lên tìm sách vở.

dối : Hoa nói dối mẹ để đi chơi.

rạ : Bà con xã viên đang phơi rơm rạ ở sân đình.

dạ : Cậu bé vâng dạ rất lễ phép.

b) *mỡ* : Trong bát còn nhiều mỡ lắm.

mở : Mẹ mở cửa đón tôi vào nhà.

nữa : Lan còn ăn được hai bát cơm nữa.

nửa : Tôi chỉ ăn hết nửa chiếc bánh mì.

– Hoạt động thực hành 1, Bài 15C (trang 81)

bay, chày, sai

– Hoạt động thực hành 2, Bài 15C (trang 82)

a) cưa xẻ, sửa chữa, xếp hàng

b) cát vó, nhấc tạ, đấu vật

– Hoạt động thực hành 3, Bài 15C (trang 82)

a) xa gân, phù sa ; b) con sông

– Hoạt động thực hành 2, Bài 16C (trang 98)

quả núi

– Hoạt động thực hành 1, Bài 21B (trang 39)

a) chim sâu, chim bói cá

b) cú mèo, diều hâu

– Hoạt động thực hành 1, Bài 21C (trang 44)

a) chào mào, châu chấu, cá chép, con chồn,...

con trâu, cá trê, cá trắm,...

b) máy tuốt, cái suốt,...

viên thuốc, cái cuốc, bạch tuộc,...

– Hoạt động thực hành 5, Bài 22B (trang 55)

- a) của riêng/ tháng giêng
con dơi/ đánh rơi
vâng dạ/ rơm rạ
- b) mở cửa/ thịt mỡ
bán rẻ/ chia rẽ
củ khoai/ áo cũ

– Hoạt động thực hành 1, Bài 26B (trang 110)

con gián, cá rán, hồ dán

– Hoạt động thực hành 3, Bài 31B (trang 50)

- a) Tàu rời ga. Sơn Tinh dời từng dãy núi đi. Hồ là loài thú dữ.
Bộ đội canh giữ biển trời.
- b) Con cò bay lả bay la. Không uống nước lã. Anh trai em tập võ.
Vỏ cây sung rất xù xì.

– Hoạt động thực hành 1, Bài 31C (trang 54)

- a) đầu hoá, giầu kín, rụng xuống
- b) cây cỏ, gỗ, chổi

– Hoạt động thực hành 2, Bài 32B (trang 63)

- a) nôi, lội, lỗi
- b) vui, dai, vai

II – Dạy viết đoạn văn

1. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2, HS được làm quen với kĩ năng viết đoạn văn, văn bản thông qua các nội dung chủ yếu sau :

- *Viết đoạn văn kể chuyện, miêu tả đơn giản bằng cách trả lời câu hỏi.*
- *Viết bưu thiếp, tin nhắn.*

Chuẩn của kĩ năng viết đoạn văn, văn bản được quy định trong chương trình là :

- *Biết viết đoạn kể, tả đơn giản có độ dài khoảng 3 – 5 câu bằng cách trả lời câu hỏi.*
- *Biết điền vào bản khai lí lịch, giấy mời in sẵn ; viết danh sách tổ, thời gian biểu, tin nhắn, bưu thiếp (theo mẫu).*

2. Nội dung dạy học viết đoạn văn, viết văn bản ở lớp 2

Trong HDHTV2, nội dung rèn kĩ năng viết đoạn văn, văn bản được thực hiện ở Hoạt động thực hành và Hoạt động ứng dụng và ở cả 2 bài : Bài B và Bài C.

Nội dung dạy học chủ yếu là :

- a) *Viết văn bản đơn giản, thông thường để phục vụ học tập và đời sống hằng ngày.*

Nội dung này bao gồm các kiểu bài tập sau :

- Viết bản tự thuật ngắn
- Lập danh sách HS
- Viết thư ngắn để nhắn tin
- Viết bưu thiếp
- Lập thời gian biểu.

b) *Viết đoạn kể, tả sơ lược về người và vật xung quanh theo gợi ý bằng tranh, bằng câu hỏi.*

Hoạt động này tương đối phong phú với nhiều hình thức thể hiện :

- b1) *Các câu hỏi gợi ý có thể được nêu trực tiếp trong nội dung hoạt động.*

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 3, Bài 8C** (Hoạt động cá nhân) :

Viết một đoạn văn ngắn (2 – 3 câu) kể về cô giáo (hoặc thầy giáo) cũ của em.

Gợi ý :

- Thầy (hoặc cô) tên là gì, dạy em lớp mấy ?
- Thầy (hoặc cô) đã dạy em, giúp em những gì để em tiến bộ ?
- Em muốn làm gì để tỏ lòng biết ơn thầy (hoặc cô) ?

b2) Các câu hỏi gợi ý có thể được nêu ở hoạt động luyện nói trước đó.

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 4, Bài 13C** (Hoạt động cặp đôi) :

Kể về những người thân trong gia đình theo gợi ý sau :

- Nhà em có những ai ?
- Cha, mẹ, anh hoặc chị, em của em thường làm gì cho em ?
- Em yêu quý ai nhất ?

Hoạt động thực hành 5, Bài 13C (Hoạt động cá nhân) :

Viết vào vở một đoạn văn từ 4 đến 5 câu nói về người thân trong gia đình em theo lời em đã kể ở hoạt động 4.

b3) Các câu hỏi gợi ý có thể được nêu từ một tình huống giao tiếp ở hoạt động trước đó.

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 2, Bài 10C** (Hoạt động nhóm) :

Cùng đưa ra ý kiến xem ông hoặc bà của các bạn cần cháu làm gì trong mỗi tình huống sau :

- a) Bà mệt nằm nghỉ trong nhà, các cháu đang chơi bóng và reo hò ngoài sân.
- b) Ông đi nắng về, vừa nóng, vừa khát nước.
- c) Bà đang nhặt rau ở ngoài vườn dưới trời nắng.

Hoạt động thực hành 3, Bài 10C (Hoạt động cá nhân) :

Em chọn một tình huống ở hoạt động 2, viết vào vở đoạn văn từ 3 đến 5 câu nói về việc em giúp đỡ ông bà theo gợi ý sau :

- Ông hoặc bà đang làm gì ?
- Em đã làm những việc gì để giúp đỡ ông bà ?
- Ông hoặc bà tỏ ý hài lòng thế nào ?
- Em cảm thấy thế nào khi đã giúp được ông bà ?

b4) Hoạt động kể và tả ngắn có thể còn có thêm sự hỗ trợ của tranh ảnh.

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 6, Bài 25A** (Hoạt động nhóm) :

Cùng các bạn đến góc học tập xem tranh ảnh về sông biển. Viết vào vở những điều em thấy trong tranh ảnh theo những gợi ý sau :

- Biển rộng hay hẹp ? Trên mặt biển có những gì ?
- Sông như thế nào ? Trên mặt sông có những gì ?
- Con người làm gì trên sông, làm gì trên biển ?

3. Phương pháp dạy học viết đoạn văn, viết văn bản, cách thức tổ chức hoạt động

3.1. Phương pháp dạy học, cách thức tổ chức hoạt động viết văn bản thông thường

a) *Viết bản tự thuật ngắn*

Mục đích của hoạt động này là luyện cho HS biết cách viết một bản tự thuật ngắn. Trong sách HDHTV2, có 2 hoạt động viết bản tự thuật ngắn :

* **Hoạt động cơ bản 5 – Bài 1A** (Hoạt động cá nhân) :

Viết lời tự giới thiệu về mình vào tờ giấy rồi dán lên bảng ở góc học tập.

1. *Chuẩn bị* :

GV cần chuẩn bị cho mỗi HS một tờ giấy hoặc HS tự chuẩn bị giấy để viết (giấy kẻ ô li hoặc những mảnh giấy với nhiều màu sắc khác nhau).

2. *Cách thức tổ chức hoạt động* :

– HS làm bài tập cá nhân, viết lời tự giới thiệu về mình vào tờ giấy.

Lưu ý : Hoạt động này được tổ chức sau các hoạt động như : Hoạt động cơ bản 2 (*Quan sát ảnh và đọc mẫu*), Hoạt động cơ bản 3 (*Thay nhau tự giới thiệu theo gợi ý*) và Hoạt động cơ bản 4 (*Tự giới thiệu về mình trước nhóm*). Vì vậy, GV có thể nhắc HS dựa vào mẫu ở Hoạt động cơ bản 2, gợi ý ở Hoạt động cơ bản 3 và lời tự giới thiệu ở Hoạt động cơ bản 4 để viết lời tự giới thiệu.

– HS viết xong, dán tờ giấy của mình lên góc học tập.

3. *Cách đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của hoạt động* :

– HS trao đổi bài viết của mình với bạn bên cạnh.

– GV có thể gọi 2 – 3 HS tự giới thiệu trước lớp.

– Sản phẩm của hoạt động :

Lời tự giới thiệu của HS về mình :

Tôi là ...

Sinh ngày ...

Tôi thích ...

Tôi muốn trở thành ...

* **Hoạt động thực hành 4, Bài 2C** (Hoạt động cặp đôi) :

Chơi trò Kết bạn :

– Mỗi em đến góc học tập và lấy một phiếu học tập.

Tôi là ai ? Tôi muốn gì ?

Họ và tên :

Nam hay nữ :

Ngày sinh :

Nơi sinh :

Quê quán (xã, huyện, tỉnh) :

Nơi ở hiện nay (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố) :

Học sinh lớp : Trường

Điều tôi thích nhất (sở thích) :

Muốn được kết bạn với (tên)

1. *Chuẩn bị* : GV chuẩn bị trước mỗi HS một phiếu học tập có nội dung như phiếu học tập trong sách HDHTV2, tập 1A (tr. 28).

2. Cách thức tổ chức hoạt động :

– Mỗi HS tự điền những thông tin về mình vào phiếu, dán phiếu của mình xung quanh lớp hoặc dán vào góc học tập.

– HS đọc phiếu của các bạn, nếu thấy bạn có sở thích giống mình thì đến gặp bạn đó và nói : "Chúng mình kết bạn".

Lưu ý : Để hoạt động được vui, hấp dẫn, GV có thể nhắc HS đọc phiếu của tất cả các bạn trong lớp, không nên chỉ đọc phiếu của các bạn trong nhóm mình.

3. Cách đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của hoạt động :

– Kết thúc hoạt động, GV có thể yêu cầu một vài cặp sau khi đã kết bạn, giới thiệu trước cả lớp về người bạn của mình, sở thích chung của 2 bạn,...

– Sản phẩm của hoạt động :

Phiếu học tập của mỗi HS đã điền đầy đủ thông tin trong phiếu.

b) Lập danh sách học sinh

Mục đích của hoạt động này là luyện cho HS cách lập bản danh sách ngắn (một nhóm 3 – 5 HS trong nhóm học tập của mình). Trong sách HDHTV2, chỉ có duy nhất một hoạt động học nội dung này.

Hoạt động thực hành 5 – Bài 3C (Hoạt động nhóm) :

Lập danh sách từ 3 đến 5 bạn trong nhóm học tập của mình. (Viết vào vở hoặc phiếu bài tập).

1. *Chuẩn bị* : Vở ô li của HS hoặc GV chuẩn bị cho mỗi nhóm một bảng nhóm hoặc giấy khổ to có kẻ sẵn như sau :

STT	Họ và tên	Nam, nữ	Ngày sinh	Nơi ở
1				
2				
3				
4				
5				
6				

(Ghi chú : Số cột ở hàng ngang tùy thuộc vào số lượng HS của mỗi nhóm trong lớp.)

2. *Cách thức tổ chức hoạt động* :

HS trong mỗi nhóm trao đổi, sắp xếp tên các bạn theo thứ tự bảng chữ cái đã học ở những bài trước để điền nội dung vào bảng nhóm.

Lưu ý : HS có thể lập danh sách 3 đến 5 bạn trong nhóm hoặc lập danh sách của tất cả các bạn trong nhóm (nếu có thể). GV hỗ trợ những nhóm chưa hoàn thành được yêu cầu của hoạt động, nhắc HS có thể tham khảo danh sách HS ở Hoạt động thực hành 3.

3. *Cách đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của hoạt động* :

- GV có thể yêu cầu các nhóm treo bảng nhóm hoặc giấy khổ to ghi danh sách đã lập.
- Các nhóm tự nhận xét kết quả của nhau.
- GV có thể lưu ý thêm HS cách lập danh sách HS (nếu cần thiết).
- Sản phẩm của hoạt động :

Bảng nhóm hoặc giấy khổ to của các nhóm đã điền đầy đủ nội dung.

c) *Viết thư ngắn để nhắn tin*

Trong sách HDHTV2 chỉ có 2 hoạt động giúp HS luyện cách viết bức thư ngắn để nhắn tin.

*** Hoạt động thực hành 2, Bài 14 C** (Hoạt động cá nhân) :

Viết tin nhắn trong tình huống sau : Bà đến nhà đón em đi chơi. Hãy viết vào giấy 2 – 3 câu nhắn lại để anh (hoặc chị) của em biết.

1. *Chuẩn bị* : Vở ô li hoặc một mảnh giấy nhỏ để viết tin nhắn.

2. *Cách thức tổ chức hoạt động* :

HS viết tin nhắn vào giấy hoặc vở, đảm bảo yêu cầu (mẫu tin cần viết ngắn gọn nhưng đủ ý).

Lưu ý : – GV có thể nhắc HS nhớ tình huống được cho trong nội dung hoạt động để viết tin, dựa vào 2 tin nhắn ở Hoạt động cơ bản 2 để viết.

– Đối với những HS yếu, GV có thể hướng dẫn các em viết tin nhắn bằng cách đặt câu hỏi gợi ý, ví dụ :

Em viết tin cho ai ?

Em viết tin để làm gì ?

Em sẽ viết như thế nào ?

3. *Cách đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của hoạt động* :

– HS trao đổi bài viết của mình với bạn bên cạnh hoặc lần lượt từng em đọc tin nhắn của mình cho các bạn trong nhóm nghe.

– GV có thể gọi 2 – 3 HS đọc tin nhắn của mình trước lớp hoặc đại diện HS trong nhóm đọc tin nhắn của mình trước lớp.

– HS có thể dán tin nhắn của mình vào góc học tập.

– Sản phẩm của hoạt động : Tin nhắn của từng HS.

d) *Viết bưu thiếp*

Trong sách HDHTV2, có 2 hoạt động giúp HS luyện cách viết bưu thiếp. Đối với hoạt động này, GV cần nhắc HS ý nghĩa của bưu thiếp (để chúc mừng, thăm hỏi, thông báo vắn tắt tin tức), viết ngắn gọn nhưng đủ ý, phù hợp với tình huống đã cho. HS có thể dựa vào các bưu thiếp đã đọc ở Hoạt động cơ bản 2, Bài 10C để viết bưu thiếp.

Hoạt động thực hành 5, Bài 18B (Hoạt động cá nhân) :

Nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, em hãy viết bưu thiếp chúc mừng cô giáo (hoặc thầy giáo).

1. *Chuẩn bị* : Vở ô li hoặc giấy màu, bưu thiếp (nếu có).

2. *Cách thức tổ chức hoạt động* :

– HS viết bưu thiếp vào vở hoặc giấy màu, bưu thiếp (nếu có).

Lưu ý : Khi viết, HS có thể đọc lại bưu thiếp ở Hoạt động cơ bản 2, Bài 10C. Đối với những HS yếu, GV có thể hướng dẫn các em viết bưu thiếp bằng cách đặt câu hỏi gợi ý.

– HS có thể trang trí bưu thiếp của mình (nếu viết bưu thiếp ra giấy màu).

3. *Cách đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của hoạt động* :

– HS trao đổi bưu thiếp của mình với bạn bên cạnh hoặc lần lượt từng em đọc bưu thiếp của mình cho các bạn trong nhóm nghe.

– GV có thể gọi 2 – 3 HS đọc bưu thiếp của mình trước lớp hoặc HS đại diện cho các nhóm đọc bưu thiếp trước lớp.

– HS có thể dán bưu thiếp vào góc học tập hoặc tặng bưu thiếp cho thầy cô giáo.

– Sản phẩm của hoạt động : Bưu thiếp của từng HS.

e) *Lập thời gian biểu*

Hoạt động này nhằm giúp HS biết cách lập thời gian biểu một buổi trong ngày. Trong sách HDHTV2 chỉ có 1 hoạt động luyện cho HS cách lập thời gian biểu.

Hoạt động ứng dụng, Bài 16C

Nhờ người thân giúp đỡ để viết thời gian biểu buổi chiều chủ nhật của em.

– GV nhắc HS viết ra giấy để dán vào góc học tập ở nhà.

– HS dựa vào cách lập thời gian biểu (của bạn Ngô Phương Thảo) đã đọc ở Hoạt động cơ bản 2, Bài 16C và nhờ người thân hướng dẫn, hỗ trợ để lập thời gian biểu theo đúng thực tế.

– HS có thể trang trí rồi dán Thời gian biểu của mình vào góc học tập ở nhà.

3.2. Phương pháp dạy học, cách thức tổ chức hoạt động viết đoạn kể hoặc tả ngắn

Mục đích của hoạt động này là luyện cho HS cách sử dụng vốn từ để đặt câu, viết đoạn kể hoặc tả ngắn phù hợp với chủ đề, qua đó hình thành dần cho HS kỹ năng tạo lập văn bản với những yêu cầu đơn giản.

Hoạt động kể hoặc tả ngắn thường được tổ chức theo cá nhân. Từng HS viết bài của mình vào vở hoặc viết ra giấy. Khi tổ chức hoạt động, GV cần hướng dẫn HS (đặc biệt là HS yếu) dựa vào câu hỏi gợi ý hoặc dựa vào tranh minh họa, dựa vào bài văn mẫu (nếu có), viết thành câu trả lời rõ ràng, đủ ý để tạo thành một đoạn văn ngắn. GV không được yêu cầu HS viết thành bài văn có bố cục hoàn chỉnh 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài). Đối với HS khá, giỏi, GV có thể khuyến khích viết tự do, không nhất thiết phải dựa vào câu hỏi gợi ý, miễn là câu văn liền mạch. HS viết bài xong, có thể đổi bài viết cho bạn bên cạnh hoặc một bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. Trong quá trình quan sát, hỗ trợ HS viết bài, GV có thể phát hiện ra những điểm yếu của từng HS để tìm cách giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ, không nên để tình trạng có những HS không thể viết được đoạn văn theo yêu cầu.

Để đánh giá kết quả của hoạt động này, HS trong nhóm có thể lần lượt đọc bài viết của mình, lắng nghe đoạn văn của bạn, rồi cả nhóm bình chọn bài văn hay nhất đọc cho thầy cô và cả lớp nghe. Hoặc sau khi HS đọc bài viết của mình trong nhóm, HS có thể treo bài viết của mình ở góc học tập, cả lớp đọc bài viết của nhau rồi bỏ phiếu bình chọn bài viết hay nhất (phiếu chỉ ghi tên bạn có bài văn hay), sau đó lắng nghe những đoạn văn hay được cả lớp bình chọn.

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 3, 4, 5 và 6 – Bài 21C :**

3. Đọc thầm bài văn sau : (Hoạt động cá nhân)

Chim chích bông

Chích bông là con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liền. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những thân cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.

(Theo Tô Hoài)

4. Cùng tìm những từ ngữ tả hình dáng và hoạt động của chích bông để điền vào ô trống trong bảng nhóm. Các nhóm treo kết quả lên bảng để cả lớp cùng nhận xét (Hoạt động nhóm).

5. Mỗi bạn lần lượt kể cho nhau nghe về loài chim mà mình thích (Hoạt động cặp đôi) :

Gợi ý :

– Đó là loài chim nào ?

– Bạn nhìn thấy loài chim đó ở đâu ?

– Loài chim đó có đặc điểm gì nổi bật về hình dáng (hoặc hoạt động) ?

6. Dựa vào những câu trả lời ở hoạt động 5, viết ra giấy từ 2 đến 3 câu về một loài chim mà em thích. (Hoạt động cá nhân)

Các hoạt động 3, 4, 5 trong bài 21C là những hoạt động để chuẩn bị cho HS viết đoạn văn ngắn về loài chim mà mình yêu thích. Dựa trên những hoạt động này, HS dễ dàng thực hiện được hoạt động 6. GV có thể tổ chức hoạt động 6 như sau :

1. *Chuẩn bị* : Vở ô li hoặc giấy để viết.

2. *Cách thức tổ chức hoạt động* :

HS viết vào vở hoặc ra giấy từ 2 đến 3 câu về một loài chim mà mình thích.

Lưu ý : GV nhắc HS có thể dựa vào các câu trả lời ở hoạt động 5 khi viết. Vì vậy, GV có thể nhắc HS dựa vào những điều đã nói ở hoạt động trước để viết đoạn văn, dựa vào cách tả về loài chim của nhà văn Tô Hoài ở hoạt động 3 để viết.

3. *Cách đánh giá kết quả hoạt động và sản phẩm của hoạt động* :

– HS trao đổi bài viết của mình với bạn bên cạnh hoặc lần lượt từng em đọc bài viết của mình cho các bạn trong nhóm nghe.

– GV có thể gọi 2 – 3 HS đọc đoạn văn của mình trước lớp hoặc cho HS trong nhóm bình chọn bài viết hay nhất trong nhóm rồi đọc trước lớp.

– HS có thể dán bài viết vào góc học tập để cả lớp cùng đọc.

– Sản phẩm của hoạt động : Đoạn văn ngắn (2 – 3 câu) viết về loài chim của từng HS.

Trong sách HDHTV2 còn có 2 hoạt động kể hoặc tả ngắn không có câu hỏi gợi ý.

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 4, Bài 15C** (Hoạt động cá nhân) :

Viết vào vở 2 – 3 câu kể về anh (chị, em) của em.

Đối với hoạt động này, HS tự viết theo yêu cầu của hoạt động. Vì không có câu hỏi gợi ý nên GV lưu ý hỗ trợ HS yếu bằng cách nêu một số câu hỏi gợi ý để làm điểm tựa cho HS dễ viết.

4. Hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả học tập qua từng hoạt động

Kĩ năng viết đoạn văn, viết văn bản chủ yếu được rèn luyện thông qua hình thức học cá nhân, HS tự viết đoạn văn, văn bản theo yêu cầu. Vì vậy, GV cần phải kiểm soát được kết quả hoạt động viết đoạn, bài của từng HS, sao cho HS nào cũng làm việc, cũng hiểu đúng và viết đúng với yêu cầu của đề bài. Trong quá trình tổ chức hoạt động, trước hết GV cần hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của đề bài (viết về ai ? viết về cái gì ?). Tùy theo đối tượng HS trong lớp, GV có thể gợi ý cho HS cách viết đoạn, bài (viết như thế nào ?). Sau đó, kiểm tra, hỗ trợ tới từng HS khi viết, đặc biệt đối với những HS vùng dân tộc thiểu số, các em còn ít vốn từ, kĩ năng dùng từ đặt câu còn hạn chế.

Đối với việc kiểm soát kết quả, sửa chữa lỗi của bài viết, GV cần hướng dẫn HS tự kiểm soát kết quả học tập bằng cách đọc lại bài viết của mình để bước đầu tự phát hiện lỗi và sửa chữa lỗi trong bài viết. Tiếp theo đó, HS đổi bài cho bạn để đọc bài của nhau. HS lớp 2, lớp 3 chưa thể có được kĩ năng góp ý, sửa chữa kết quả bài viết của bạn, cho nên với mỗi hoạt động viết đoạn, bài, GV cần lựa chọn một số bài viết của HS, đặc biệt là những HS viết chưa tốt để kịp thời có những uốn nắn, điều chỉnh, sửa chữa lỗi cho các em. Qua việc kiểm soát kết quả, đọc bài viết của HS, nếu phát hiện thấy những lỗi của nhiều HS trong lớp mắc phải, GV có thể tổ chức chữa lỗi chung cho cả lớp. GV cũng có thể chọn một số bài viết đạt yêu cầu hoặc các nhóm đọc bài viết của nhau, bình chọn bài viết hay nhất để đọc trước lớp. Tuy nhiên, để tránh tình trạng là hoạt động viết đoạn, bài nào cũng chỉ tập trung biểu dương, khen ngợi một số HS, khiến các HS khác có thể mặc cảm, không có hứng thú học tập, cũng như không có hứng thú để viết, GV cần phát hiện, giúp đỡ HS khi viết để nhiều HS được động viên, khích lệ, động viên sự cố gắng, tiến bộ dù là nhỏ nhất.

5. Về việc điều chỉnh HDHTV2 trong dạy viết đoạn văn

Để HS có thể viết được đúng đoạn, bài theo yêu cầu, dựa trên sự hình dung của GV về những khó khăn, thuận lợi của HS khi viết đoạn, bài, GV có thể linh hoạt điều chỉnh yêu cầu của đề bài cho phù hợp với HS trong lớp. Khi điều chỉnh, GV cần căn cứ vào một số yếu tố sau :

- Mục tiêu của bài học
- Trình độ tiếng Việt của HS
- Vốn sống, vốn kinh nghiệm của HS
- Đặc điểm văn hoá của địa phương có liên quan đến yêu cầu của bài viết (nếu có).
- Đồ dùng, tranh ảnh, tư liệu tham khảo đã có trong góc học tiếng Việt hoặc trong thư viện lớp.

Ví dụ : **Hoạt động thực hành 6 – Bài 25 A** (Hoạt động nhóm) :

Cùng các bạn đến góc học tập xem tranh ảnh về sông biển. Viết vào vở những điều em thấy trong tranh ảnh theo những gợi ý sau :

- Biển rộng hay hẹp ? Trên mặt biển có những gì ?
- Sông như thế nào ? Trên mặt sông có những gì ?
- Con người làm gì trên sông, làm gì trên biển ?



Với yêu cầu của hoạt động trên, góc học tập ở mỗi lớp cần chuẩn bị được tranh ảnh về sông biển. Về nguyên tắc, chỉ cần một số tranh ảnh về sông biển là đủ cho HS lựa chọn, quan sát tranh, rồi viết vào vở một số câu về những điều HS thấy trong tranh ảnh theo đúng yêu cầu của hoạt động. Tuy nhiên, với đối tượng HS lớp 2, nếu chỉ quan sát tranh ở góc học tập trong một vài phút, HS khó có thể nhớ và viết được về những điều đã thấy trong tranh ảnh. Vì vậy, GV có thể linh hoạt điều chỉnh yêu cầu của hoạt động. Chẳng hạn, có thể yêu cầu HS chuẩn bị trước ở nhà, mỗi em mang tới lớp một bức tranh (hoặc ảnh) về sông biển, hoặc GV có thể chuẩn bị một bức tranh khổ lớn, treo trên bảng để HS quan sát tranh. Sau đó, HS viết về những điều đã thấy trong tranh ảnh.

C – DẠY HỌC KĨ NĂNG NGHE – NÓI

1. Chuẩn kĩ năng và nội dung dạy nghe – nói ở lớp 2

1.1. Chuẩn kĩ năng nghe – nói

a) Trong Chương trình dạy học môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, ở lớp 2, HS được luyện kĩ năng nghe như sau :

- Nghe và trả lời câu hỏi về những mẫu chuyện có nội dung đơn giản gần gũi với lứa tuổi.
- Nghe – viết chính tả một đoạn văn, đoạn thơ hoặc bài thơ ngắn.

Chương trình xác định chuẩn về kĩ năng nghe đối với HS lớp 2 như sau :

- Về nghe – hiểu : HS nghe và trả lời được câu hỏi về những mẫu chuyện có nội dung đơn giản, gần gũi với lứa tuổi (kết hợp nhìn hình minh họa).
- Về nghe – viết : HS phải nghe – viết được bài chính tả có độ dài khoảng 50 chữ trong khoảng 15 phút.

b) Theo Chương trình môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học, kĩ năng nói bao gồm các kĩ năng bộ phận :

- Phát âm
- Sử dụng nghi thức lời nói
- Đặt và trả lời câu hỏi
- Thuật việc, kể chuyện
- Phát biểu, thuyết trình

Các kĩ năng này đều được rèn luyện cho HS từ lớp 1 đến lớp 5, theo những mức độ yêu cầu phù hợp với lứa tuổi.

Về nội dung dạy học, Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2 đã nêu những nội dung HS được học như sau :

- Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, mời, nhờ cậy, yêu cầu, tự giới thiệu ; đáp lời cảm ơn, xin lỗi, lời mời,... trong các tình huống giao tiếp ở trường học, gia đình, nơi công cộng.
- Trả lời và đặt câu hỏi đơn giản.
- Kể một mẫu chuyện hoặc một đoạn của câu chuyện được nghe.
- Nói lời giới thiệu đơn giản về bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp theo gợi ý.

Chuẩn về kĩ năng nói được nêu trong Chương trình như sau :

– *Sử dụng nghi thức lời nói* : Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, mời, nhờ, yêu cầu, bày tỏ sự ngạc nhiên, thán phục ; biết đáp lại những lời nói đó. Biết dùng từ xưng hô, biết nói đúng vai trong hội thoại.

– *Đặt và trả lời câu hỏi* : Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi : *Ai ? Cái gì ? Làm gì ? Thế nào ? Ở đâu ? Bao giờ ?...* Biết đặt và trả lời câu hỏi về những nội dung đơn giản trong bài học.

– *Thuật việc, kể chuyện* : Kể rõ ràng, đủ ý một đoạn truyện hoặc một câu chuyện đã đọc (dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý). Biết nói lời nhận xét đơn giản về nhân vật, nội dung của câu chuyện đã nghe, đã đọc ; bộc lộ được tình cảm, thái độ với nhân vật.

– *Phát biểu, thuyết trình* : Biết giới thiệu vài nét về bản thân và những người xung quanh.

1.2. Nội dung dạy nghe – nói trong *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2*

Việc dạy nghe – nói trong HDHTV2 được thể hiện ở rất nhiều hoạt động, ở hầu hết các nội dung học tập. Chẳng hạn, ở nội dung luyện đọc, HS đọc thành tiếng trong nhóm hay trước lớp đồng thời được rèn luyện và phát triển các kĩ năng nghe – nói (nghe bạn đọc câu, đoạn, bài ; nêu nhận xét việc đọc của bạn). Ở nội dung luyện đọc – hiểu, HS được luyện nghe – hiểu các câu hỏi và yêu cầu của thầy, cô ; nghe – hiểu câu trả lời của bạn và luyện kĩ năng nói : trả lời câu hỏi đọc – hiểu, nhận xét ý kiến của bạn,...

HDHTV2 rất chú trọng rèn kĩ năng nghe – nói cho HS. Hầu như ở tất cả các bài học, ở các hoạt động học tập môn Tiếng Việt, các em đều được luyện nói theo những hình thức đa dạng dưới đây :

- Phát biểu ý kiến riêng của cá nhân ;
- Hỏi – đáp theo cặp ;
- Trao đổi trong nhóm, thảo luận chung cả lớp ;
- Kể lại đoạn truyện hoặc câu chuyện đã đọc ;
- Kể lại sự việc đã làm hoặc đã chứng kiến.

Như vậy, luyện nghe – nói là hoạt động thường xuyên trong HDHTV2 với các hình thức đa dạng. Khi dạy ngôn ngữ nói, GV cần xác định rõ rằng ngôn ngữ nói khác với ngôn ngữ viết. Nó giúp HS nói một cách tự nhiên, linh hoạt, tránh được sự máy móc và khô cứng trong biểu đạt ngôn ngữ. Việc học kĩ năng nghe – nói đòi hỏi HS phải tự tin vào bản thân. Thầy giáo, cô giáo của các em chính là người tạo dựng, khích lệ, động viên, thúc đẩy sự tự tin đó ở các em.

2. Hướng dẫn dạy kĩ năng nghe – nói

2.1. Hướng dẫn HS phát biểu ý kiến cá nhân

Đối với HS lớp 2, việc phát biểu ý kiến riêng của cá nhân là một yêu cầu tương đối khó đối với các em vì hoạt động này đòi hỏi khá cao về sự sáng tạo. Nếu GV không chú ý hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ này, dễ dẫn đến tình trạng các em bắt chước nhau phát biểu một cách máy móc theo mẫu hoặc theo ý kiến của bạn phát biểu trước.

Trong HDHTV2, ở nhiều bài học, HS có một số cơ hội rèn luyện kĩ năng phát biểu ý kiến cá nhân, được bộc lộ cách nói riêng, cách thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của riêng mình. Ví dụ, ở nội dung dạy học *Nói lời an ủi* (Bài 11C), có hoạt động sau :



3. Từng bạn trong nhóm hãy nói lời an ủi ông (bà) trong mỗi tình huống dưới đây :

- Khi cây hoa quý do ông (bà) trồng bị chết.
- Khi kính đeo mắt của ông (bà) bị vỡ.

Cả nhóm nhận xét câu nói của từng bạn và bình chọn câu nói hay nhất.



Với yêu cầu nêu trên, bài học đã hướng đến rèn cho HS lớp 2 kĩ năng nói lời an ủi phù hợp với tình huống giao tiếp, với nhân vật giao tiếp, vai giao tiếp,... GV cần khích lệ để HS nhập vai trong mỗi tình huống, biết xác định rõ mình đang an ủi ai (ông nội hay ông ngoại, bà nội hay bà ngoại), mình sẽ nói lời an ủi ông (bà) thế nào để ông (bà) bớt buồn phiền. Khi nhập vai như vậy, lời nói của mỗi em sẽ tự nhiên, chân thực hơn.

Ở một số giờ luyện đọc, sau khi HS đã thực hiện các yêu cầu của sách, một số bài học có yêu cầu mỗi em nói một câu nhận xét về một nhân vật trong bài đọc.

Ví dụ, ở Bài 5A, với bài luyện đọc “Chiếc bút mực”, sau khi HS thảo luận để chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm về đọc – hiểu, các em phải thực hiện hoạt động tiếp theo là :



2. Mỗi em nói một câu nhận xét về Mai.

(Bài 5A, trang 60, tập 1A)

Trong HDHTV2, nhiều bài học còn có những hoạt động yêu cầu HS nêu nội dung tranh ảnh theo cách hiểu, cách nghĩ, cách diễn đạt của mình, ví dụ :



1. Nói với các bạn về bức tranh em đã vẽ tặng bố.

- Đưa tranh ra cho các bạn cùng nhóm xem.
- Giới thiệu hình vẽ trong tranh. Có thể nói thêm vì sao em muốn tặng bố tranh này.
- Đọc lời đề tặng em viết dưới tranh.

(Bài 13B, trang 48, tập 1B)

Có những bài học đòi hỏi sự sáng tạo cao hơn ở HS. Các em phải quan sát tranh, hiểu tình huống thể hiện trong tranh, từ đó hình thành câu chuyện về các nhân vật trong tranh, tạo lời thoại cho từng nhân vật trong tranh, ví dụ :



1. Xem tranh, trả lời câu hỏi :

- a) Trong mỗi tranh có ai ?
- b) Người đó đang làm gì hoặc nói gì ?



2. Kể lại câu chuyện theo tranh.

- Mỗi bạn kể về sự việc trong một bức tranh, bắt đầu từ tranh 1 đến tranh 3.
- Một hoặc hai bạn kể cả câu chuyện theo tranh.
- Thảo luận để đặt tên cho câu chuyện. Viết tên câu chuyện vào vở.

(Bài 18B, trang 118, tập 1B)

Những yêu cầu ở các bài học nêu trên đòi hỏi HS phát biểu theo suy nghĩ, cách nhìn nhận, cách đánh giá của riêng mình. Để giúp HS thực hiện yêu cầu này, GV cần giúp đỡ HS hình thành các ý cần nói bằng nhiều cách khác nhau, tùy từng loại nội dung học tập yêu cầu. Dưới đây là một số gợi ý về cách hướng dẫn HS :

- Đưa ra cho HS các câu hỏi định hướng, gợi ý cách suy nghĩ, hình thành ý kiến để phát biểu.

– Giúp HS hình dung thật cụ thể về tình huống nói năng (các em phát biểu về điều gì hoặc nói chuyện với ai, người đó đang có tâm trạng /cảm xúc/suy nghĩ... thế nào ; em muốn nói về điều gì với người đó ; em nói điều đó nhằm mục đích gì...).

– Quan sát cách nói làm mẫu (người làm mẫu phát biểu ý kiến riêng của cá nhân có thể là GV hoặc một số HS trong lớp).

– Đưa ra các lời nói khác nhau để HS lựa chọn cách nói phù hợp nhất với tình huống.

Với loại bài học yêu cầu HS phát biểu ý kiến riêng của cá nhân, GV cần khích lệ các em đưa ra nhiều ý kiến khác nhau để đối chiếu, so sánh, bình luận. Ví dụ, với yêu cầu *mỗi em nói một câu nhận xét về bạn Mai* trong bài đọc *Chiếc bút mực (Bài 5A)* : khi HS thứ nhất nêu ý kiến nhận xét của mình, GV cần khen ngợi và khích lệ HS đưa ra những nhận xét khác hoặc có cách diễn đạt khác. Với trường hợp này, HS có thể có nhiều nhận xét về bạn Mai trong câu chuyện nếu được GV khích lệ, động viên hoặc gợi ý, ví dụ :

- Mai là một học sinh ngoan.
- Mai là người bạn tốt.
- Mai là người biết giúp đỡ bạn bè.
- Mai là người biết nhường bạn.
- Mai không có tính hẹp hòi, ích kỉ.
- ...

Nếu tổ chức cho HS hoạt động học tập như vậy, chắc chắn các em có thể đưa ra được nhiều ý kiến khác nhau, trong đó sẽ có những ý kiến độc đáo, bất ngờ mà chỉ lứa tuổi các em mới có những ý nghĩ ngộ nghĩnh, trong sáng, đáng yêu như vậy. GV cần đặc biệt chú trọng việc khích lệ, động viên đối với những em bước đầu biết nêu ý kiến theo suy nghĩ của riêng mình để các bạn khác trong lớp học tập. Mọi ý kiến của HS dù sai hay đúng, trước tiên cần khen ngợi khả năng suy nghĩ độc lập, sự mạnh dạn, tự tin trong trình bày, sau đó mới giải thích cho HS về sự chính xác hay chưa thật chính xác, đúng hay chưa thật đúng... Theo cách này, GV sẽ dần hình thành và phát triển ở HS khả năng độc lập suy nghĩ, sáng tạo trong diễn đạt, sự tự tin, mạnh dạn bày tỏ ý kiến, mong muốn, nguyện vọng... của cá nhân trong cuộc sống.

Trong quá trình dạy học, GV cần dành thời lượng (có thể là giờ ngoại khoá, giờ sinh hoạt) để giới thiệu cho HS hình ảnh kiểu mẫu về một diễn giả tốt thể hiện ở tư thế, điệu bộ,

cách diễn thuyết,... Chẳng hạn, cho HS quan sát hai ví dụ về hai người nói khác nhau : một người nói nhỏ, không rõ ràng, còn người kia tiếp xúc mắt với khán giả rất tốt, nói to và rõ ràng, điệu bộ, cử chỉ gây sự cuốn hút với người đối diện. Sau đó, GV hỏi HS xem người nào là diễn giả tốt hơn. GV nên làm điều này sớm để HS thấy sự cần thiết phải có những kỹ năng nói tốt như thế nào.

Sau khi HS có hiểu biết sơ bộ về hình ảnh người diễn thuyết kiểu mẫu, các em cần được hướng dẫn nên làm gì và không nên làm gì khi nói. GV nên tạo cơ hội cho mỗi HS trong lớp chuẩn bị một bài phát biểu về một chủ đề tự chọn, sau đó lần lượt diễn thuyết trước lớp. Sau mỗi bài phát biểu, GV đề nghị các em khác bình luận về bài phát biểu của bạn, điều gì bạn làm tốt, điều gì chưa tốt. Bước tiếp theo là xem lại bài mình đã phát biểu trên vi-đê-ô. HS được xem lại đoạn phim về mình và tự xem mình trông như thế nào khi diễn thuyết để rút kinh nghiệm. Sau đó, GV hỏi tỉ mỉ HS về cảm giác của em khi diễn thuyết, bình luận. Đồng thời, GV giải thích thêm cho HS để chỉ ra những lỗi mà các em cần sửa, qua đó có thể phát biểu ý kiến /diễn thuyết một cách tốt nhất.

Ngoài ra, để giúp HS nói tự tin, mạnh dạn, GV cần cho các em tập các kỹ năng phụ trợ như :

- + Tập hít thở trong khi nói. GV có thể hướng dẫn HS tập hít thở sâu để cảm thấy thư giãn và tự tin trước và trong khi nói.

- + Học cách tiếp xúc mắt với người nghe, biết mỉm cười và nhìn thẳng vào người nghe. Việc tiếp xúc mắt khiến cho việc phát biểu ý kiến cá nhân thuận lợi hơn nhiều. Trước hết, âm thanh hướng thẳng đến người nghe. Có thể tìm kiếm trong số người nghe một gương mặt thân thiện làm điểm tựa cho mình. Việc thu hút sự chú ý của khán giả là rất quan trọng và việc tiếp xúc mắt giúp chúng ta thực hiện điều đó.

- + Học cách nói rõ ràng, chậm rãi. Khi bị căng thẳng (hoặc hồi hộp, bối rối, lúng túng), người ta thường nói nhanh, lí nhí hoặc lúng búng, khi đó hãy giảm tốc độ xuống.

Một trong những biện pháp hữu hiệu để rèn kỹ năng phát biểu ý kiến cá nhân cho HS là tạo cơ hội cho HS được luyện đọc to trước lớp. Trong các giờ tập đọc, GV mời các em đọc to đồng thanh trong nhóm và đọc to, rõ ràng trước lớp. Khi HS thường xuyên đọc to trước một nhóm bạn bè, các em sẽ dần dần tự tin với việc nói trước đám đông. GV có thể sử dụng các bài thơ trong chương trình học và yêu cầu HS đọc diễn cảm theo cặp, theo nhóm và trước cả lớp. GV có thể giúp HS có cách trình diễn bài thơ theo cách riêng của mình (về giọng đọc, về cách nhấn giọng, ngắt giọng...). Khi luyện đọc thơ diễn cảm trước lớp, điều quan trọng là phải tạo ra được không khí tự nhiên vui vẻ trong lớp để các em có

được sự tự nhiên, hứng thú với hoạt động trình diễn trước đông người, không đặt nặng yêu cầu đọc đúng hay nghiêm túc.

2.2. Hướng dẫn HS hỏi – đáp, trao đổi theo cặp

Trong sách HDHTV2, loại hoạt động học tập nghe – nói theo cặp khá phổ biến trong các bài học. Rất nhiều nội dung học tập đòi hỏi HS phải hợp tác cặp đôi để thực hiện nghe – nói theo yêu cầu của bài. Hoạt động theo cặp sẽ giúp HS học tập hào hứng hơn, tích cực hơn : một em nói, một em nghe để đáp lời.

Có những bài học chỉ yêu cầu HS nghe – hiểu tình huống rồi nói lời thoại (lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị...) phù hợp với tình huống, tức là : một em nêu tình huống, một em nói lời thoại.

Ví dụ :



3. Luyện nói lời mời, nhờ, đề nghị lịch sự, đúng tình huống.

Bạn em nêu tình huống, em nói lời mời, nhờ, đề nghị. Sau đó đổi vai.

M : – (Nêu tình huống) Hỏi : Khi nhờ mẹ mua giúp một tấm thiệp chúc mừng cô giáo (thầy giáo) nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, bạn nói thế nào ?

– Đáp : Tôi sẽ nói “Mẹ mua giúp con một tấm bưu thiếp để tặng cô giáo (thầy giáo) nhân Ngày 20 – 11 mẹ nhé !”.

Tình huống a :

– Được giao phụ trách phần văn nghệ trong buổi liên hoan của lớp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, khi mời mọi người hát (hoặc múa, chơi đàn, kể chuyện, đọc thơ,...), bạn nói thế nào ?

– Tôi nói : ...

Tình huống b :

– Trong giờ học, cô (thầy) đặt câu hỏi nhưng bạn chưa nghe rõ hoặc chưa hiểu rõ. Bạn đề nghị cô (thầy) nêu lại câu hỏi đó. Bạn nói thế nào ?

– Tôi nói : ...

(Bài 9C, trang 124, tập 1A)



Trong sách HDHTV2, có những bài học yêu cầu cả 2 HS trong một cặp phải phối hợp chặt chẽ để tạo ra các lời đối thoại (nói lời hỏi – đáp) với nhau. Trong các hoạt động này, có thể sẽ có em phải đóng vai người lớn (cha, mẹ, ông, bà, thầy cô,...). Trọng tâm bài học là nói được lời thoại trong vai người con, người cháu, người học sinh,... Vì vậy, GV phải nhắc HS chú ý rèn kỹ năng nói lời thoại mà mục tiêu bài học đã đề ra.

Ví dụ :



5. Cùng bạn đóng vai nói lời xin lỗi của em trong những trường hợp sau :

a) Bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa.

M : – Bạn không mang áo mưa à ? Lại đây đi chung với tớ.

– Thế thì tốt quá ! Cảm ơn bạn.

b) Cô giáo cho em mượn quyển sách.

c) Em bé nhặt hộ em chiếc bút rơi.

6. Cùng bạn đóng vai nói lời xin lỗi của em trong những trường hợp sau :

a) Em lỡ bước, giẫm vào chân bạn.

M : – Xin lỗi bạn. Mình không cố ý.

– Không sao đâu.

b) Em mãi chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.

c) Em đùa nghịch, va phải một cụ già.



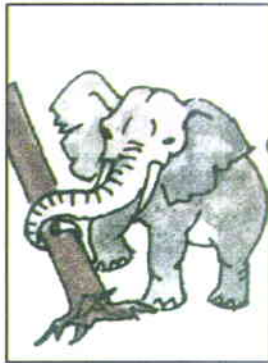
(Bài 4C, trang 55, tập 1A)

Hoặc :



5. Dựa vào tranh, một bạn đặt câu hỏi, một bạn chọn một từ trong ngoặc để trả lời thành câu :

- a) Em bé thế nào ? (xinh, đẹp, dễ thương,...)
- b) Con voi thế nào ? (khoẻ, to, chăm chỉ,...)
- c) Những quyển vở thế nào ? (đẹp, nhiều màu, xinh xắn,...)
- d) Những cây cau thế nào ? (cao, thẳng, xanh tốt,...)



(Bài 15A, trang 73, tập 1B)



7. Thay nhau hỏi và trả lời :

- a) Chị Nga và Hà nhắn tin cho Linh bằng cách nào ?
- b) Vì sao chị Nga và Hà phải viết tin nhắn cho Linh ?
- c) Chị Nga nhắn Linh những gì ?
- d) Hà nhắn Linh những gì ?

(Bài 14C, trang 68, tập 1B)

Khi hoạt động theo cặp, ở lớp 2, có thể có nhiều em còn nhút nhát, chưa tập trung, dễ rơi vào tình trạng chờ đợi thụ động, máy móc hoặc hoạt động hỏi – đáp diễn ra chỉ mang tính hình thức, bắt chước nhau. Vì thế, nhiều cặp HS chỉ là hỏi – đáp, giao tiếp giả, không tạo ra những lời trao – đáp thực sự tự nhiên. GV cần có bước làm mẫu trước lớp và sắp xếp từng cặp HS hợp lí, sao cho cặp nào cũng có em mạnh dạn, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ nghe – nói trong nhóm.

Đối với yêu cầu hỏi – đáp hoặc trao đổi theo cặp, trước hết GV cần giúp HS :

– Nhận biết thế nào là sự luân phiên lượt lời, sự đổi vai từ người nói sang người nghe và ngược lại trong quá trình hỏi – đáp, đối thoại với nhau, tránh tình trạng thụ động, máy móc trong việc đưa ra các lời thoại.

– Dành thời gian hoặc nêu các câu hỏi để HS suy nghĩ hoặc tranh luận để dự đoán / phán đoán câu đáp của người đối thoại với mình và dự kiến lời thoại tiếp theo của mình. Lưu ý HS khi tạo ra các lượt lời luân phiên sau mỗi cặp trao – đáp cần luôn có ý thức hướng vào thực hiện được đích giao tiếp.

– Tổ chức cho HS đóng vai thực hiện hội thoại có sự luân phiên lượt lời. Để HS có thể tạo ra các lượt lời trao – đáp một cách tự nhiên, chủ động, luôn hướng vào đích giao tiếp, GV cần tạo ra môi trường hội thoại thoải mái, cởi mở sao cho HS cảm thấy tự tin và mạnh dạn vận dụng kĩ năng và kinh nghiệm giao tiếp sẵn có của mình. GV cần luôn nhắc HS tập trung lắng nghe lời trao của đối tác hội thoại để có thể đưa ra lời thoại thích hợp.

Trong sách HDHTV2, một trong những nội dung học tập mà HS phải thường xuyên làm việc theo cặp là luyện tập về nghi thức lời nói. Với nội dung này, sách đã chú ý :

– *Tạo dựng các tình huống giao tiếp* để luyện tập các nghi thức lời nói. Đó có thể là tình huống giao tiếp *thực sự* như nói lời cảm ơn, xin lỗi, mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị,... thầy giáo, cô giáo, các bạn trên lớp hoặc *tình huống giả định* khi đóng vai ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, các em nhỏ,... để nói lời khẳng định, phủ định hoặc lời động viên, an ủi, bày tỏ sự ngạc nhiên, thán phục,... trong các khung cảnh không gian khác nhau. Khi các em thực hành hội thoại, GV nên lưu ý các em cách xưng hô đúng vai giao tiếp, giữ đúng vai khi giao tiếp, đặc biệt là những em đóng vai các thành viên khác trong gia đình. HS chỉ có thể có được lời nói tự nhiên khi các em thực sự “sống”, thực sự nhập vai và có cơ hội bộc lộ những trải nghiệm của mình trong tình huống giao tiếp đó. Để HS có thể hình dung được tình huống nêu trong các bài tập rèn kĩ năng sử dụng nghi thức lời nói, GV cần nêu ra những câu hỏi, những gợi mở giúp các em liên tưởng đến những tình huống tương tự hoặc gần gũi mà các em được trải nghiệm hoặc đã được quan sát, chứng kiến. Chỉ khi nào các em hiểu rõ tình huống và tưởng tượng ra mình đang ở trong tình huống đó, các em mới có thể nói một cách tự nhiên và thích hợp với tình huống giao tiếp và vai giao tiếp.

– Giúp HS lưu ý rõ vai giao tiếp và yêu cầu giữ đúng vai giao tiếp trong hội thoại. Nhận biết đúng vai giao tiếp sẽ giúp người tham gia hội thoại lựa chọn được đại từ nhân xưng hoặc từ xưng hô thích hợp và thái độ đúng mực khi nói. GV cần có những hướng dẫn và có thể nói mẫu cụ thể trong một số tình huống để HS học tập cách giao tiếp.

Ví dụ :



5. a) Đóng vai nói lời cảm ơn, xin lỗi.

Một bạn nói, một bạn đáp trong mỗi tình huống sau :

– Khi bạn giúp em gấp được một chiếc thuyền giấy rất đẹp, em nói : ...

Bạn đáp lại : ...

– Khi mượn truyện của bạn và trả không đúng hẹn, em nói : ...

Bạn đáp lại : ...

– Khi vô ý làm rơi chiếc bút của bạn, em nói : ...

Bạn đáp lại : ...

– Khi khách đến chơi nhà, biết em học giỏi, chúc mừng em, em nói : ...

Khách đáp lại : ...

b) Nghe bạn và thầy cô nhận xét về cách nói lời cảm ơn, xin lỗi của em.

(Bài 9A, trang 118, tập 1A)

Trong mỗi tình huống trên, nhân vật nói lời cảm ơn giữ các vai khác nhau : trường hợp thứ nhất giữ vai ngang hàng (nói với bạn bè) ; trường hợp thứ hai giữ vai người nhỏ tuổi nói với người trên (nói với cô giáo) ; trường hợp thứ ba giữ vai người trên (anh /chị) nói với người dưới (với em nhỏ). Để giữ đúng vai trong giao tiếp, GV cần nêu câu hỏi cho HS chọn cách xưng hô phù hợp trong mỗi tình huống (xưng hô *tôi/ mình/ tớ/...* trong tình huống thứ nhất), xưng *em* hoặc *con* trong tình huống thứ hai, xưng *chị* hoặc *anh* trong tình huống thứ ba). Ngoài ra, GV cần giúp HS biết thể hiện thái độ đúng mực khi nói với từng đối tượng giao tiếp : tôn trọng lễ phép với người trên ; vui vẻ, hoà nhã với bạn bè ; ân cần với người ở vai dưới.

– *Giúp HS nhận ra các sắc thái biểu cảm trong các ngôn từ giao tiếp để HS có thể chủ động lựa chọn sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp, mục đích giao tiếp và vai giao tiếp. Ví dụ : Khi dạy đáp lại lời mời, lời đề nghị làm một việc gì đó, có thể đồng ý bằng cách sử dụng các từ ngữ *vâng, đồng ý, được, ừ,...* trong lời đáp hoặc có thể từ chối bằng cách sử dụng các từ ngữ *không, không được, thôi,...* trong lời đáp tùy vào vai giao tiếp, quan hệ liên cá nhân giữa các nhân vật tham gia hội thoại.*

– *Gợi ý HS thực hành sử dụng nghi thức lời nói theo hình thức đóng vai. Khi tổ chức cho HS đóng vai để thực hiện hội thoại, GV cần chú ý khai thác, phát hiện và phát triển vốn tiếng Việt của các em, phát huy kinh nghiệm bản ngữ, tạo cơ hội để HS tạo lập được lời nói tự nhiên trong tình huống mới, giúp cho việc học nói đối với các em trở nên nhẹ nhàng, thiết thực và hiệu quả hơn.*

Cũng giống như cách dạy kỹ năng sử dụng nghi thức lời nói, việc dạy HS kỹ năng đặt và trả lời câu hỏi, kỹ năng trao đổi, thảo luận theo cặp cũng đặt ra yêu cầu giúp HS hiểu mục đích hội thoại, tình huống hội thoại, vai hội thoại, cách tổ chức lời thoại nhưng yêu cầu kỹ năng cao hơn. Việc *thực hành trao đổi, trò chuyện với người khác* là tình huống giao tiếp phức tạp GV có thể nêu câu hỏi định hướng cho cuộc trao đổi và cùng một HS đóng vai để thực hiện cuộc trao đổi (làm mẫu). Cuối cùng, GV cho HS đóng vai thực hiện cuộc trao đổi theo cặp rồi trình bày trong nhóm lớn hay trình bày trước lớp. Để tránh sự nhàm chán, một chiều, nên thay đổi hợp lý các hình thức cặp làm mẫu : GV hỏi – HS trả lời, 1 HS hỏi – 1 HS trả lời trước khi cho HS thực hành theo cặp.

Trong quá trình HS thực hành học tập theo cặp, GV cần đến từng nhóm hướng dẫn HS nói rõ ràng, thành câu và bước đầu nói đúng ngữ điệu các loại câu cơ bản (câu kể, câu hỏi, câu bày tỏ sự ngạc nhiên, thích thú, câu nêu yêu cầu, đề nghị hay sai khiến). Khi các em nói, GV lưu ý quan sát và lắng nghe để nhận xét cách nói, tư thế, tác phong khi nói và sửa lỗi phát âm, lỗi dùng từ, đặt câu... của các em.

2.3. Hướng dẫn trao đổi trong nhóm, thảo luận chung cả lớp

Trong HDHTV2, hình thức hoạt động học tập nghe – nói theo nhóm (từ 3 em trở lên) rất phổ biến ở tất cả các bài học. Rất nhiều nội dung học tập đòi hỏi HS phải hợp tác, huy động trí tuệ tập thể để giải các yêu cầu của bài, để tạo ra các sản phẩm học tập đa dạng, phong phú hoặc tạo ra sản phẩm lời nói tối ưu nhất. Dưới đây là một số ví dụ :



1. Quan sát lớp học và bàn nhau những việc các em có thể làm để cho lớp học thêm đẹp.
 2. Đọc tên bài *Ngôi trường mới*, xem tranh và trả lời câu hỏi :
 - a) Bức tranh vẽ gì ?
 - b) Các bạn học sinh đang làm gì ?
 - c) Theo em, các bạn HS mang hoa đến trường để làm gì ?
- (Bài 6C, trang 82, tập 1A)

Hoặc :



8. Trao đổi trong nhóm về những điều em biết về một con vật có tên trong bài hát theo gợi ý dưới đây :
 - Con vật đó sống ở đâu ?
 - Nó có biết bay không ?
 - Nó có biết bơi không ?
 - Nó ăn gì ?
 - Nó đẻ trứng hay đẻ con ?...
- (Bài 16B, trang 94, tập 1B)



1. Thảo luận để trả lời câu hỏi :
 - a) Em có bao giờ trêu bạn không ?
 - b) Vì sao không nên trêu chọc bạn bè ?
- (Bài 4B, trang 48, tập 1A)

Tương tự như những yêu cầu trên, ở Bài 3C, HS phải trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi : *Người bạn tốt là người bạn như thế nào ?* (trang 39, tập 1A).

Sách HDHTV2 đưa ra các hướng dẫn hoạt động như vậy là rõ ràng về nội dung học tập, cách thức tổ chức hoạt động học tập, những yêu cầu về kết quả đạt được,... Nhưng đối với HS lớp 2, để việc rèn luyện kỹ năng nói có hiệu quả trong những hoạt động như vậy, vẫn cần có sự hướng dẫn kỹ càng của GV, nhất là ở những tuần học đầu. GV nên phân lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 4 em/nhóm). Sở dĩ như vậy vì HS trong lớp có tính cách khác nhau. Một số em chủ động, tự tin, nhưng lại có những em nhút nhát, e ngại khi phải nói trước đông người. Luyện nghe – nói theo nhóm nhỏ tạo cơ hội cho các HS thiếu tự tin có cơ hội thể hiện mình trước số lượng cử tọa nhỏ. Khi các em thực hành nghe – nói theo nhóm, nên cho HS từng em đứng lên thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên trong nhóm cũng nên cùng đứng với nhau, điều này khiến các HS hay xấu hổ cảm thấy tự tin hơn.

Để các nhóm nghe – nói theo yêu cầu của bài học có hiệu quả, vai trò của trưởng nhóm rất quan trọng. GV phải huấn luyện, “đào tạo” được các nhóm trưởng như những “giáo viên nhỏ” trong nhóm để điều hành các thành viên của nhóm tham gia nhịp nhàng vào hoạt động nghe – nói của nhóm mình. Trước giờ học, GV có thể tập hợp các nhóm trưởng cùng GV đóng vai thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm để tập dượt các em điều hành nhóm. Khi vào giờ học, nhóm trưởng sẽ điều hành từng bạn trong nhóm lần lượt nêu ý kiến của mình, cùng bổ sung, điều chỉnh sản phẩm lời nói của nhóm mình để thi đua với các nhóm khác.

Khi HS tham gia nghe – nói theo nhóm, GV cần theo dõi sát từng nhóm và không bỏ sót HS nào khi yêu cầu các em thực hành theo yêu cầu của GV chứ không chỉ chú ý đến những HS hay giơ tay xung phong. GV cần đảm bảo tạo cơ hội cho tất cả các HS lần lượt được nói trước lớp trong năm học. Chính vì vậy, việc phân nhóm nhỏ để tập nói trước đông người là rất cần thiết.

Với những vấn đề trao đổi nhóm liên quan đến cuộc sống thực của HS ở trường và ở nhà, GV cũng cần hướng dẫn HS biết cách tranh luận, phản hồi tích cực khi nghe bạn phát biểu. GV có thể gợi ý cho HS đặt ra các câu hỏi mở đối với người nói, phản bác lại ý kiến người nói, phát triển ý của người nói theo các hướng mới... GV nhắc nhở các em nên giữ không khí tranh luận sôi nổi nhưng vui vẻ, không nên căng thẳng, mất đoàn kết.

Khi HS thực hiện yêu cầu trao đổi, thảo luận nhóm, GV có thể tổ chức cho HS góp ý, nhận xét, đánh giá lẫn nhau và đề xuất cách khắc phục. GV khuyến khích HS chia sẻ kinh nghiệm giao tiếp của từng em trong những tình huống giao tiếp tương tự. Bằng cách này,

GV sẽ giúp HS học hỏi lẫn nhau và các em có thể tự làm giàu vốn kinh nghiệm hội thoại của mình.

Trong các cuộc thảo luận, trao đổi có tính tranh luận, GV chỉ đóng vai trò hướng dẫn, gợi mở hoặc trong vai người quan sát hay cố vấn / trọng tài, không làm thay việc của HS hoặc áp đặt ý kiến chủ quan của mình đối với HS. GV cũng cần có hình thức đánh giá mức độ tích cực tham gia tranh luận của HS trong hoạt động trao đổi nhóm để có biện pháp hỗ trợ, uốn nắn kịp thời và phù hợp.

2.4. Hướng dẫn kể lại đoạn truyện đã đọc, đã học

Nội dung dạy học Kể chuyện (kể lại đoạn hoặc câu chuyện đã học ở giờ luyện đọc) gồm các dạng hoạt động cụ thể sau đây:

- Kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện theo tranh.
- Kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện không có tranh minh họa.
- Kể phân vai diễn lại một đoạn hoặc cả câu chuyện.
- Kể một chi tiết trong truyện theo tưởng tượng.

Ví dụ :



2. Kể lại từng đoạn câu chuyện *Hai anh em* theo gợi ý sau :

- a) Mở đầu câu chuyện.
- b) Ý nghĩ và việc làm của người em.
- c) Ý nghĩ và việc làm của người anh.
- d) Kết thúc câu chuyện.

(Bốn bạn nói tiếp nhau kể theo 4 gợi ý trên.)

(Bài 15B, trang 75, tập 1B)

Hoạt động kể chuyện thường được thực hiện theo 2 bước :

- *Bước 1* : Nhớ lại câu chuyện đã học.
- *Bước 2* : Tập kể lại một đoạn hoặc cả câu chuyện.

Nhớ lại nội dung câu chuyện là một bước hết sức quan trọng để giúp HS có thể kể lại được câu chuyện. Tùy theo tình hình HS trong lớp, nếu thấy cần thiết, GV có thể cho các em đọc lại câu chuyện. Chỉ sau khi HS đã nhớ được nội dung câu chuyện, GV mới nên để các em thực hiện tiếp bước 2, tập kể lại một đoạn hoặc cả câu chuyện.

a) Hướng dẫn kể từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện có tranh minh hoạ

Mỗi tranh thường minh hoạ cho chi tiết chính của một đoạn truyện.

– **Kể chuyện có lời gợi ý dưới mỗi tranh :**

Ví dụ : Câu chuyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim* (Bài 1B)

①	②	③	④
			
1. Ngày xưa có một cậu bé ...	2. Một hôm, cậu nhìn thấy ...	3. Bà cụ ôn tồn giảng giải : ...	4. Cậu bé hiểu ra ...

HS làm việc theo nhóm, quan sát tranh, thảo luận về nội dung tranh, đọc lời gợi ý dưới mỗi tranh (hoặc *câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh*). Các lời gợi ý này có tác dụng như một điểm tựa giúp các em nhớ lại chi tiết chính trong đoạn truyện. Từ đó, HS có thể nhớ và nói tiếp những chi tiết khác để hoàn thành nội dung đoạn truyện.

– **Kể chuyện không có lời gợi ý hay câu hỏi dưới tranh :**

Ví dụ : *Mẫu giấy vụn* (Bài 6B)

			
1	2	3	4

Loại hoạt động này khó hơn vì HS thiếu điểm tựa là kênh chữ. GV cần hướng dẫn HS quan sát tranh, thảo luận về nội dung tranh để nói đúng chi tiết chính được thể hiện trong tranh. Từ đó, HS có thể nhớ và nói tiếp những chi tiết khác để hoàn thành nội dung đoạn truyện.

– Chọn lời kể phù hợp với tranh minh họa :

Ví dụ : Bài *Tìm ngọc* (17B) yêu cầu HS chọn lời kể phù hợp với tranh minh họa từng đoạn câu chuyện :

- a) Qua đóp viên ngọc Mèo đội trên đầu...
- b) Chàng trai mua con rắn nước rồi thả rắn đi để cứu rắn thoát chết...
- c) Chó tranh ngậm viên ngọc...
- d) Người thợ kim hoàn đã đánh tráo ngọc quý của chàng trai...
- e) Ở nhà người thợ kim hoàn, Mèo bắt một con chuột đi tìm viên ngọc...
- g) Mèo và Chó mang được ngọc về nhà...



GV có thể hướng dẫn HS thực hiện lần lượt với từng tranh như sau :

+ Lấy tranh 1, quan sát tranh, dựa vào nội dung câu chuyện đã học để nói nội dung tranh 1: *Long Vương tặng cho chàng trai viên ngọc quý để đền ơn chàng đã cứu sống con trai mình.*

+ Đọc các lời kể và chọn lời có nội dung phù hợp với tranh 1. (b. Chàng trai mua con rắn nước rồi thả rắn đi để cứu rắn thoát chết...). Lời kể này ghép với tranh là hơi khó vì nội dung của lời và tranh không trùng khít nhau mà HS phải suy luận mới rõ. Sau khi ghép tranh và lời kể, HS sẽ nhớ các chi tiết còn lại để hoàn thành đoạn truyện : *Xưa có chàng trai thấy một bọn trẻ định giết con rắn nước liền bỏ tiền ra mua, rồi thả rắn đi.*

Không ngờ con rắn ấy là con của Long Vương. Đền ơn chàng trai, Long Vương tặng chàng một viên ngọc quý.

+ Tiếp tục thực hiện với các tranh còn lại.

+ Sau khi chọn và ghép xong toàn bộ tranh với lời, cần rà soát lại một lần nữa để đảm bảo đã hoàn toàn phù hợp.

Có thể thực hiện theo quy trình ngược lại, lấy lần lượt từng lời kể, quan sát tranh để chọn ra một tranh có nội dung phù hợp rồi ghép lời với tranh. Tiếp tục thực hiện với các lời kể còn lại.

– **Sắp xếp lại thứ tự các bức tranh và kể lại**

Ví dụ: Bài 25B yêu cầu HS *cùng nhau sắp xếp thứ tự các tranh và kể lại câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh*. HS sẽ dựa vào nội dung bài đọc vừa học để sắp xếp đúng trật tự các tranh. Sau khi sắp xếp xong các tranh, cả nhóm sẽ theo sự phân công của nhóm trưởng thực hiện kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện.

b) Kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện không có tranh minh họa

– **Kể chuyện theo câu hỏi gợi ý :**

Ví dụ, ở bài *Người thầy cũ* (7B), HS phải thực hiện yêu cầu sau :

- + Câu chuyện *Người thầy cũ* có những nhân vật nào ?
- + Câu chuyện diễn ra vào lúc nào ? Ở đâu ?
- + Chú bộ đội đến trường làm gì ?
- + Cuộc trò chuyện giữa chú bộ đội với thầy giáo cũ diễn ra như thế nào ?
- + Câu chuyện kết thúc ra sao ?

Đây là hoạt động khó vì là hoạt động đầu tiên yêu cầu HS kể chuyện không có tranh minh họa. Mặt khác, các câu hỏi gợi ý lại không được phân theo từng đoạn của câu chuyện. Với yêu cầu này, HS làm việc theo nhóm, mỗi em sẽ trả lời một câu hỏi. Sau khi trả lời xong, lần lượt mỗi em kể một ý, nối tiếp nhau đến hết câu chuyện.

– **Kể chuyện theo dàn ý sơ lược của câu chuyện :**

Ví dụ :

Bài 15B yêu cầu HS kể lại từng đoạn câu chuyện *Hai anh em* theo gợi ý sau :

- a) Mở đầu câu chuyện.
- b) Ý nghĩ và việc làm của người em.

c) Ý nghĩ và việc làm của người anh.

d) Kết thúc câu chuyện.

GV hướng dẫn HS thảo luận, liệt kê các chi tiết trong từng đoạn truyện rồi mới tập kể lại. (Bốn bạn nối tiếp nhau kể theo 4 gợi ý trên.)

c) Kể phân vai diễn lại một đoạn hoặc cả câu chuyện

Yêu cầu hoạt động kể chuyện phân vai đòi hỏi HS phải nhớ vai của mình và lời thoại của nhân vật. GV hướng dẫn HS đọc lại câu chuyện, dùng bút chì đánh dấu lời của người dẫn chuyện hoặc lời của các nhân vật (theo nhiệm vụ được phân công). HS phải tập kể phân vai theo nhóm. Khác với việc đọc phân vai, kể phân vai cần kết hợp với cử chỉ, động tác phù hợp. Điều này tạo nên sự hấp dẫn và sáng tạo của HS.

2.5. Kể lại sự việc đã làm hoặc đã chứng kiến

Khác với yêu cầu kể câu chuyện đã được đọc, được học ở giờ luyện đọc, trong sách HDHTV2 ở rất nhiều bài học còn có yêu cầu HS giới thiệu bản thân và những người xung quanh, nói về những việc đã làm, đã chứng kiến hoặc tham gia, những điều tai nghe, mắt thấy diễn ra xung quanh mình. Loại hoạt động này đòi hỏi HS phải nhớ lại, liệt kê và sắp xếp lại các sự việc, hiện tượng theo một trình tự hợp lí, gây được sự tò mò, cuốn hút người nghe vào các tình tiết của câu chuyện để kể trong nhóm hoặc trước lớp.

Với các nội dung nghe – nói còn mới lạ đối với HS ở một số vùng, miền, GV nên chuẩn bị nhiều tranh ảnh để giúp HS có thêm thông tin về chủ đề và giới hạn những nội dung cần luyện nói. Cần linh hoạt điều chỉnh nội dung cho phù hợp với trải nghiệm của HS địa phương.

Điểm mới và tương đối khó đối với các em khi học kiểu bài kể câu chuyện đã chứng kiến hoặc tham gia là ở chỗ các em phải tìm được “chất liệu” để xây dựng câu chuyện. Các em phải biết lựa chọn trong rất nhiều điều bình thường diễn ra trong đời sống hằng ngày những sự việc nào đó gắn với yêu cầu của chủ điểm để có thể kể lại thành câu chuyện có nhân vật, sự kiện, có diễn biến, có kết thúc... Hoạt động kể chuyện này giúp các em rèn luyện kỹ năng quan sát, bộc lộ thái độ / nhận xét và ghi nhớ các sự việc diễn ra hằng ngày để kể lại một cách trung thực, rõ ràng những điều mắt thấy tai nghe. Điều này giúp các em tích lũy, làm giàu vốn sống cho mình.

Để giúp HS làm tốt yêu cầu kể sự việc đã làm, đã chứng kiến, điều quan trọng là GV phải khuyến khích, động viên HS kể những câu chuyện có thật, dù còn đơn giản, ít tình

tiết, ít sự kiện, ít nhân vật... nhưng đã để lại ấn tượng và được lưu vào trí nhớ, trở thành những trải nghiệm hoặc bài học cho các em. Để HS mạnh dạn chia sẻ những điều mắt thấy tai nghe, những điều các em đã làm, đã nghĩ, những điều khiến các em đã vui hay đã buồn,... đòi hỏi GV phải tạo được không khí học tập cởi mở, thân thiện sao cho việc kể chuyện trở thành nhu cầu, mong muốn giải bày và mong muốn cảm thông, chia sẻ ở các em.

Trong quá trình HS kể chuyện trong nhóm hay trước lớp, GV phải động viên kịp thời, khích lệ những em mạnh dạn, dũng cảm nói ra những việc khiến mình phải băn khoăn, tiếc nuối, phải rút kinh nghiệm trong ứng xử, trong suy nghĩ. Làm được điều này, GV sẽ giúp HS có được giờ học và những bài học thú vị, gắn bó chặt chẽ và có ích đối với cuộc sống của chính các em.

Với các yêu cầu của bài học kể chuyện đã chứng kiến hoặc tham gia nêu trên, để tạo được không khí thực sự cởi mở, thoải mái, để các em hứng khởi chia sẻ những trải nghiệm của mình, GV có thể mời một em mạnh dạn kể trước lớp làm mẫu, thậm chí GV có thể nói với các em về những trải nghiệm của chính mình ở thời thơ ấu, sau đó mới tổ chức cho các em chia sẻ trải nghiệm theo nhóm.

Trong rất nhiều bài học, HS được yêu cầu nói về những sự việc đã làm hoặc đã chứng kiến, bày tỏ, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân với bạn bè. Đây là hoạt động học tập dễ dàng tạo được sự thoải mái, tích cực của HS. Nếu GV biết cách tổ chức, hướng dẫn hợp lí, khoa học sẽ giúp HS có cảm giác đang được chuyện trò, sẻ chia, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm, thái độ đối với sự vật, sự việc, tình huống,... của đời sống hằng ngày. Các em sẽ vượt qua cảm giác đang thực hiện nhiệm vụ bài học. Ví dụ hoạt động sau đây :



Nói về một việc làm tốt của em cho bạn (hoặc của bạn cho em).

(Bài 3B, trang 35, tập 1A)

Hoặc :



Nói với các bạn những việc tốt em đã làm.

Gợi ý :

- Có nhiều điểm 9, 10.
- Thường xuyên thu dọn rác để giữ cho lớp sạch.
- Có việc làm giúp đỡ bạn khó khăn.
- Tích cực tham gia các hoạt động của lớp : hát, kể chuyện vui, đọc thơ,...

(Bài 2B, trang 20, tập 1A)

Ngoài những yêu cầu kể trên lớp những sự việc đã làm hoặc đã chứng kiến, ở Hoạt động ứng dụng, sách *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2* còn có yêu cầu HS kể lại một sự việc / câu chuyện có thật, em được chứng kiến hoặc tham gia cho người thân nghe. Ví dụ : Kể cho người thân nghe chuyện bạn bè của mình ở lớp. (Bài 4A) ; Kể cho người thân nghe về một ngày học vui ở trường. (Bài 6A) ; Kể cho người thân nghe những việc em và các bạn đã làm để giữ cho lớp học luôn sạch đẹp mỗi ngày. (Bài 6B) ; Kể cho người thân nghe về thầy (cô) lớp 1 của em (Bài 8A).

Đây là hoạt động HS thực hiện ở nhà nhưng những hoạt động vận dụng như vậy rất bổ ích, giúp các em học tập qua thực tế và áp dụng linh hoạt những gì đã học vào cuộc sống. Không biến nội dung phần hoạt động ứng dụng thành kiểm tra bài cũ của giờ học sau nhưng bằng những cách thật linh hoạt, nhẹ nhàng như một trò chơi, một sự chia sẻ, GV cần biết được với yêu cầu bài tập cụ thể, HS đã kể cho người thân ở nhà nghe những gì và kể thế nào,... để kịp thời điều chỉnh, hướng dẫn thêm hoặc khen ngợi nêu gương tốt cho HS học tập.

3. Đồ dùng dạy học nghe – nói

Việc dạy học nghe – nói rất cần có sự hỗ trợ của đồ dùng dạy học (ĐDDH), nhất là với HS đầu cấp Tiểu học. Đồ dùng trực quan góp phần tạo được hứng thú học tập của các em. Đồ dùng dạy học luôn cần thiết đối với HS học tiếng Việt nói chung và càng cần thiết hơn đối với HS dân tộc thiểu số (HS DTTS). Đối với các hoạt động kể chuyện, nếu không có đồ dùng trực quan mà chỉ “nghe” thì rất khó để có thể hiểu được nội dung câu chuyện, bởi kỹ năng “nghe” tiếng Việt của các em vẫn còn rất hạn chế. Nếu chỉ “nghe”, khả năng lưu giữ thông tin của các em còn thấp. Nếu HS học tập có sự kết hợp giữa nghe và nhìn thì việc giúp các em hiểu nội dung câu chuyện và kể lại câu chuyện sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

Việc dạy học nghe – nói nên tăng cường sử dụng ĐDDH sau đây :

– Tranh minh họa theo tài liệu (hoặc bộ tranh dạy kể chuyện) theo chương trình môn Tiếng Việt lớp 2.

– Các thẻ chữ, băng chữ, băng gài... để ghi các tình tiết chính, các sự việc chính, các nhân vật chính, thậm chí là ghi các lời thoại của nhân vật trong các câu chuyện HS được nghe kể.

– Vật thật giúp HS hiểu được nghĩa từ ngữ và giúp “tái hiện” những hình ảnh, sự vật, sự việc hay nhân vật trong câu chuyện. *Ví dụ:* 1 chiếc kim khâu, 1 thỏi sắt sử dụng để kể chuyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim*.

– Mô hình các con vật bằng nhựa, gỗ hoặc cao su để sử dụng trong hoạt động kể chuyện.

– Mặt nạ, mũ đội đầu, các thẻ biểu tượng cho các nhân vật, sự vật,... trong câu chuyện (GV hoặc HS tự làm các mặt nạ, con rối đơn giản để sử dụng trong hoạt động kể chuyện trong nhóm, trước lớp). Mặt nạ, mũ đội đầu hay bìa đeo trước ngực (đặc biệt là các con vật) rất có thể mạnh trong hoạt động kể chuyện phân vai. Mũ đội đầu hoặc bìa đeo trước ngực có thể bằng hình ảnh hoặc đơn giản là viết tên nhân vật to, rõ ràng để HS dễ dàng nhận diện nhân vật.

– Con rối : Các con rối nhỏ tự làm để chụp vào bàn tay hoặc ngón tay sẽ giúp hoạt động kể chuyện sinh động và hiệu quả hơn, làm cho HS hứng thú nghe chuyện hơn vì giờ kể chuyện đã có bóng dáng của sân khấu múa rối.

– Tranh tự vẽ, tranh động tự làm là các loại tranh chỉ yêu cầu ở mức độ đơn giản để giúp HS “nhận diện” ra các nhân vật và các sự kiện cơ bản trong câu chuyện.

Việc tăng cường và sử dụng các ĐDDH nêu trên là hết sức linh hoạt. Không nhất thiết bài kể chuyện nào cũng yêu cầu phải sử dụng tất cả các ĐDDH này. Điều quan trọng là khai thác, sử dụng ĐDDH một cách có hiệu quả. Việc chuẩn bị ĐDDH kể chuyện nên có sự tham gia tích cực của HS vì khi HS làm đồ dùng học tập cũng là lúc các em học.

4. Đánh giá kết quả nghe – nói (HS tự kiểm soát kết quả học tập)

Lâu nay, kĩ năng nghe – nói chưa được đánh giá trong các kì kiểm tra, đánh giá định kì (đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì) vì khá tốn nhiều thời gian và nhân lực tham gia đánh giá. Kĩ năng nghe – nói rất quan trọng trong đời sống và trong học tập, cho nên dù chưa có điều kiện tổ chức đánh giá, xếp loại nhưng GV vẫn rất cần có biện pháp đánh giá HS ở kĩ năng này để động viên và hỗ trợ kịp thời. Trước mắt, khi HS thực hành nghe – nói theo hình thức cá nhân hay theo cặp, theo nhóm, GV cần biết quan sát nhanh nhạy và ghi chép cặn kẽ ưu điểm, nhược điểm của từng em để có thể đánh giá quá trình tiến bộ của từng em trong suốt năm học.

Việc HS tự kiểm soát kết quả học tập ở kĩ năng nghe – nói trước mắt sẽ được thực hiện theo nhóm, do nhóm trưởng điều hành chứ không phải từng cá nhân tự đánh dấu tích vào phiếu đánh giá. Việc đánh giá không nên thực hiện sau mỗi hoạt động mà theo nhóm hoạt động có chung lô gô. Ví dụ : Lô gô hoạt động theo nhóm gồm 2 HĐ thì HS trong nhóm phải thực hiện xong 2 hoạt động đó thì nhóm mới tích vào phiếu đánh giá.

Ví dụ : Bài 12B, Lô gô nhóm gồm 2 HĐ (1 và 2), có nghĩa là sau HĐ 1 và 2 thì nhóm mới tích vào phiếu đánh giá. Cụ thể :



1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi :

- a) Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì ?
- b) Bố mẹ của bạn nhỏ làm gì ?

Trong quá trình tổ chức hoạt động nhóm, ví dụ các thành viên trong nhóm phải cùng quan sát và thảo luận để trả lời một câu hỏi, nhóm trưởng sẽ nêu câu hỏi và lần lượt mời từng bạn trong nhóm trả lời. Nếu có bạn nào chưa trả lời được thì mời bạn khác để bạn có

thời gian nghe và tham khảo cách trả lời của các bạn trong nhóm và bạn đó sẽ là người trả lời sau cùng. Hoàn thành HĐ thứ nhất, nhóm trưởng điều hành nhóm chuyển sang thực hiện hoạt động thứ hai (ví dụ : từng thành viên kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện). Sau khi đảm bảo tất cả mọi thành viên trong nhóm đều kể được ít nhất một đoạn câu chuyện thì nhóm mới tích vào phiếu đánh giá cho HĐ 1 và 2. Sau đó, các nhóm hoặc GV mới điều hành HS chuyển sang hoạt động tiếp theo (ví dụ : Thi kể chuyện trước lớp). Khi từng HS lần lượt kể chuyện trong nhóm, trưởng nhóm điều hành các bạn bình chọn người kể chuyện hay nhất để thi kể trước lớp – hoạt động này chính là hoạt động đánh giá. Để HS thực hiện nghiêm túc, khách quan hoạt động đánh giá, GV phải giúp HS xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể. Ví dụ, đối với hoạt động kể chuyện, tiêu chí có thể được nêu trước khi luyện kể chuyện trong nhóm : kể đúng nội dung câu chuyện, giọng kể rõ ràng, mạch lạc, có cảm xúc, ngữ điệu kể tốt.

5. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2

Các hoạt động nghe – nói trong HDHTV2 đều được chỉ rõ về hình thức học tập (hoạt động cá nhân, theo cặp hay theo nhóm/ lớp,...). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các GV cần nghiên cứu kỹ từng hoạt động để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Ví dụ, với nội dung luyện nghe – nói như sau :



3. Từng bạn trong nhóm hãy nói lời an ủi ông (bà) trong mỗi tình huống dưới đây :

- Khi cây hoa quý do ông (bà) trồng bị chết.
- Khi kính đeo mắt của ông (bà) bị vỡ.

Cả nhóm nhận xét câu nói của từng bạn và bình chọn câu nói hay nhất.

(Bài 11C, trang 27, tập 1B)

GV có thể điều chỉnh hoạt động nhóm thành hoạt động cá nhân như sau : *Nếu em là ông (bà) trong những tình huống đó, em muốn nghe câu an ủi nào trong số những câu các bạn em đã nói ?*

Ở một số bài học, việc chỉ dẫn hoạt động chưa thật cụ thể hoặc có độ mở, nếu HS chưa rõ về cách thức thực hiện, GV có thể xác định và giao việc rõ hơn cho HS để thực

hiện. Ví dụ : HĐ cơ bản 2, Bài 14B (HĐ nhóm) : Kể từng đoạn *Câu chuyện bó đũa* theo tranh. Câu chuyện có 5 bức tranh. GV có thể quy định cách thức thực hiện ; hoặc có thể để các nhóm tự xác định một cách thực hiện : mỗi người sẽ lần lượt kể theo 5 bức tranh ; hoặc mỗi người kể 1 bức tranh rồi kể nối tiếp nhau đến hết câu chuyện (nếu nhóm 4 thì sẽ có một người kể 2 bức tranh đầu).

Ở một số bài kể chuyện, GV có thể bổ sung thêm HĐ kể chuyện. Sau HĐ kể từng đoạn câu chuyện, ở một số bài, GV sẽ không thấy HĐ kể chuyện nào khác, như vậy hoặc GV có thể dừng lại để chuyển sang HĐ tiếp theo ; hoặc GV có thể bổ sung HĐ cho HS thi kể chuyện trước lớp và bình chọn HS kể chuyện hay nhất. Có những bài, có thêm HĐ giúp HS nhớ lại những chi tiết quan trọng trong bài. Ví dụ : HĐ cơ bản 2 (Bài 3B) : Dựa vào từng tranh dưới đây để nhớ lại câu chuyện *Bạn của Nai Nhỏ*, sau đó mới thực hiện HĐ cơ bản 3 : Kể chuyện trong nhóm. Nếu có câu chuyện nào khó, dù đã qua HĐ đọc hiểu ở Bài A mà HS vẫn chưa nhớ câu chuyện thì GV có thể bổ sung thêm HĐ : cho HS đọc lại câu chuyện, hoặc đặt một vài câu hỏi giúp các em nhớ lại nội dung câu chuyện.

Đối với hoạt động kể chuyện mang tính củng cố ở cuối giờ học, GV có thể điều chỉnh cách thức HĐ. Ví dụ : Các HĐ thi kể chuyện trước lớp hầu hết là đại diện các nhóm thi kể chuyện trước lớp, chọn đoạn, bắt thăm và kể nối tiếp,... Nếu GV chuẩn bị được ĐDDH, GV hoàn toàn có thể thay đổi hình thức cho HS kể chuyện theo vai như một trò chơi học tập vì HS đã được làm quen với hình thức đóng vai kể chuyện từ lúc học mẫu giáo (5 tuổi). Nếu HS được kể chuyện bằng hình thức đóng vai, các em sẽ rất hào hứng và sáng tạo, đây cũng là môi trường rất tốt giúp trẻ phát triển ngôn ngữ nói và ngữ điệu kể chuyện.

Trong sách không đưa ra HĐ, GV kể chuyện mẫu nhưng thực tế lại rất cần ; HĐ kể chuyện mẫu của GV vừa kết hợp tranh, vừa kết hợp điệu bộ, động tác sẽ rất tốt cho HS nhớ và hiểu sâu câu chuyện, đặc biệt là đối tượng HSĐT.

Để việc dạy nghe – nói thực sự có kết quả, cần đảm bảo một số điều kiện sau đây :

– *Chủ điểm, chủ đề luyện nghe – nói phải phù hợp lứa tuổi HS tiểu học ở mỗi giai đoạn.*

Nội dung của mỗi chủ điểm cần được xem xét hài hoà giữa nhu cầu hiểu biết và tâm sinh lí của HS tiểu học với mong muốn của người lớn. HS chỉ có thể phát huy cao độ khả năng nghe, nói, đọc, viết khi các em được nghe, được nói, được đọc, được viết về những vấn đề các em quan tâm, yêu thích và có nhu cầu tìm hiểu, khám phá. Do vậy, với những chủ điểm chưa thật phù hợp với HS của từng địa phương, GV có thể linh hoạt điều chỉnh cho phù hợp hơn, để HS có thể phát triển được kĩ năng nghe – nói một cách tốt nhất.

– Hình thức tổ chức hoạt động học tập nghe – nói phải linh hoạt.

Để việc rèn luyện kỹ năng nói có hiệu quả, GV nên phân lớp thành các nhóm nhỏ. Sở dĩ như vậy vì HS trong lớp có tính cách khác nhau. Một số em chủ động, tự tin, nhưng lại có những em nhút nhát, e ngại khi phải đứng nói trước lớp. Nên tổ chức các nhóm hay các đội nhỏ để thực hiện những dự án nhỏ của lớp, điều này tạo cơ hội cho các em thiếu tự tin, được thể hiện mình trước số lượng cử tọa nhỏ. Khi các nhóm trình diễn phần của họ, các thành viên trong nhóm đứng cùng với nhau, điều này khiến các em hay xấu hổ sẽ cảm thấy tự tin hơn. Khi HS tham gia vào nhóm hoạt động, GV cần theo dõi sát các em và không bỏ sót em nào khi yêu cầu các em trả lời câu hỏi, chứ không chỉ chú ý đến những HS hay giơ tay. GV cần đảm bảo tạo cơ hội cho tất cả các HS lần lượt được nói trước lớp. Chính vì vậy, việc phân nhóm nhỏ để tập nói là rất cần thiết.

– Phối hợp nhịp nhàng các hoạt động ngoại khoá khác để phát triển kỹ năng nghe – nói.

Việc học hát (hát cá nhân, hát tập thể) rất có ích cho việc phát triển kỹ năng nói. Khi HS tập hát to, ngay cả khi có một mình, các em sẽ vượt qua nỗi e ngại phải nói trước đông người (diễn thuyết). Thực tế cho thấy : khi HS có thể tự tin hát trước người khác, các em cũng sẽ tự tin nói trước đám đông.

– Thường xuyên động viên, khuyến khích HS tham gia phát biểu ý kiến trong học tập, trong giao tiếp hằng ngày.

Cần nhắc đi nhắc lại với HS là việc mắc lỗi là điều hoàn toàn bình thường. Để chứng minh điều này, GV cần thỉnh thoảng “mắc lỗi” và cho HS chỉ ra các lỗi của thầy cô. Khi đó các em sẽ rất thoải mái, vì “ngay cả thầy/cô cũng mắc lỗi!”. Khi HS cảm thấy an toàn, các em sẽ sẵn sàng thể hiện mình. Hãy luôn luôn khuyến khích HS, không cười nhạo các em, dù các em có mắc lỗi như thế nào. Khi HS biết rằng mình có thể mắc lỗi và không bị chê cười, các em sẽ trở nên tự tin và thoải mái diễn thuyết. Nên dùng những từ ngữ tích cực để động viên khuyến khích HS và truyền cảm hứng cho các em để thường xuyên vun đắp sự tự tin ở các em. Hãy nói với HS : “Em có thể làm điều đó”, “Thầy/cô rất tự hào về em”, “Em thật là thông minh”, “Thầy cô rất vui khi em tiến bộ nhanh”,... Khi HS nhận thấy cha mẹ, thầy cô hạnh phúc và tự hào về khả năng trình bày ý kiến / thuyết trình / trao đổi / tranh luận của các em, các em sẽ phát triển vượt trội. Học sinh thích được cha mẹ tán đồng và ủng hộ khi chúng thực hiện công việc nào đó. Nếu GV cảm thấy cần phải phê bình, góp ý cho những hạn chế của HS, hãy sử dụng các từ ngữ tích cực để HS không bị thất vọng, mất tự tin. GV cần đào tạo HS trong lớp là những

cử tọa có thái độ thân thiện, thiện chí. Khi được thầy cô và bè bạn luôn tỏ thái độ tin tưởng sẽ khiến HS có thể làm được các yêu cầu của bài học nghe – nói. Tuy nhiên cần chú ý là tránh cường điệu hoá những lời động viên. Nói với HS rằng các em / em là “tốt nhất” hoặc là “thần đồng” có thể gây ra áp lực lớn cho trẻ và gây phản tác dụng.

– *Khuyến khích phụ huynh HS giúp con em mình phát triển kỹ năng nghe – nói.*

HS có thể tập diễn thuyết trong gia đình trước khi diễn thuyết trước đám đông xa lạ. Bài diễn thuyết có thể rất đơn giản, chẳng hạn giới thiệu về một đồ chơi mới, nêu cách thức hoạt động của một đồ chơi,... Mục đích là giúp các em tập trình bày ý kiến trước mọi người. Có thể cả gia đình tập trung quanh bàn ăn và chú ý nghe con em mình trình bày. Có thể cho HS tập nói trước một cái gương lớn, và chuẩn bị ý chính trên những mảnh giấy nhỏ. Buổi trình bày kéo dài khoảng vài phút, và phải chứng tỏ được trẻ thực sự nắm được hoạt động này. Sau khi trẻ diễn thuyết, người nghe có thể đặt câu hỏi, tranh luận.

6. Tài liệu tham khảo hỗ trợ GV dạy học nghe – nói

GV có thể tham khảo các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực của người học qua một số tài liệu, như :

- *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học* – Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên). Dự án Việt – Bỉ, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- *Dạy và học tích cực (Plan)*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Phương pháp dạy học các môn học ở Tiểu học*, NXB Giáo dục, 2007.
- *Tăng cường tiếng Việt* (Dự án PEDC).
- Bộ băng hình minh họa dạy học tăng cường tiếng Việt (phần dạy Kể chuyện) của Dự án PEDC, Tổ chức Plan.
- Tài liệu tập huấn dạy học theo mô hình Trường học mới Việt Nam (lớp 2).
- Giới thiệu về ESCUELA NUEVA (Tài liệu tập huấn giáo viên).
-

7. Bài soạn

Dưới đây là gợi ý một cách tổ chức hoạt động nghe – nói cho HS lớp 2 (Bài 11C).



4. Tập đóng kịch.

- *Tình huống* : Ông em (hoặc bà em) bị mệt. Em hãy nói lời động viên thể hiện sự quan tâm của mình.
- *Phân vai* : 1 bạn đóng vai ông (hoặc bà) ; 2 bạn đóng vai cháu.
- *Tập diễn trong nhóm* :
 - + Ông (hoặc bà) làm điệu bộ thể hiện vẻ ốm, mệt.
 - + Từng cháu đến bên ông (hoặc bà) nói 2 – 3 câu tỏ rõ sự quan tâm ; ông (hoặc bà) tỏ vẻ đỡ mệt mỗi khi được các cháu quan tâm.
- *Trình diễn trước lớp*.



(Bài 11C)

7.1. Xác định mục tiêu của hoạt động

Hoạt động học tập trên đây nhằm đáp ứng mục tiêu của bài học đề ra trong HDHTV2 là : *Nói lời chia buồn, an ủi.*

7.2. Chuẩn bị

a) Về đồ dùng dạy học

GV và HS cần :

– Chuẩn bị những tình huống nói lời an ủi người ốm (có thực trong đời sống hằng ngày hoặc trong sách, truyện).

...

– Các nhóm chuẩn bị đồ dùng / trang phục... để đóng kịch. Ví dụ :

+ Trang phục cho vai diễn ông (bà) bị ốm : khăn / mũ / áo / chăn... của người già.

+ Vai cháu : chén / bát để kết hợp mang nước /thuốc cho ông (bà) uống... hoặc sách, truyện để đọc cho ông (bà) vui,...

b) Hội ý với các nhóm trưởng

GV cần giúp các nhóm trưởng hiểu nhiệm vụ của nhóm (3 HS/nhóm) :

– Phân vai cho từng thành viên trong nhóm (1 bạn đóng vai ông hoặc bà, 2 bạn đóng vai cháu).

– Giúp các thành viên trong nhóm xác định nhiệm vụ của mình : đóng đúng vai được phân công và theo sách hướng dẫn :

+ Ông (bà) làm điệu bộ thể hiện về ốm, mệt.

+ Từng cháu đến bên ông (bà) nói 2 – 3 câu tỏ rõ sự quan tâm ; ông (bà) tỏ vẻ đỡ mệt mỗi khi được các cháu quan tâm và nói lời cảm ơn hoặc có cử chỉ / điệu bộ / lời nói thể hiện sự hài lòng, cảm động.

– Điều hành nhóm thực hiện hoạt động học theo 2 bước :

+ Bước 1 : Tổ chức cả nhóm tập đóng kịch (từng thành viên tạo lập lời thoại và tập nói lời thoại mình dự định nói (lời an ủi / lời cảm ơn...) ; các thành viên khác đóng góp ý kiến).

+ Bước 2 : Diễn kịch trong nhóm có sử dụng trang phục / phụ kiện đã chuẩn bị.

7.3. Gợi ý các bước tổ chức hoạt động học của HS

Theo yêu cầu bài học và hướng dẫn thực hiện hoạt động nêu trong *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2*, GV có thể tổ chức hoạt động học theo các bước sau đây :

a) Tạo hứng thú học tập và nhu cầu nghe – nói

GV hoặc đại diện từng nhóm giới thiệu những tình huống mình đã nói lời động viên an ủi người ốm.

b) *Tổ chức HS làm việc theo nhóm*

GV nêu yêu cầu chung trước lớp :

- Từng em đọc yêu cầu của hoạt động nêu trong HDHTV2.
- Lấy trang phục, phụ kiện đã chuẩn bị.
- Nhóm trưởng điều hành nhóm (như GV đã hội ý và giao việc).

GV có thể nhắc các nhóm :

- + Mỗi em có thể có những sáng tạo riêng khi đóng vai được phân công (cách biểu hiện dáng vẻ, giọng nói của người ốm, mệt ; cách nói lời an ủi và sử dụng các phụ kiện đi kèm).
- + Cả nhóm bàn nhau cách phối nhịp nhàng giữa các vai trong tình huống.

c) *Hướng dẫn các nhóm diễn kịch trước lớp*

GV có thể có nhiều cách tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc nhóm.

Ví dụ :

- Tạo không gian lớp học như sân khấu kịch.
- Mời một số nhóm lên đóng.
- Cả lớp nhận xét, góp ý.
- ...

Lưu ý :

GV có thể cho cả lớp nhận xét các nhóm theo tiêu chí :

- Biết nói lời an ủi.
- Biết thể hiện nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, cảm xúc kết hợp với lời an ủi.

d) Trong quá trình HS làm việc, GV đến từng nhóm / quan sát từng nhóm để xác nhận kết quả học tập của từng nhóm / từng em trong lớp.

D – DẠY HỌC KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

1. Nội dung dạy học và chuẩn kiến thức tiếng Việt ở lớp 2

Kiến thức tiếng Việt được học ở lớp 2 bao gồm kiến thức về ngữ âm – chữ viết, từ vựng và ngữ pháp nhưng chủ yếu là từ vựng và ngữ pháp. Chúng có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau.

1) Ngữ âm và chữ viết

Thuộc bảng chữ cái. Biết xếp tên người, tên sách, truyện theo thứ tự chữ cái mở đầu.

Biết mẫu chữ cái viết hoa.

– Tên riêng và cách viết tên riêng : *Biết viết hoa chữ đầu câu và viết hoa tên riêng Việt Nam.*

2) Từ vựng

– *HS hiểu nghĩa các từ ngữ chỉ một số sự vật, hoạt động, tính chất thông thường ; các số đếm tự nhiên dưới 1000 ; một số thành ngữ, tục ngữ dễ hiểu.*

– *HS bước đầu nhận biết các từ có quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa (chỉ yêu cầu HS tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa của các từ quen thuộc).*

– *Bước đầu nhận biết các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất.*

– *Chuẩn từ ngữ lớp 2 :*

Học sinh học thêm khoảng 300 – 350 từ ngữ (kể cả thành ngữ, tục ngữ quen thuộc và nghĩa một số yếu tố gốc Hán thông dụng) thuộc những chủ đề gần với lứa tuổi như :

1) Học tập, 2) Ngày, tháng, năm, 3) Đồ dùng học tập, 4) Môn học, 5) Họ hàng, 6) Đồ dùng và công việc trong nhà, 7) Tình cảm, 8) Công việc gia đình, 9) Tình cảm gia đình, 10) Vật nuôi (2 bài), 11) Các mùa, 12) Thời tiết, 13) Chim chóc, 14) Loài chim, 15) Muông thú, 16) Loài thú, 17) Sông biển (2 bài), 18) Cây cối (2 bài), 19) Bác Hồ (2 bài), 20) Nghề nghiệp (2 bài).

Ngoài ra còn có các chủ đề mở rộng vốn từ theo ý nghĩa khái quát của từ (từ loại) ở các bài như Từ chỉ sự vật, Từ chỉ hoạt động, Từ chỉ hoạt động, trạng thái, Từ chỉ đặc điểm, Từ chỉ tính chất và một bài về lớp từ : Từ trái nghĩa.

3) Ngữ pháp

– Nhận biết từ.

– Nhận biết câu trong đoạn ; nhận biết kiểu câu kể (nhận biết các mô hình câu kể : *Ai là gì ? , Ai làm gì ? , Ai thế nào ?*), câu hỏi, câu khẳng định, câu phủ định.

Cấu tạo câu (thành phần câu) : Đặt và trả lời câu hỏi “Khi nào ?”, Đặt và trả lời câu hỏi “Ở đâu ?”, Đặt và trả lời câu hỏi “Như thế nào ?”, Đặt và trả lời câu hỏi “Vì sao ?”, Đặt và trả lời câu hỏi “Để làm gì ?”.

– Bước đầu biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy. (Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy vào đoạn văn đã lược bỏ một hoặc hai loại dấu câu.)

2. Phương pháp dạy học kiến thức tiếng Việt cho HS lớp 2

Ở lớp 2, kiến thức về từ và câu không có bài học riêng, chúng được tìm hiểu khi HS thực hiện các bài tập được tổ chức thông qua các hoạt động.

Trong *Hướng dẫn học Tiếng Việt 2*, nội dung dạy học từ và câu được thực hiện ở nhóm bài A và nhóm bài B trong cả 3 hoạt động : hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng.

1) Hoạt động cơ bản

Ở *Hoạt động cơ bản*, kiến thức về từ và câu có thể là nội dung để tổ chức *hoạt động khởi động*. Đây là hoạt động nhằm định hướng sự chú ý của HS vào nội dung bài học bằng sự hứng thú, sự tò mò của HS đối với nội dung học tập mới. Khởi động tốt sẽ tạo được hứng thú học của HS đối với nội dung của bài học, tạo được cơ hội để HS bộc lộ, chia sẻ kiến thức hoặc kinh nghiệm liên quan đến kiến thức sắp học trong bài.

Ví dụ : **Hoạt động cơ bản 1, Bài 7A, trang 87 :**

a) Xem 4 bức tranh sau :

b) Kể cho nhau nghe về mỗi bức tranh theo gợi ý sau :

– Bức tranh có những ai ?

– Những người trong tranh đang làm gì ?

Đây là một hoạt động luyện nói nhưng chứa nội dung về từ – từ chỉ hoạt động và nội dung về câu – mẫu câu *Ai làm gì ?*.

2) Hoạt động thực hành

Kiến thức tiếng Việt được hình thành chủ yếu ở *Hoạt động thực hành (thực hành luyện từ và câu)*, mỗi bài thường có 2 hoạt động.

Để thực hiện hoạt động thực hành, cần phải làm các việc sau :

– *Xác định Mục tiêu của HĐ.*

– *Chuẩn bị đồ dùng dạy học, chuẩn bị thêm tư liệu cho HĐ.*

– *Hướng dẫn thực hiện HĐ, phân tích M (nếu cần).*

– *Kiểm soát quá trình thực hiện của HS. Cách ghi vào phiếu giao việc, cách GV kiểm soát và chỉ dẫn HS kiểm soát HĐ, trình bày kết quả HĐ và cách đánh giá HĐ.*

Sau đây là một số ví dụ về cách thức thực hiện *Hoạt động thực hành* :

Ví dụ 1: Hoạt động thực hành 3, Bài 1A, trang 6, 7 (hoạt động cá nhân) :

Em hãy chọn tên gọi cho mỗi người, mỗi vật, mỗi việc (có 8 bức tranh và 8 từ).

1. *Mục tiêu* : HS có biểu tượng về từ bằng cách xác lập được sự tương ứng giữa tên gọi và tranh vẽ đại diện cho nghĩa của từ.

2. *Chuẩn bị* : Vở ô li hoặc phiếu bài tập.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : HS làm việc cá nhân, viết lời giải vào vở theo mẫu : 3) hoa hồng, 7) trường.

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) *Đáp án* :

1) học sinh, 2) chạy, 3) hoa hồng, 4) xe đạp, 5) nhà, 6) cô giáo, 7) trường, 8) múa.

(b) *Cách đánh giá kết quả hoạt động* :

– HS kiểm tra bài làm của bạn trong vở. Cô giáo kiểm tra bài làm của một số HS.

– Có thể cho 1 – 2 HS lên bảng, chép kết quả bài làm của mình.

Ví dụ 2 : Hoạt động thực hành 5, Bài 2A, trang 19 (hoạt động nhóm) :

Xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết các câu đó vào vở :

a) thích / bạn Hoa / vẽ / học

b) giúp em / giải / Hùng / bài toán khó

1. *Mục tiêu* : HS biết xếp các thành phần câu đã cho theo đúng trật tự để tạo câu.

2. *Chuẩn bị* : Vở ô li, bảng nhóm.

(Nếu có điều kiện, chuẩn bị với mỗi câu có 4 tấm thẻ viết sẵn các từ ngữ để HS lên bảng thi ghép tạo câu.)

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : HS thảo luận nhóm, nói từng câu tạo được. Nói xong mỗi câu, cá nhân chép vào vở.

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) Đáp án :

a) *Hoa thích học vẽ.*

b) *Hùng giúp em giải bài toán khó.*

(b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

HS kiểm tra bài làm của bạn trong vở. Cô giáo kiểm tra bài làm của một số HS.

(Nếu còn thời gian cho 1 – 2 HS, mỗi em viết một câu lên bảng hoặc cho 2 nhóm cử đại diện lên thi xếp các tấm bìa đã ghi từ ngữ để tạo câu. Nhóm nào xếp đúng và nhanh hơn thì thắng cuộc.)

Ví dụ 3 : Hoạt động thực hành 6, Bài 2A, trang 19 (hoạt động nhóm) :

Chọn một dòng ở ô bên phải ghép vào từng chỗ trống ở bên trái để tạo thành câu hỏi.

a) Bạn hát hay nhất lớp ta ...

b) Cái chổi làm ...

c) Lúa trồng ...

d) Khi gặp mưa to trên đường, bạn cần ...

bằng gì ?

là gì ?

làm gì ?

ở đâu ?

1. *Mục tiêu* : HS nhận ra sự tương thích về nghĩa của các bộ phận câu bằng cách đối chiếu cặp đôi.

2. *Chuẩn bị* : (Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị 4 tấm bìa viết sẵn 4 dòng ở ô bên phải để HS lên bảng ghép vào từng chỗ trống (đã được GV viết sẵn trên bảng lớp) để tạo thành 4 câu hỏi.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : HS thảo luận nhóm, với mỗi dòng bên trái, tìm từ ngữ "đề hỏi" thích hợp ghép vào, đọc từng câu hỏi tạo được. Lưu ý : Bài tập đối chiếu cặp đôi nhằm tạo thành 4 câu hỏi nên một vế bên trái nếu có thể ghép được với nhiều dòng ở vế bên phải thì chỉ chọn một dòng sao cho phần còn lại có thể tạo thành 3 câu hỏi.

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) Đáp án :

a) *Bạn hát hay nhất lớp ta là ai ?*

b) *Cái chổi làm bằng gì ?*

c) *Lúa trồng ở đâu ?*

d) *Khi gặp mưa to trên đường, bạn cần làm gì ?*

(Có vẻ trái có thể đặt nhiều câu hỏi đúng nhưng vì phải tạo thành 4 câu nên kết quả như đã nêu.)

(b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

Từng HS nói to câu hỏi tạo được trong nhóm. HS trong nhóm có thể kiểm tra kết quả hoạt động này trong vở là kết quả của hoạt động sau (Hoạt động thực hành 7 : *Viết 2 câu hỏi đã ghép được ở hoạt động 6 vào vở*). Ở lớp khá, có thể cho 1 HS chép một câu hỏi tạo được lên bảng lớp.

Ví dụ 4 : Hoạt động thực hành 4, Bài 3B, trang 37 (hoạt động chung cả lớp) :

Chơi trò Ghép câu.

Chia lớp làm 2 đội : 1 đội nêu bộ phận câu thứ nhất (Ai / cái gì / con gì ?), 1 đội nêu bộ phận câu thứ hai (là gì ?) ; sau đó đổi vai.

1. *Mục tiêu* : HS nhận ra sự tương thích giữa hai thành phần chủ ngữ (CN) và vị ngữ (VN) của câu bằng cách đối chiếu cặp đôi.

2. *Chuẩn bị* : Chia lớp thành các đội chơi, mỗi đội là một nhóm, mỗi lần chơi có hai nhóm tham gia.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* : GV làm chủ trò, chỉ vào đội nào, đội đó sẽ nêu một từ ngữ chỉ người (chỉ đồ vật, chỉ con vật). Đội thứ hai sẽ phải nói ngay bộ phận vị ngữ *là gì ?* phù hợp với đối tượng vừa nêu. Tiếp theo, GV lại chỉ vào đội thứ hai, đội này lại phải nêu một từ ngữ chỉ người (chỉ đồ vật, chỉ con vật). Đội thứ nhất lại phải nói ngay bộ phận vị ngữ *là gì ?*. Cứ tiếp tục như thế, đội nào không nói được ngay thì thua cuộc.

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) **Đáp án** :

VD : Cô giáo – là người mẹ hiền.

Học sinh – là người đang đi học.

Cái cốc – là vật để uống nước.

Cái chổi – là dụng cụ để quét nhà.

Con vịt – là con vật kêu cạc cạc.

(Chú ý : Câu tạo được phải đúng mẫu câu *Ai là gì ?* và có sự tương hợp giữa chủ ngữ và vị ngữ.)

(b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

Cả lớp cùng làm trọng tài cho hai đội chơi. Khi thấy đội nào không nói được thì cùng hô “Thua” và cô giáo sẽ công bố kết quả.

Ví dụ 5 : Hoạt động thực hành 1, Bài 4A, trang 46, 47 (hoạt động nhóm) :

Thi tìm từ chỉ sự vật.

1. *Mục tiêu* : HS tìm nhanh được các tiểu loại của từ chỉ sự vật : từ chỉ người, chỉ đồ vật, chỉ con vật, chỉ cây cối.

2. *Chuẩn bị* : Tờ giấy khổ to kẻ sẵn thành ô như sách đã chỉ dẫn hoặc mỗi nhóm có 4 tờ giấy A4 cho 4 em trong nhóm.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

Cách 1 : Thực hiện như chỉ dẫn ở sách : 4 HS ghi vào 4 góc giấy ; sau đó từng em đọc cho một bạn chép lại vào giữa tờ giấy ; hết thời gian sẽ treo kết quả của nhóm lên ; đếm tổng các từ của nhóm tạo được rồi ghi vào vào ô giữa.

Cách 2 : Mỗi nhóm treo kết quả của 4 bạn lên và ghi tổng số từ của nhóm mình.

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) Đáp án :

VD :

Nhóm từ chỉ người : *bố, mẹ, ông, bà, cô, chú, cô giáo, em bé,...*

Nhóm từ chỉ đồ vật : *bàn, ghế, giường, tủ, chăn, màn,...*

Nhóm từ chỉ con vật : *gà, vịt, ngan, ngỗng, mèo, trâu, bò,...*

Nhóm từ chỉ cây cối : *cam, bưởi, xoài, vải, chuối, chanh,...*

(Vì kết quả tính theo từ (GV phải nói rõ trước) nên HS tìm từ đơn sẽ được lợi hơn.)

(b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

Nhóm nào ghi đúng và nhiều từ hơn thì thắng cuộc.

Ví dụ 6 : Hoạt động thực hành 3, Bài 7A, trang 91 (hoạt động cá nhân) :

Các tranh dưới đây vẽ một số hoạt động của người.

a) Quan sát các bức tranh và tìm từ chỉ mỗi hoạt động rồi ghi vào vở.

b) Kể lại nội dung mỗi tranh trên bằng một câu.

M : Em đang đọc sách.

1. *Mục tiêu* : HS tìm được từ chỉ hoạt động dựa vào tranh vẽ, nói được câu theo mẫu *Ai làm gì ?*.

2. *Chuẩn bị* : Có thể phóng to 4 bức tranh trong sách.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

a) – HS làm việc cá nhân, xem các tranh vẽ một số hoạt động của người.

– Tìm từ chỉ hoạt động của người và ghi vào vở.

b) *Hiểu yêu cầu* : Kể nội dung mỗi tranh bằng một câu có dùng từ chỉ hoạt động.

– HS xem lại tranh, tập đặt câu (làm miệng) theo M / hoặc viết vào vở nháp để trao đổi.

– Nêu kết quả (mỗi em kể lại nội dung một tranh bằng một câu) ; hoặc GV cho một vài HS giỏi đọc câu đã đặt.

– Nhận xét câu do HS đặt (có thể chọn câu hay để ghi bảng cho cả lớp đọc lại).

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) *Đáp án* :

a) *Tìm từ chỉ hoạt động của người.*

– Tranh 1 : đọc (đọc sách, xem sách)

– Tranh 2 : viết (viết bài, làm bài)

– Tranh 3 : nghe (nghe bố nói), giảng giải, chỉ bảo

– Tranh 4 : nói (trò chuyện, kể chuyện...)

b) *Kể lại nội dung tranh bằng một câu.*

– Tranh 1 : Bạn gái đang chăm chú đọc sách. (hoặc : Bạn nhỏ đang xem sách.)

– Tranh 2 : Bạn trai đang viết bài. (hoặc : Bạn Hòa đang viết bài ; Cậu bé đang chăm chú làm bài tập.)

– Tranh 3 : Bạn HS đang nghe bố giảng giải. (hoặc : Bố đang giảng giải cho con gái hiểu.)

– Tranh 4 : Hai bạn gái đang trò chuyện vui vẻ. (hoặc : Hoa và Huệ đang nói chuyện rất vui vẻ ; Hai bạn HS đang chuyện trò với nhau.)

(b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

– Nêu kết quả (mỗi em kể lại nội dung một tranh bằng một câu) ; hoặc một vài HS giỏi đọc câu đã đặt.

– Nhận xét câu do HS đặt (có thể chọn câu hay để ghi bảng cho cả lớp đọc lại.)

Ví dụ 7 : Hoạt động thực hành 4, Bài 7A, trang 91 (hoạt động cá nhân) :

Chọn từ nào trong ngoặc để điền vào chỗ trống ? Viết từ đã điền vào vở.

1. *Mục tiêu* : HS biết kết hợp từ theo hàng ngang để chọn được từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo câu.

2. *Chuẩn bị* : Có thể chép sẵn bài tập 4 lên bảng lớp và có 3 tấm bìa ghi sẵn 3 từ đã cho.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

– HS làm việc cá nhân.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập : *Chọn từ chỉ hoạt động thích hợp với mỗi chỗ trống trong câu. HS ghi từ cần điền ở từng câu (a, b, c) vào vở nháp (hoặc bảng con) như sau : a. dạy, b. giảng bài, c. khuyên.*

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) Đáp án :

a) dạy, b) giảng bài, c) khuyên

(b) Cách đánh giá kết quả hoạt động :

– HS kiểm tra bài của nhau, GV kiểm tra bài của một số HS.

– Mời một số HS nêu kết quả (đọc từ cần điền và câu văn đã điền từ).

– Nhận xét, chữa bài trên bảng phụ và cho HS đọc lại từng câu.

*a) Cô Tuyết Mai **dạy** môn Tiếng Việt.*

*b) Cô **giảng** bài rất dễ hiểu.*

*c) Cô **khuyên** chúng em chăm học.*

(Có thể cho 3 HS, mỗi em lấy một tấm bìa (đã ghi sẵn từ) ghép vào chỗ trống của câu (đã được chép sẵn trên bảng) cho thích hợp. Cả lớp nhận xét kết quả.)

Ví dụ 8 : Hoạt động thực hành 1, Bài 7B, trang 94 (hoạt động nhóm) :

Hãy kể tên các môn em học ở lớp 2.

1. *Mục tiêu* : HS biết tên các môn học.

2. *Chuẩn bị* : Bảng nhóm hoặc giấy khổ to, giấy A4.

3. *Cách thức tổ chức và kiểm soát hoạt động* :

Tổ chức hoạt động dưới dạng trò chơi thi tìm nhanh.

– HS làm việc nhóm.

– Xác định yêu cầu của bài tập (đọc HDH, nêu yêu cầu của bài tập : *Kể tên các môn học ở lớp 2.*)

– Từng HS ghi *tên các môn học* vào vở nháp hoặc đọc tên các môn học ở lớp 2, cả nhóm bổ sung cho nhau.

– Ghi tên các môn học tìm được vào bảng nhóm hoặc tờ giấy đã chuẩn bị.

4. *Sản phẩm của hoạt động* :

(a) *Đáp án* :

– Tên các môn học chính thức : *Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thủ công, Thể dục.*

– Tên các môn học tự chọn (tùy theo lớp) : *Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp,...), Tin học.*

(b) *Cách đánh giá kết quả hoạt động* :

– Xem bảng nhóm hoặc tờ giấy ghi kết quả chung của cả nhóm.

– Nhóm nào hoàn thành tốt nhiệm vụ trước thì thắng cuộc.

(Nếu HS nêu tên môn *Nghệ thuật*, GV cần giải thích : *Hiện nay ở lớp 2 là ba môn Mĩ thuật, Âm nhạc và Thủ công.*)

3) Hoạt động ứng dụng

Thực hành luyện từ và câu có thể là nội dung để tổ chức *Hoạt động ứng dụng* cho mỗi bài. Ví dụ :

– Hoạt động ứng dụng Bài 3A, trang 34 : **Viết tên các đồ vật trong nhà hoặc tên các loại cây trong vườn.**

– Hoạt động ứng dụng 2, Bài 8C, trang 115 : **Cùng người thân chơi trò thi tìm các từ chỉ hoạt động nấu ăn.**

3. Đánh giá kết quả học kiến thức tiếng Việt

Hoạt động đánh giá kết quả học kiến thức tiếng Việt được thực hiện thường xuyên trong mỗi bài học. Hình thức hoạt động đánh giá chủ yếu là dạng HS tự đánh giá bằng các kiểu hoạt động sau :

- HS báo cáo kết quả cá nhân hoặc kết quả của nhóm, các HS khác nhận xét.
- HS tham gia trò chơi ; các HS khác, GV cùng xác nhận kết quả đúng và đội chơi giành phần thắng.
- HS thực hiện bài tập trên phiếu học tập, đổi bài để bạn nhận xét kết quả.

4. Đồ dùng dạy học kiến thức tiếng Việt ở lớp 2

Đồ dùng dạy học cho nội dung kiến thức tiếng Việt ở lớp 2 gồm phiếu học tập, thẻ từ, thẻ câu, một số bức tranh, vật thật, vật thay thế, bảng cài, từ điển HS, sổ tay từ ngữ, sổ tay ngữ pháp dành cho HS tiểu học,...

5. Đáp án của hoạt động luyện từ và câu

1. Hoạt động thực hành 4, Bài 1A (trang 7)

Từ chỉ đồ dùng học tập : *bút, cặp sách, vở, bảng, mực,...*

Từ chỉ hoạt động của HS : *đọc, hát, viết, vẽ, múa, hỏi,...*

Từ chỉ tính nết của HS : *chăm, ngoan, chăm chỉ, tinh nghịch, thông minh,...*

2. Hoạt động thực hành 4, Bài 2A (trang 18)

Các từ ngữ tạo được : *học viết, học bài, học toán, học đọc, tập vẽ, tập võ, tập đọc.*
(Lưu ý : Nếu HS ghép *tập toán*, GV nói thêm *tập toán* là tiếng Nam Bộ để chỉ quyển vở toán, không chỉ hoạt động học tập.)

3. Hoạt động thực hành 2, Bài 3A (trang 33)

Viết vào vở các từ ngữ : 2 – công nhân (cô công nhân), 3 – ô tô (cái ô tô), 4 – máy bay (chiếc máy bay), 5 – voi (con voi), 6 – trâu (con trâu), 7 – dứa (cây dứa), 8 – mía (cây mía).

4. Hoạt động thực hành 3, Bài 3A (trang 34)

Viết tên 3 con vật, 3 đồ vật, 3 loại cây.

– Cột chỉ con vật có thể ghi 3 trong các từ : *chim sẻ, mèo, chó, gà, vịt, ngan, ngỗng, trâu, bò, lợn, bò cạp, hoạ mi, cá, công, cáo,...*

– Cột chỉ đồ vật có thể ghi 3 trong các từ : *ghế, bàn, tủ, giường, giá sách, hòm, bảng, bút, vở, phấn, sách, quần áo, nồi, bát,...*

– Cột chỉ cây cối có thể ghi 3 trong các từ : *xoài, na, mít, ổi, đu đủ, sầu riêng, chôm chôm, măng cầu, vú sữa, cà phê, tiêu,...*

5. Hoạt động ứng dụng 2, Bài 4A (trang 47)

Cần hiểu kể tên các con vật nuôi trong nhà là các con vật nuôi trong gia đình, Ví dụ : *mèo, chó, gà, vịt, ngan, ngỗng, trâu, bò, lợn, dê, bồ câu, vẹt, sáo, cá cảnh.*

6. Hoạt động thực hành 2, Bài 4B (trang 49)

Hôm nay là thứ mấy ? – Hôm nay là thứ sáu.

Hôm nay là ngày mấy ? – Hôm nay là ngày mùng sáu.

Bạn sinh nhật ngày nào ? – Mình sinh nhật ngày 30 tháng ba.

7. Hoạt động thực hành 5, Bài 5A (trang 61)

Đặt câu theo mẫu *Ai là gì ?*

– Dựa vào câu mẫu trong sách để đặt câu giới thiệu trường học, môn học yêu thích, giới thiệu làng (xóm, bản, phố,...)

– Ví dụ :

a) + Trường em là Trường Tiểu học Võ Thị Sáu.

+ Trường em là một ngôi trường nhỏ nằm bên đường quốc lộ.

b) + Tiếng Việt là môn học em yêu thích nhất.

+ Môn học em yêu thích nhất là môn Toán.

c) + Làng em là làng Hạ.

+ Xóm em là xóm đoạt giải nhất trong phong trào trồng cây.

8. Hoạt động thực hành 1, Bài 5B (trang 64)

Cách viết các từ ở nhóm 1 và nhóm 2 khác nhau thế nào ?

+ Các từ ở nhóm 1 (*sông, núi, thành phố, học sinh*) là tên chung không viết hoa.

+ Các từ ở nhóm 2 là tên riêng của một dòng sông, một ngọn núi, một thành phố, một người (Cửu Long, Ba Vì, Huế, Trần Thanh Bình). Những tên riêng đó phải viết hoa.

9. Hoạt động thực hành 3, Bài 5C (trang 69)

Viết đúng chính tả, viết hoa chữ cái đầu của mỗi chữ tạo thành tên người, tên sông, tên núi.

Ví dụ :

a) Tên 2 bạn : Ngô Việt Anh, Trịnh Hồng Hạnh.

b) Tên sông : Tô Lịch (Trà Khúc, Cửu Long,...) ; tên hồ : Hoàn Kiếm (Ba Bể, Tơ-nưng,...) ; tên núi : Hoàng Liên Sơn (Ngự Bình, Bà Đen,...).

10. Hoạt động thực hành 4, Bài 6A (trang 76)

Các đồ dùng học tập được vẽ ẩn trong tranh và công dụng của chúng :

Trong tranh có 4 quyển vở (vở để ghi bài) ; 3 chiếc cặp (cặp để đựng sách, vở, bút, thước,...) ; 2 lọ mực (mực dùng để viết) ; 2 bút chì (bút chì dùng để viết) ; 1 thước kẻ (dùng để đo và kẻ đường thẳng) ; 1 ê ke (ê ke dùng để đo và để kẻ đường thẳng, kẻ các góc) ; 1 compa (dùng để vẽ vòng tròn).

HS không nhất thiết phải kẻ hết.

11. Hoạt động thực hành 3, Bài 6B (trang 80)

Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm

Dựa vào các câu mẫu trong sách, đặt câu hỏi cho các bộ phận in đậm trong 3 câu đã cho (*Em, Lan, là Tiếng Việt*).

+ Ai là học sinh lớp 2 ?

+ Ai là học sinh giỏi nhất lớp ?

+ Môn học em yêu thích là gì ?

12. Hoạt động thực hành 4, Bài 8A (trang 104)

Từ chỉ hoạt động, trạng thái : a) ăn ; b) uống ; c) toả.

13. Hoạt động thực hành 5, Bài 8A (trang 105)

Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp :

a) Lớp em học tập tốt, lao động tốt.

b) Cô giáo chúng em rất yêu thương, quý mến học sinh.

c) Chúng em luôn kính trọng, biết ơn các thầy giáo, cô giáo.

14. Hoạt động cơ bản 1, Bài 8B (trang 106)

Có thể làm động tác để mô tả các hoạt động : chào (giơ tay lên đầu), khóc, cười, chạy, hát, nhảy dây, tập thể dục, đọc, viết,...

15. Hoạt động thực hành 1, Bài 8B (trang 108)

Điền vào chỗ trống :

Con mèo, con mèo
Đuổi theo con chuột
Giơ vuốt, *nhe* nanh
Con chuột *chạy* quanh
Luồn hang *luồn* hốc.

16. Hoạt động cơ bản 1, Bài 8C (trang 110)

Tìm từ nhanh : Tìm từ chỉ hoạt động liên quan đến một sự vật được nêu.

VD : *bóng* – đá, *chuyền*, *rê*, *sút*

sách – đọc, mua, bọc, viết, xếp, mở, gập (vào)

áo – mặc, khâu, may, vá

com – nấu, ăn, thổi, rang, ghế, xới

17. Hoạt động cơ bản 1, Bài 10A (trang 3)

Xem tranh, kể về từng người trong tranh.

VD :

a) Tranh có ông, bà, cháu trai và cháu gái.

b) Ông đang kể chuyện, cháu trai nghe ông kể chuyện, bà đang bế cháu gái, cháu gái ngồi trong lòng bà.

18. Hoạt động cơ bản 2, Bài 10A (trang 4)

Trao đổi, trả lời câu hỏi : Mỗi bức tranh cho biết cháu giúp ông bà làm gì ?

VD : Tranh 1 : Cháu bê củi cho bà đun bếp.

Tranh 2 : Cháu giúp ông chăm sóc cây. Cháu giúp ông vun gốc cho cây.

Tranh 3 : Cháu dắt ông lên thềm.

Tranh 4 : Cháu đọc truyện cho bà nghe.

19. Hoạt động thực hành 1, Bài 11A (trang 18 – 19)

Tên các đồ vật trong tranh : chiếu, chai, áo, quần, ô.

20. Hoạt động thực hành 2, Bài 11A (trang 19)

Nói tên các đồ dùng trong gia đình và ích lợi của chúng, VD :

Bàn – để ngồi học ; *giường* – để nằm ngủ ; *chậu* – để rửa ; *ti vi* – để xem phim ;
tủ lạnh – để bảo quản thức ăn.

21. Hoạt động thực hành 3, Bài 11A (trang 19)

Tìm các đồ vật được vẽ ẩn trong tranh và ghi lại :

Trong tranh có : 1 bát to, 1 cái thìa, 1 cái chảo, 1 cái cốc, 1 cái chén to, 2 chiếc đĩa, 1 ghế tựa, 1 cái kiềng, 1 cái thớt, 1 con dao, 1 cái thang, 1 cái giá treo mũ áo, 1 bàn làm việc, 1 bàn HS, 1 cái chổi, 1 cái nồi, 1 cây đàn ghi-ta.

22. Hoạt động thực hành 4, Bài 11A (trang 20)

Hỏi – đáp về công dụng của các đồ vật tìm được ở hoạt động 3 :

Bát tô để đựng thức ăn ; cái thìa để xúc thức ăn ; cái chảo để rán, xào thức ăn ; cái cốc để uống nước ; cái chén để uống trà ; đĩa để đựng thức ăn ; ghế tựa để ngồi ; cái kiềng để đun bếp ; cái thớt để thái thịt, thái rau, chặt xương,... ; con dao để thái ; cái thang để trèo lên cao ; cái giá để treo mũ áo ; bàn để ngồi làm việc ; bàn HS để ngồi học ; cái chổi để quét nhà ; cái nồi để nấu thức ăn ; cây đàn ghi-ta để chơi nhạc.

23. Hoạt động cơ bản 1, Bài 12A (trang 29)

Quan sát tranh, trả lời câu hỏi : VD :

a) Bố đang bế em bé. Mẹ đang cài khuy áo cho bạn gái.

b) Tên bức tranh : Gia đình đầm ấm

24. Hoạt động thực hành 4, Bài 12A (trang 33)

Đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong câu :

– *Chăn màn, quần áo được xếp gọn gàng.*

– *Giường tủ, bàn ghế được kê ngay ngắn.*

– *Giày dép, mũ nón được để đúng chỗ.*

25. Hoạt động thực hành 3, Bài 12B (trang 37)

Ghép tiếng thành từ :

yêu quý, yêu mến, yêu thương, kính yêu, kính mến, kính thương, quý mến, mến yêu, mến thương, thương yêu, thương mến

26. Hoạt động thực hành 4, Bài 12B (trang 38)

Tìm từ ngữ điền vào chỗ trống :

Gợi ý : Có thể tìm trong các từ đã ghép được ở bài tập 1.

Câu thứ nhất : có thể điền : *kính yêu* (hoặc : *yêu quý*,...)

Câu thứ hai : *yêu quý* (hoặc : *thương yêu*,...)

Câu thứ ba : *yêu mến* (hoặc : *yêu quý*,...)

27. Hoạt động thực hành 4, Bài 13A (trang 46)

Tìm bộ phận câu

Lời giải :

Ai	làm gì ?
a) <i>Cậu bé</i>	<i>nhìn lên tán lá.</i>
b) <i>Cậu bé</i>	<i>oà khóc.</i>
c) <i>Họ</i>	<i>đem hạt gieo trồng khắp nơi.</i>
d) <i>Bố</i>	<i>còn tặng nhà trường một khóm hoa cúc đại đoá đẹp mê hồn.</i>

28. Hoạt động thực hành 5, Bài 13A (trang 47)

Sắp xếp các từ ngữ để tạo câu :

a) Chi tìm những bông hoa cúc màu xanh.

b) Cô giáo khen Chi có tấm lòng nhân hậu.

29. Hoạt động thực hành 6, Bài 13A (trang 47)

Tập diễn kịch câm làm động tác biểu diễn việc mình làm giúp cha mẹ, gọi tên việc làm, VD : *quét nhà, nhặt rau, giặt quần áo, bế em, rửa bát, lau nhà*,...

30. Hoạt động cơ bản 1, Bài 14A (trang 56)

Xem tranh, trả lời câu hỏi, VD :

Tranh 1 : Anh trai dắt em gái đi chơi.

Chị và em chơi búp bê.

Anh đang kể chuyện cho em nghe.

Tranh 2 : Anh đưa võng ru em ngủ.

31. Hoạt động thực hành 3, Bài 14A (trang 60)

Sắp xếp từ thành câu theo mẫu *Ai làm gì ?*

VD : – Anh (Chị) yêu thương em.

– Chị (Anh) chăm sóc em.

– Em yêu thương (giúp đỡ) chị.

– Chị nhường nhịn (giúp đỡ) em.

– Anh em giúp đỡ (nhường nhịn) nhau.

32. Hoạt động thực hành 1, Bài 14B (trang 62)

Thi tìm nhanh các từ nói về tình cảm thương yêu giữa anh chị em

VD : nhường nhịn, giúp đỡ, chăm sóc, chăm lo, chăm chút, chăm bẵm, yêu thương, yêu quý, chiều chuộng, bế ẵm,...

33. Hoạt động cơ bản 1, Bài 15B (trang 74)

Phân loại các từ chỉ đặc điểm của người và vật

Dựa vào yêu cầu của bài tập và mẫu (M :), xếp vào từng ô chỉ :

a) Đặc điểm về tính tình của người : *tốt, ngoan, hiền, lười, chăm,...*

b) Đặc điểm về màu sắc của vật : *trắng, xanh, đỏ, tím, hồng,...*

c) Đặc điểm về hình dáng của người, vật : *cao, tròn, vuông, gầy, mập,...*

34. Hoạt động thực hành 1, Bài 15B (trang 76)

Tìm nhanh từ không thuộc nhóm :

a) xanh biếc, b) cao vút, c) chuyên cần, d) chót vót

35. Hoạt động thực hành 2, Bài 15B (trang 76)

Chọn từ thích hợp, đặt câu theo mẫu *Ai (cái gì, con gì) thế nào ?*

VD : a) – Mái tóc của ông em (đã) *hoa râu*.

– Mái tóc của bà em (vẫn còn) *đen nhánh*.

b) – Tính tình của mẹ em (rất) *hiền hậu*.

– Tính tình của bố em (rất) *vui vẻ*. (*điềm đạm*)

c) – Bàn tay em bé *mũm mĩm*. (*trắng hồng / xinh xắn*)

d) – Nụ cười của chị em *tươi tắn*. (*rạng rỡ*)

– Nụ cười của anh em (thật) *hiền lành*. (*hiền khô*)

36. Hoạt động thực hành 3, Bài 16A (trang 87)

Tìm tên các con vật :

1. gà trống, 2. vịt, 3. ngan, 4. ngỗng, 5. bò câu, 6. dê, 7. cừu, 8. thỏ, 9. bò, 10. trâu.

37. Hoạt động thực hành 1, Bài 16B (trang 91)

Tìm từ trái nghĩa :

vui / buồn, chăm / lười, yếu / khoẻ, nhanh / chậm, khóc / cười

38. Hoạt động thực hành 6, Bài 17A (trang 104)

Nói theo mẫu :

Trâu cày rất khoẻ. Vì thế, người ta nói : khoẻ như trâu.

39. Hoạt động thực hành 2, Bài 18A (trang 116)

Tìm từ chỉ đặc điểm của người :

– Mắt : to, tròn, đen, sáng, long lanh...

– Tính nết : hiền lành, chăm chỉ, dịu dàng, nhẹ nhàng, trung thực, chịu khó, thẳng thắn,...

– Giọng nói : thanh thanh, trong trẻo, nhẹ, khàn khàn, âm, trầm,...

Ngoài ra, HĐ Luyện từ và câu có thể là nội dung để tổ chức *Hoạt động ứng dụng* cho mỗi bài. Ví dụ :

– Hoạt động ứng dụng Bài 3A, trang 34 : *Viết tên các đồ vật trong nhà hoặc tên các loại cây trong vườn.*

– Hoạt động ứng dụng 2, Bài 8C, trang 115 : Cùng người thân chơi trò thi tìm các từ ngữ chỉ hoạt động nấu ăn.

6. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2 trong luyện từ và câu

1) Tuỳ vào trình độ HS, GV có thể tăng, giảm độ khó của 1 HĐ, có thể thay ví dụ, thêm hoặc bớt hướng dẫn mẫu, tăng hoặc giảm số lượt thực hành,...

2) Có thể lựa chọn, thay thế phương tiện dạy học, ví dụ sử dụng thẻ chữ hoặc viết sẵn lên bảng, sử dụng bảng nhóm, bảng lớp hay phiếu bài tập, viết vào vở.

3) Có thể thay đổi cách báo cáo kết quả : cá nhân báo cáo trong nhóm, đại diện nhóm báo cáo trước lớp hoặc nộp cho thầy (cô),...

7. Tài liệu tham khảo hỗ trợ GV dạy học phần kiến thức tiếng Việt lớp 2

- Sách *Tiếng Việt 2*, tập một, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Sách giáo viên Tiếng Việt 2*, tập một, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học* – Nhiều tác giả, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008.
- *Dạy học tích cực môn Tiếng Việt lớp 1, 2* – Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thị Hiền Lương, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ Tiểu học* – Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- *Dạy Từ ngữ ở Tiểu học* – Lê Hữu Tinh, NXB Giáo dục, 2005.
- *Dạy Ngữ pháp ở Tiểu học* – Lê Phương Nga, NXB Giáo dục, 2005.
- *Sổ tay kiến thức tiếng Việt ở Tiểu học* – Đỗ Việt Hùng, NXB Giáo dục, 2007.

MỤC LỤC

Phần I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
1. Mục đích của <i>Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2</i>	4
2. Giới thiệu phương pháp dạy học theo mô hình trường học mới (EN)	4
3. Giới thiệu sách <i>Hướng dẫn học Tiếng Việt 2</i>	5
4. Cách sử dụng sách <i>Hướng dẫn học Tiếng Việt 2</i>	20
5. Giới thiệu <i>Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 2</i>	22
Phần II – HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC TỪNG MẠCH NỘI DUNG	25
A – Dạy học đọc	26
1. Chương trình và Chuẩn kiến thức, kỹ năng đọc	26
2. Phương pháp tổ chức hoạt động đọc thông (đọc thành tiếng và đọc thầm)	27
3. Tổ chức dạy học đọc – hiểu	44
B – Dạy học kỹ năng viết	61
I – Dạy viết Chính tả	61
1. Chuẩn kiến thức, kỹ năng	61
2. Nội dung và mối quan hệ giữa các nội dung phần Chính tả	61
3. Phương pháp dạy học cụ thể, tổ chức trò chơi học tập	63
4. Hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập qua từng hoạt động	67
5. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2 trong dạy viết Chính tả	68
6. Một số ví dụ hướng dẫn cách tổ chức hoạt động dạy và học Chính tả	70
7. Đáp án các bài tập của hoạt động Chính tả	77
II – Dạy viết đoạn văn	82
1. Chuẩn kiến thức, kỹ năng	82
2. Nội dung dạy học viết đoạn văn, viết văn bản ở lớp 2	82
3. Phương pháp dạy học viết đoạn văn, viết văn bản, cách thức tổ chức hoạt động	84
4. Hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả học tập qua từng hoạt động	91
5. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2 trong dạy viết đoạn văn	91

C – Dạy học kĩ năng nghe – nói	93
1. Chuẩn kĩ năng và nội dung dạy nghe – nói ở lớp 2	93
2. Hướng dẫn dạy kĩ năng nghe – nói	95
3. Đồ dùng dạy học nghe – nói	115
4. Đánh giá kết quả nghe – nói (HS tự kiểm soát kết quả học tập)	116
5. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2	117
6. Tài liệu tham khảo hỗ trợ GV dạy học nghe – nói	120
7. Bài soạn	121
D – Dạy học kiến thức tiếng Việt	124
1. Nội dung dạy học và chuẩn kiến thức tiếng Việt ở lớp 2	124
2. Phương pháp dạy học kiến thức tiếng Việt cho học sinh lớp 2	125
3. Đánh giá kết quả học kiến thức tiếng Việt	133
4. Đồ dùng dạy học kiến thức tiếng Việt ở lớp 2	133
5. Đáp án của hoạt động luyện từ và câu	133
6. Về việc điều chỉnh sách HDHTV2 trong luyện từ và câu	140
7. Tài liệu tham khảo hỗ trợ GV dạy học phần kiến thức tiếng Việt lớp 2	141

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **VŨ VĂN HÙNG**

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học **PHẠM NGỌC ĐỊNH**

Phó Tổng biên tập **PHAN XUÂN THÀNH**

Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội **VŨ BÁ KHÁNH**

Biên tập nội dung :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Trình bày bìa :

NGUYỄN HOÀNG

Sửa bản in :

NGỌC BẢO

Chế bản :

NGUYỄN HOÀNG

Tài liệu hướng dẫn giáo viên

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2

Mã số : T2E29A3

Số ĐK KHXB : 187-2013/CXB/2-155/GD

In 21 177 bản (QĐ59TK), khổ 20,5 x 27cm tại Công ty TNHH MTV In & Văn hóa phẩm
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2013.